Giáo Sĩ Việt Nam

Bán nguyệt san – Số 441 – Chúa nhật 02.10.2022

Giáo sĩ: ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Hr 5, 1)

www.conggiaovietnam.net giaosivietnam@gmail.com

MỤC LỤC

QUI CHẾ HOẠT ĐỘNG TÔNG ĐỒ GIÁO DÂN …… Vatican 2

XIN BAN THÊM ĐỨC TIN CHO CHÚNG CON .. Lm. Giuse Nguyễn Văn Nghĩa – Ban Mê Thuột

CHÚNG TA KHÔNG BAO GIỜ BỊ BỎ RƠI …….. Lm JB NGUYỄN MINH HÙNG

BỔN PHẬN …….. Lm. Giuse Trần Việt Hùng

ĐỨC TRINH NỮ MARIA, NGƯỜI MẸ YÊU DẤU CỦA TÔI …….. Lm. Trần Mạnh Hùng STD

HƯƠNG KHÓI SATAN VÀ THỊ KIẾN CỦA ĐỨC LEO XIII ……..Tiến sĩ Tâm Lý Trần Mỹ Duyệt

NHỮNG KITÔ HỮU GIỮ "ĐẠO TẠI TÂM" ……. Phêrô Phạm Văn Trung chuyển ngữ và tổng hợp

TRÁNH PHÊ BÌNH – CHÚ TRỌNG ƯU ĐIỂM HƠN LÀ KHUYẾT ĐIỂM…….

……Lm Peter Lê Văn Quảng PsyD.

SỐNG TRIỆT ĐỂ LUẬT ĐỘC THÂN LINH MỤC …… Lm Micae-Phao lô Trần Minh Huy, PSS

Đạo trong Lão học và trong Nho học ……. Gs Nguyễn Đăng Trúc

HỌC LÀM NGƯỜI QUÂN TỬ ……. Lm Đan Vinh HHTM

THAM NHŨNG VÀ HỐI LỘ …… Chuyện Phiếm của Gã Siêu

CHƯƠNG V QUI CHẾ HOẠT ĐỘNG TÔNG ĐỒ GIÁO DÂN

LTS. Mặc dù trong 17 năm qua, Đặc San GSVN đã phổ biến nhiều lần các văn kiện của Công Đồng Vatican II, nhưng chúng con vẫn thấy đây là những tư liệu vô giá, sẽ giúp nuôi dưỡng đời sống Đức Tin cho mọi Kitô Hữu, cũng như sẽ rất hữu ích cho những ai muốn tìm hiểu về Giáo Hội Công Giáo, vì thế chúng con sẽ tiếp tục giới thiệu về 16 văn kiện quan trọng của Công Đồng Chung Vatican II, đây là bản dịch của Ủy Ban Giáo Lý & Đức Tin, HĐGM Việt Nam.

Kính mong được mọi người cùng quan tâm.

Xin chân thành cảm ơn.

Đặc San GSVN

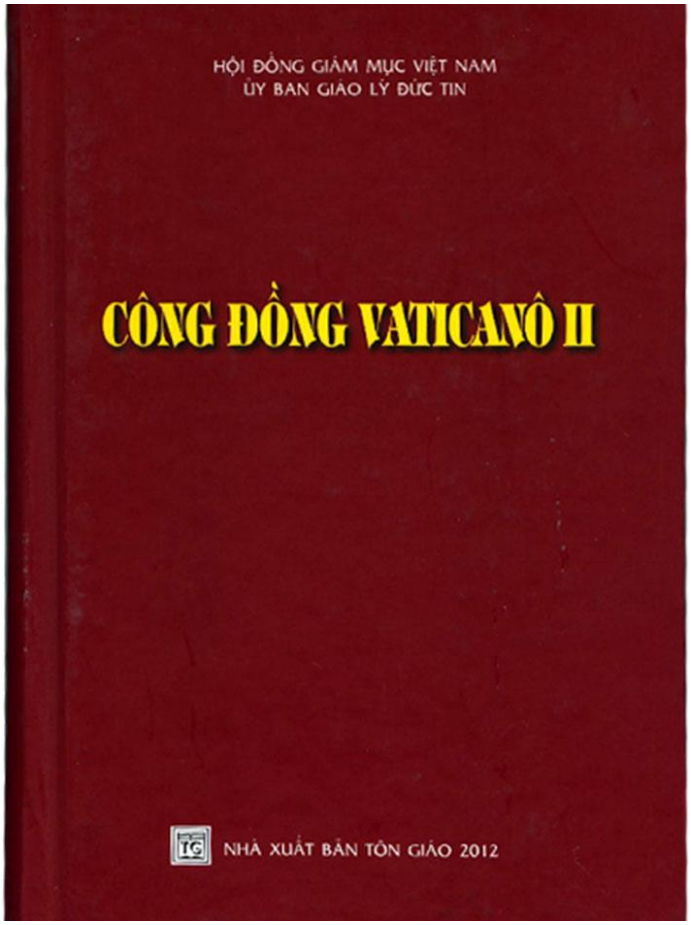
HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC VIỆT NAM
ỦY BAN GIÁO LÝ ĐỨC TIN
CÔNG ĐỒNG VATICANÔ II
NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO 2012

PHAOLÔ GIÁM MỤC
TÔI TỚ CÁC TÔI TỚ THIÊN CHÚA
HỢP NHẤT VỚI CÁC NGHỊ PHỤ CỦA THÁNH CÔNG ĐỒNG
ĐỂ MUÔN ĐỜI GHI NHỚ

SẮC LỆNH
VỀ HOẠT ĐỘNG TÔNG ĐỒ GIÁO DÂN
APOSTOLICAM ACTUOSITATEM

Ngày 18 tháng 11 năm 1965

Tiếp theo

CHƯƠNG V
QUI CHẾ HOẠT ĐỘNG

23. Việc tông đồ của giáo dân, cá nhân hay tập thể, phải được đặt vào đúng chỗ trong công cuộc tông đồ của toàn thể Giáo Hội; hơn nữa, việc liên kết với những người đã được Chúa Thánh Thần đặt lên cai quản Giáo Hội Chúa cũng là một yếu tố thiết yếu của việc tông đồ Kitô giáo (x. Cv 20,28). Trong khi đó, việc cộng tác giữa các tổ chức tông đồ khác nhau cũng rất cần thiết và phải được hàng Giáo phẩm điều hành cách hài hòa.

Vì muốn cổ võ tinh thần hợp nhất để tình bác ái huynh đệ được toả sáng trong mọi hoạt động tông đồ của Giáo Hội, để đạt được các mục đích chung cũng như để tránh những cạnh tranh nguy hại, cần phải có sự tôn trọng lẫn nhau và sự phối hợp thích đáng giữa các tổ chức tông đồ trong Giáo Hội, miễn là đặc tính riêng của mỗi tổ chức vẫn được duy trì[1].

Điều đó rất thích hợp mỗi khi có một công tác đặc biệt trong Giáo Hội đòi phải có sự hòa hợp và cộng tác tông đồ giữa hàng giáo sĩ dòng và triều, giữa tu sĩ và giáo dân.

24. Bổn phận của hàng Giáo phẩm là phải hỗ trợ cho hoạt động tông đồ của giáo dân, đề ra các nguyên tắc và giúp các phương tiện thiêng liêng, điều phối việc tông đồ của họ để sinh ích chung cho cả Giáo Hội, cũng phải lo giữ cho giáo thuyết và những chỉ thị của Giáo Hội được tuân hành.

Có nhiều thể thức liên lạc giữa việc tông đồ giáo dân với hàng Giáo phẩm tùy theo hình thức và mục tiêu của mỗi hoạt động tông đồ.

Quả thật, đã có nhiều sáng kiến hoạt động tông đồ trong Giáo Hội được khởi xướng do giáo dân tự ý thành lập và điều hành tốt đẹp. Nhờ những hoạt động tông đồ như thế, trong nhiều hoàn cảnh, Giáo Hội có thể chu toàn sứ mệnh của mình cách tốt đẹp, và do đó hàng Giáo phẩm thường

[1] x. PIÔ XI, Thông điệp *Quamvis Nostra*, 30.4.1936: AAS 28 (1936), tr. 160-161.

ca ngợi và cổ võ các sáng kiến đó[2]. Tuy nhiên, không một khởi xướng hoạt động nào được lấy danh nghĩa công giáo nếu không có sự ưng thuận của giáo quyền hợp pháp.

Có một số tổ chức tông đồ giáo dân, dưới hình thức này hay hình thức khác, đã được giáo quyền công khai chấp nhận.

Ngoài ra, vì nhu cầu ích chung của Giáo Hội, giáo quyền có thể lựa chọn và cổ võ cách đặc biệt cũng như đảm nhận trách nhiệm đối với một số tổ chức hay hiệp hội tông đồ có tôn chỉ trực tiếp hướng đến mục đích thiêng liêng. Như thế, khi tổ chức công việc tông đồ theo nhiều cách thức khác nhau cho hợp với hoàn cảnh, hàng Giáo phẩm liên kết một hình thức tông đồ giáo dân nào đó cách chặt chẽ hơn với phận vụ tông đồ của mình, tuy nhiên phải bảo toàn nguyên vẹn bản chất và sự khác biệt giữa hai bên, và như thế, giáo dân vẫn duy trì được khả năng cần thiết để hoạt động theo sáng kiến của mình. Trong nhiều văn kiện của Giáo Hội, hành động trên đây của hàng Giáo phẩm được gọi là sự ủy nhiệm.

Sau cùng, hàng Giáo phẩm có thể trao cho giáo dân một vài phận vụ vốn gắn liền với nhiệm vụ của chủ chăn, chẳng hạn việc dạy giáo lý, cử hành phụng vụ, hay chăm sóc các linh hồn. Vì được ủy nhiệm, nên khi thi hành nhiệm vụ, người giáo dân phải hoàn toàn tuân phục sự điều khiển của giáo quyền thượng cấp.

Trong những vấn đề liên quan đến các hoạt động và định chế thuộc lãnh vực trần thế, hàng Giáo phẩm có nhiệm vụ phải giảng dạy và giải thích cách trung thực những nguyên tắc luân lý phải tuân theo trong lãnh vực này. Sau khi đã cân nhắc kỹ lưỡng và bàn hỏi với các nhà chuyên môn, hàng Giáo phẩm có quyền thẩm định hoạt động này hay định chế kia có phù hợp hay không với các nguyên tắc luân lý và phán quyết những gì phải làm để bảo vệ và cổ võ những lợi ích thuộc lãnh vực siêu nhiên.

25. Các Giám Mục, các cha xứ, các linh mục dòng triều phải nhớ rằng hoạt động tông đồ là quyền lợi và bổn phận chung của tất cả mọi tín hữu không phân biệt giáo sĩ hay giáo dân, và giáo dân có trách nhiệm phải góp phần trong việc xây dựng Giáo Hội[3]. Vì thế, các ngài phải cùng với giáo dân làm việc trong Giáo Hội và cho Giáo Hội với tình huynh đệ, phải dành sự quan tâm đặc biệt cho những giáo dân đang tham gia công tác tông đồ[4].

Phải chọn những linh mục có khả năng và được huấn luyện đầy đủ để giúp đỡ các tổ chức tông đồ đặc biệt của giáo dân[5]. Khi thi hành tác vụ do hàng Giáo phẩm uỷ thác, các ngài đại diện cho hàng Giáo phẩm trong hoạt động mục vụ của mình; các ngài phải phát huy mối liên hệ thích đáng giữa giáo dân và hàng Giáo phẩm, trong khi vẫn luôn trung thành với tinh thần và giáo lý của Giáo Hội; phải chú tâm nuôi dưỡng đời sống thiêng liêng và tình thần tông đồ nơi các đoàn thể công giáo đã được trao phó; các ngài phải luôn hiện diện trong các hoạt động tông đồ với sự

---

[2] x. S.C. CONCILII, *Resolutio Corrienten*, 13.11.1920: AAS 13 (1921), tr. 137-140.
[3] x. PIÔ XII, *Huấn từ gửi Hội nghị Giáo dân từ các Dân tộc cổ võ cho hoạt động tông đồ*, 5.10.1957: AAS 49 (1957), tr. 927.
[4] x. CĐ VATICAN II, Hiến Chế tín lý về Giáo Hội *Lumen Gentium*, 37.
[5] x. PIÔ XII, Tông huấn *Menti Nostrae*, 23.9.1950: AAS 42 (1950), tr. 660.

góp ý khôn ngoan và cổ võ những sáng kiến của các đoàn thể. Qua việc tiếp xúc thường xuyên với giáo dân, các ngài phải quan tâm tìm kiếm những hình thức có thể đem lại nhiều kết quả hơn cho hoạt động tông đồ; phải cổ võ tinh thần hiệp nhất ngay trong đoàn thể mình phụ trách cũng như giữa đoàn thể này với các đoàn thể bạn.

Sau cùng, các tu sĩ nam nữ phải quý trọng các hoạt động tông đồ của giáo dân; theo tinh thần và nội qui của mỗi hội dòng, họ phải sẵn lòng giúp cho các hoạt động tông đồ giáo dân được phát triển[6]; đồng thời cũng phải tận tình nâng đỡ, trợ giúp và bổ túc các công việc của linh mục.

26. Trong mỗi giáo phận, phải quan tâm tối đa đến việc thành lập các ban cố vấn gồm các giáo sĩ, tu sĩ và giáo dân cùng tích cực cộng tác để hỗ trợ các hoạt động tông đồ của Giáo Hội, trong lãnh vực Phúc âm hoá và thánh hóa mọi người, hoặc trong lãnh vực từ thiện bác ái, xã hội hay các hoạt động khác. Các cố vấn này có thể giúp điều phối hoạt động của các hội đoàn và các chương trình tông đồ giáo dân, trong khi vẫn tôn trọng bản chất và quyền tự quản của các thành phần có liên quan[7].

Nếu có thể, cũng nên thiết lập những ban cố vấn như thế ở cấp giáo xứ, liên giáo xứ, liên giáo phận và ngay cả ở cấp quốc gia hay quốc tế[8].

Hơn nữa, phải thiết lập bên cạnh Tòa Thánh một văn phòng đặc trách hỗ trợ và phát huy hoạt động tông đồ giáo dân, được coi như cơ quan trung ương có đủ phương tiện thích hợp để phổ biến thông tin về các chương trình hoạt động tông đồ, đồng thời nghiên cứu các vấn đề thời đại trong lãnh vực này để tư vấn cho hàng Giáo phẩm và cho chính những người giáo dân đang dấn thân trong hoạt động tông đồ. Các phong trào và các tổ chức tông đồ giáo dân hiện có trên khắp thế giới phải được coi là thành viên của văn phòng này, trong đó có cả giáo sĩ, tu sĩ và giáo dân cùng cộng tác.

27. Vì có chung một gia sản Tin Mừng và do đó có cùng một bổn phận là làm chứng cho Chúa Kitô, người công giáo nên và thường phải cộng tác với các Kitô hữu khác, hoặc cá nhân với cá nhân, hoặc giữa các cộng đồng Giáo Hội, trong các hoạt động cũng như trong các hội đoàn trên bình diện quốc gia hay quốc tế[9].

Vì cùng chung những giá trị nhân bản, nên người Kitô hữu đang theo đuổi mục đích tông đồ cũng thường xuyên phải cộng tác với những người tuy không theo Kitô giáo, nhưng vẫn nhìn nhận những giá trị nhân bản đó.Nhờ sự cộng tác năng động và khôn ngoan này[10], vốn có tầm quan trọng đặc biệt trong các hoạt động thuộc lãnh vực trần thế, người giáo dân làm chứng cho

---

[6] x. CĐ VATICAN II, Sắc Lệnh về Canh tân thích nghi đời sống dòng tu *Perfectae Caritatis*, 8.

[7] x. BÊNÊDICTÔ XIV, *De Synodo Diocesana* c. I, III, ch. IX, số VII-VIII: Opera omnia in tomos XVII distributa, bộ XI (Prati 1844), tr. 76-77.

[8] x. PIÔ XI, Thông điệp *Quamvis nostra*, 30.4.1936: AAS 28 (1936), tr. 160-161.

[9] x. GIOAN XXIII, Thông điệp *Mater et Magistra*, 15.5.1961: AAS 53 (1961), tr. 456-457; x. CĐ VATICAN II, Sắc lệnh về Hiệp Nhất *Unitatis Redintegratio*, 12.

[10] x. CĐ VATICAN II, Sắc lệnh về Hiệp Nhất *Unitatis Redintegratio*, 12; xem thêm Hiến Chế tín lý về Giáo Hội *Lumen Gentium*, 15.

Chúa Kitô, Đấng Cứu Chuộc thế giới và làm chứng cho tình đoàn kết đại đồng của cả gia đình nhân loại.

Còn tiếp

VỀ MỤC LỤC

XIN BAN THÊM ĐỨC TIN CHO CHÚNG CON

(Chúa Nhật XXVII TN C)

Một hiện trạng của con người trong nền văn minh hiện đại đó là sự bất an. Khi nền khoa học công nghệ càng phát triển tân kỳ thì con người càng như thấy mình đang đối diện với nhiều dữ kiện bất thường. Đó không chỉ là những biến đổi khó lường của thiên nhiên mà còn là những đổi thay trong đời sống xã hội và nhất là những xáo trộn trong đời sống tâm lý lẫn tâm linh của con người. "Mọi sự đều là có thể". Câu ngạn ngữ này trước đây vốn ám chỉ đến khả năng to lớn của con người, thì nay lại dường như ứng với các tình huống xấu đang rình chờ ập xuống trên nhân loại chúng ta.

Các tiện nghi vật chất không bảo đảm cho sự yên bình. Nền khoa học hiện đại cũng không là một bảo đảm cho sự ổn định. Nhìn vào hệ thống an ninh, tình báo, quân sự "khổng lồ" của các nước phát triển chúng ta nhận ra sự thật này: nhân loại chúng ta đang sống trong cảnh bất an. Sự bất an, bất định ấy nó diễn ra ngay trong chính cái nền tảng của xã hội đó là cuộc sống gia đình. Các con số thống kê về tỉ lệ hôn nhân đổ vỡ, về tình trạng ly thân, li dị đủ để minh chứng điều này.

Tình trạng "bấp bênh" trên đây chính là một thách đố lớn cho con người thời đại hôm nay. Đối diện với thách đố ấy, bên cạnh những nỗ lực khắc phục mang tính kỷ thuật công nghệ hay mang tính tâm lý xã hội thì niềm tin chính là chiếc chìa khóa giải mã cho vấn đề. Dù không phổ biến những cũng đã từng có nhiều người, nhiều tập thể tìm sự giải thoát bằng sự cuồng tín, bằng nhiều hình thức mê tín lầm lạc.

Trong cảnh khốn cùng dường như vô vọng của dân Chúa xưa, ngôn sứ Khabacuc đã thấy thị kiến và nhận lệnh: "Hãy viết lại thị kiến và khắc vào tấm bia cho ai nấy đọc được xuôi chảy…Này đây, ai không có tâm hồn ngay thẳng sẽ ngã gục, còn người công chính thì sẽ được sống, nhờ lòng tin của mình"(Kb 2,2-4).

"Thưa Thầy, xin thêm lòng tin cho chúng con"(Lc 17,5). Sau khi khẳng định rằng: "Nếu anh em có lòng tin lớn bằng hạt cải, thì dù anh em có bảo cây dâu này: Hãy bật rễ lên, xuống dưới biển kia mà mọc, nó cũng sẽ vâng lời anh em", thì Chúa Giêsu đã minh họa lòng tin ấy bằng thái

độ phục vụ của người đầy tớ, một người ý thức rằng "mình chỉ làm những việc phải làm" theo ý của chủ mà thôi.

Thánh tông đồ dân ngoại nhắc nhủ môn đệ Timôtê rằng: "Thiên Chúa đã chẳng ban cho chúng ta một Thần Khí làm cho chúng ta trở nên nhút nhát, nhưng là một thần khí khiến chúng ta được đầy sức mạnh, tình thương và biết tự chủ" (2Tm 1,7). Như thế chúng ta có thể nhận ra thánh ý của vị chủ tể tối cao để thực thi đó là:

-Biết tự chủ: Làm chủ bản thân là tiền đề của việc thành nhân và thành người con Chúa đúng nghĩa. Ai không làm chủ được các cảm xúc, các tham muốn và các hành động của mình thì vẫn mãi còn là trẻ con hay dù đã lớn nhưng chưa trưởng thành. Một trong những nét phân biệt giữa con người với loài vật đó là biết dừng, biết nói không với những gì xấu xa, bất chính và với cả những gì tuy tự chúng không xấu nhưng có thể làm cản trở mình vươn lên tới những điều tốt đẹp hơn.

-Can đảm sống yêu thương đến cùng: Yêu thương ở đây không phải chỉ với tình cảm nhân loại thường tình nhưng phải như Chúa Kitô đã yêu thương chúng ta. Tình yêu của Chúa Kitô dành cho chúng ta được minh họa rõ nét qua mầu nhiệm tự hủy, tự hạ của Người. Vốn giàu sang, Người đã tự nguyện trở nên nghèo hèn vì chúng ta. Vốn là Thiên Chúa, Người đã mang lấy thân phận tôi đòi như chúng ta. Vốn là con chiên tinh tuyền Người đã nhận lấy án hình của một tội nhân đầy nhuốc hổ thay cho chúng ta (x.Pl 2,6-11).

Tin không đơn thuần là một sự chấp thuận của lý trí, nhưng trên hết đó là một sự dấn thân của ý chí tự do. Kitô hữu chúng ta tin không phải là chấp thuận một vài chân lý, một vài tín điều nào đó, nhưng chúng ta tin nghĩa là chúng ta quyết đi theo một Đấng và Đấng ấy chính là Giêsu Kitô.

Theo Chúa Kitô với bước khởi đầu là làm chủ con người mình để rồi biết sống yêu thương đến cùng, thì dù nhiều sự khó khăn vẫn còn đó, dù cho những điều bất trắc của cuộc sống có lẽ sẽ không ít đi, nhưng chúng ta lại có sự bình an đích thực. "Ai muốn cứu mạng sống mình thì sẽ mất; còn ai liều mạng sống mình vì Thầy thì sẽ tìm được mạng sống ấy" (Mt 16,25). Lời khẳng định của Chúa Giêsu trên đây giúp chúng ta hiểu thế nào là tin.

Ngày nay vẫn có đó nhiều người trong chúng ta, thậm chí cả những đấng bậc đáng kính trong Giáo Hội không ngừng kêu gọi sự tự chế, mời gọi hăng say rao giảng tình yêu, nhưng bản thân lại còn ngần ngại từ bỏ danh phận, quyền uy, lợi lộc của mình, và dĩ nhiên cũng khó bề từ bỏ cả mạng sống mình. Chính Chúa Kitô đã từng than thở: "Khi Con Người đến, liệu người còn thấy lòng tin trên mặt đất nữa chăng?"(Lc 18,8).

"Lạy Chúa, xin thêm lòng tin cho chúng con". Thậm nghĩ rằng đây là một lời cầu khẩn thiết cần được lặp đi lặp lại từng ngày. Và ước gì sự lặp đi lặp lại này không dừng lại trên môi miệng mà phải được hiện thực hóa bằng thái độ sống, qua những hành động cụ thể, đáng tin.

CHÚNG TA KHÔNG BAO GIỜ BỊ BỎ RƠI

KÍNH ĐỨC MẸ MÂN CÔI

Sách Công vụ Tông đồ từng ghi nhận hình ảnh Đức Maria, sau ngày Chúa Giêsu về trời đã hợp cùng các tông đồ chuyên cần cầu nguyện:

"Bấy giờ, các ông từ núi gọi là núi Ôliu trở về Giêrusalem. Núi này ở gần Giêrusalem, cách đoạn đường được phép đi trong ngày sabát. Trở về nhà, các ông lên lầu trên, là nơi các ông trú ngụ. Đó là các ông: Phêrô, Gioan, Giacôbê, Anrê, Philípphê, Tôma, Bartôlômêô, Mátthêu, Giacôbê con ông Anphê, Simôn thuộc nhóm Quá Khích và Giu-đa con ông Giacôbê. Tất cả các ông đều đồng tâm nhất trí, chuyên cần cầu nguyện cùng với mấy người phụ nữ, VỚI BÀ MARIA THÂN MẪU ĐỨC GIÊSU và với anh em của Đức Giêsu (Cv 1, 12-14).

Đức Mẹ là Mẹ hiền của Hội Thánh. Vì thế, chúng ta vững tin, nếu ngày xưa Đức Mẹ không ngại đồng hành cùng Hội Thánh tiên khởi, thì ngày nay Đức Mẹ cũng đang hiện diện với chúng ta trong từng lời kinh, từng giờ nguyện của chúng ta.

Tháng 10.2002, nhân dịp về thăm quê hương Balan, trước khối lượng khổng lồ những người đồng hương, thánh Gioan Phaolô II đã cầu nguyện cùng Đức Mẹ: "Lạy Mẹ rất thánh, con tin cậy Mẹ và con tuyên bố với Mẹ: Tất cả con là của Mẹ! Tất cả con là của Mẹ! Amen".

Mỗi khi lần chuỗi, chúng ta cũng hãy đặt hết tình con thảo của mình, cuộc đời mình, sự sống và mạng sống mình vào tay Đức Mẹ để có thể thốt lên trong niềm xác tín kết hợp với chính sự xác tín của vị thánh nổi tiếng yêu mến Đức Mẹ, rằng: Tất cả con là của Mẹ! Tất cả con là của Mẹ!

Chuỗi Mân Côi giúp chúng ta chiêm ngắm và học tập các nhân đức của Đức Mẹ như: khiêm nhường, yêu thương, suy tư, vâng phục, sống nội tâm, bác ái, chấp nhận nghịch cảnh, tin tưởng, phó thác…

Đó là những nhân đức mà Đức Mẹ thể hiện qua từng giai đoạn của cuộc đời Chúa Cứu Thế mà các mầu nhiệm: Vui, Sáng, Thương, Mừng gợi lên trong ta khi suy niệm.

Chuỗi Mân Côi còn là con đường dẫn ta đến cái nhìn nội tâm chiêm ngưỡng Chúa Giêsu nhờ kết hợp cùng Đức Maria. Cùng Mẹ, ta chiêm ngắm Chúa Giêsu trong suốt cuộc đời trần thế của Chúa. Bởi đã không ai chiêm ngưỡng Chúa cách say sưa như Đức Mẹ. Đức Mẹ là gương mẫu lớn lao về việc trung thành chiêm ngưỡng dung nhan Chúa Giêsu.

Đức Mẹ hướng về Chúa ngay từ lúc truyền tin, khi cưu mang Chúa nhờ Chúa Thánh Thần, hạ sinh Chúa tại Bêlem, hoang mang khi tìm Chúa thất lạc suốt ba ngày liền.

Đức Mẹ như xuyên thấu tâm tư của Chúa Giêsu khi cầu nguyện tại tiệc cưới Cana. Trong đau khổ đến quay quắt và quặn thắt nỗi lòng, Đức Mẹ chứng kiến cuộc khổ nạn và cái chết tang thương của Chúa trên thánh giá. Đức Mẹ cũng đã tỏ rạng niềm vui phục sinh khi Chúa từ cõi chết sống lại.

Sự chiêm ngưỡng ấy càng trở nên rực cháy vì được tràn đầy Thánh Thần trong ngày lễ Hiện Xuống. Đức Mẹ vẫn tiếp tục đồng hành cùng Hội Thánh để làm cho Chúa lớn lên trong lòng thế giới. Học lấy cái nhìn chiêm ngắm của Đức Mẹ nơi các mầu nhiệm Mân Côi, ta sẽ thêm lòng yêu mến Chúa Giêsu và yêu Chúa như Đức Mẹ.

Vì được diễm phúc sống cùng Chúa Con, sinh dưỡng, bồng bế, dõi theo Chúa Con suốt cả đời, chỉ có Đức Mẹ mới là người hiểu Chúa hơn ai hết.

Tháng Mân Côi nhắc nhở chúng ta kiên trì lần chuỗi. Qua việc kiên trì lần chuỗi, ta đến với Đức Mẹ, nhờ Đức Mẹ đưa ta đến cùng Người Con yêu quý ấy là điều quý giá và khôn ngoan. Chắc chắn đó cũng là cách làm đẹp lòng Chúa, vì Chúa rất mực yêu quý Đức Mẹ.

Hơn thế, Chúa ban tặng Mẹ của Ngài cho ta, đặt Đức Mẹ trên địa vị cao trọng là vì ta, nhằm mang lại lợi ích cho ta. Ta hãy gởi gắm mọi nỗi sướng vui, buồn phiền, cả vận mạng đời đời của mình cho Đức Mẹ qua việc sống kinh Mân Côi chuyên cần.

Giữa một thế giới còn loạn lạc, bệnh tật, khổ đau. Đây đó còn khủng bố, chiến tranh, chém giết, dịch tễ lan tràn, triệu triệu người chết oan ức…, người tín hữu càng được mời gọi dấn thân hơn nữa trong đời sống cầu nguyện.

Và kinh Mân Côi vẫn là lời kinh thích hợp để người tín hữu kêu cầu Mẹ nhân từ của mình, Đức Nữ Vương ban sự bình an, tuôn đổ hòa bình cho thế giới, giúp nhân loại sống trong trật tự mới của lòng yêu thương và xóa bỏ hận thù.

Xin Đức Mẹ nâng đỡ trong hoàn cảnh đầy thương tâm của những ngày tháng bệnh tật và chết chóc lan tràn. Xin Đức Mẹ ra tay cứu chữa để nhân loại an vui hạnh phúc, người người thụ hưởng nền bình an của đời sống dương thế và bình an trong cõi phúc đời đời bên Thiên Chúa.

Từ kinh Mân Côi, chúng ta xin Đức Mẹ ban hòa bình trong lòng mỗi cá nhân, giúp mỗi người thoát khỏi đe dọa của nỗi sợ hãi vì nhiều nơi, nhiều tâm hồn con người còn vắng bóng tình yêu.

Chính lòng yêu thương vắng bóng mà tình trạng bóc lột, tham lam, ham hố danh vọng, đè đầu cưỡi cổ người khác, mạnh được yếu thua, thói giả tâm, thói tìm hưởng thụ cho bản thân... nhan nhản khắp nơi.

Và từ chính sự vắng bóng yêu thương mà đói rách, bất công, khoảng cách giữa người nghèo và người giàu ngày càng lớn, nhiều hình thức nô lệ mới, sự bất ổn trong cuộc sống, chia rẻ và ly tán trong gia đình, ngoài xã hội không ngừng diễn ra...

Vì thế, mỗi Kitô hữu hãy nhờ đến kinh Mân Côi mà trút bớt gánh nặng và bao nhiêu nỗi khốn khó của riêng mình, cũng như của nhân loại.

Hãy tìm về ơn bình an nơi chuỗi Mân Côi, vì lời kinh ấy chất chứa niềm an ủi vô biên, sâu lắng cả một tình yêu vời vợi mà chỉ có Thiên Chúa mới có thể trao ban.

Hãy nhớ, Dù được thưởng trên trời cao, Đức Mẹ không nhận lấy hạnh phúc cũng như không sống cho riêng mình, nhưng lưu chuyển nguồn bình an từ Thiên Chúa đến trên đoàn con trần thế của mình!

Vậy một lần nữa, tháng 10 - Tháng mân Côi lại về, chúng ta cầm lấy tràn chuỗi, sốt sắng cầu nguyện và thưa cùng Đức Mẹ rằng: **Tất cả con là của Mẹ! Tất cả con là của Mẹ!**

Chúng ta vững tin, mãi mãi Đức Mẹ là Hiền Mẫu muôn đời không thể thay thế của Hội Thánh. Đức Mẹ luôn bên cạnh Hội Thánh tiên khởi, thấu hiểu tâm tư các môn đệ ngày xưa của Chúa thế nào, thì Đức Mẹ cũng mang chúng ta trong tình yêu sâu thẳm và tràn đầy an ủi, tràn đầy dịu ngọt như vậy. Bởi Đức Mẹ không sống cho riêng mình, nhưng trở thành nguồn cậy trông, thành trì dựa dẫm của mỗi chúng ta đến muôn đời.

Hãy thâm tín vững chắc tâm niệm này: VỚI ĐỨC MẸ, CHÚNG TA KHÔNG BAO GIỜ BỊ BỎ RƠI!

Lm JB NGUYỄN MINH HÙNG

VỀ MỤC LỤC

BỔN PHẬN

CHÚA NHẬT 27 MÙA THƯỜNG NIÊN

(Kb 1, 2-3. 2, 2-4; 2 Tm 1, 6-8. 13-14; Lc 17, 5-10)

Trong đời sống đạo, đôi khi chúng ta nghĩ rằng Thiên Chúa mắc nợ chúng ta một số điều. Chúng ta là những người rất chân thành thực thi các giới răn, tham dự đầy đủ các nghi lễ, tụ nhóm cầu nguyện hằng tuần và chu toàn mọi điều luật dạy. Chúng ta nghĩ rằng Chúa phải ban phần thưởng. Có người tưởng nghĩ rằng Chúa như ông chủ, chúng ta là những người làm công. Làm xong việc là phải trả lương sòng phẳng. Chúng ta thường quan niệm giữ đạo và thực hành đạo để được an tâm và lãnh phần phúc. Thái độ phục vụ Thiên Chúa bị giảm bớt coi như một khế ước trao đổi. Phần thưởng trên nước trời là công lao chúng ta phục vụ dưới thế. Sự phục vụ như thế sẽ mất đi ý nghĩa tinh ròng. Thực ra việc làm của chúng ta chẳng có công lênh gì trước mặt Chúa. Phần thưởng ngày sau hoàn toàn là hồng ân Chúa ban. Chúng ta cũng chỉ là người đầy tớ phục vụ Chúa trong tin yêu.

Đôi khi chúng ta nghĩ rằng chúng ta đang làm ơn cho Chúa khi phải tuân giữ các giới răn và thờ phượng Chúa. Tiên tri Khabacúc than phiền với Chúa về sự bị đối xử bất công. Ông đối diện nhiều khó khăn và chịu nhiều đắng cay, ông cầu xin Chúa mau đáp lời và giải thoát. Ông kêu cầu Chúa và muốn rằng Chúa phải thực hành trá oán cho những bất công ngay. Chúa hứa với ông là sự công chính sẽ được vãn hòa và sửa phạt công minh.

Chúng ta tin vào Kinh Thánh mạc khải và tin vào Đấng Trung Gian được sai đến. Chúa Giêsu đến từ Chúa Cha và đã mạc khải cho chúng ta mầu nhiệm về Thiên Chúa Ba Ngôi và chương trình cứu độ nhân loại. Tất cả những điều mà chúng ta tuyên xưng trong Kinh Tin Kính

là nguồn mạch và cốt lõi của đạo. Tìm đọc lại từng chi tiết trong Kinh Tin, chúng ta sẽ thấy sự quan phòng của Thiên Chúa cách đặc biệt cho sự sống con người. Con người là chi mà Chúa để ý chăm nom. Con người được tạo nên giống hình ảnh của Thiên Chúa nên cũng được mời tham dự vào sự sống đời đời. Chúng ta hãy lắng nghe và thực hành tin mừng của Chúa. Vì Lời Chúa là lời hằng sống ban cho chúng ta sự sống đời đời. Tất cả là hồng ân.

Đức tin là nhân đức đối thần. Tin là lần bước trong đêm tối của sự phó thác. Tin như tổ phụ Abraham, ông tuyệt đối tin tưởng vào sự hướng dẫn của Thiên Chúa. Tin là thái độ không nghi ngờ, không cần lý luận và không đòi hỏi phải hiểu thấu. Nếu mọi sự nhãn tiền trước mắt, chúng ta không cần phải có đức tin. Trong đời sống tôn giáo, niềm tin là cột trụ và là tâm điểm của mọi sinh hoạt sống đạo. Tiên tri Khahabúc kêu cầu Chúa trong sự mong mỏi đợi chờ. Hầu như Chúa vẫn lặng im nhưng ông luôn đặt niềm tin tưởng nơi Chúa. Sống đức tin là biết sống phó thác mọi sự trong tay Chúa.

Con người là loài thụ tạo giống như chiếc bình gốm mỏng dòn dễ bể. Người thợ gốm muốn nắn nên hình thể nào mặc ý, bình gốm không có quyền đòi hỏi. Bình gốm được trưng bày trang trí mỹ thuật là một hạnh phúc tuyệt vời. Con người cũng thế, được hiện hữu là một ơn trọng. Tất cả những gì chúng ta làm chẳng thêm gì cho Chúa nhưng mang lại lợi ích cho chính chúng ta. Nhận ra chân giá trị của đời sống để chúng ta tôn thờ Chúa cho phải đạo.

Truyện kể: *Có một bà cụ già trải qua thời gian rất nghi ngờ về sự hiện diện của Thiên Chúa. Bà bồn chồn lo lắng vì chưa bao giờ xảy đến với bà như thế. Trong thất vọng, bà chạy đến với một vị linh mục xin lời khuyên. Bà hy vọng vị linh mục sẽ lý luận để chứng minh cho bà là Thiên Chúa hằng sống và tốt lành. Bà rất ngạc nhiên rằng linh mục chẳng nói gì về vấn đề này. Lời khuyên rất đơn sơ và xem ra không ăn nhập gì cả. Linh mục nói với bà hãy ra đi và thực hành những nghĩa cử yêu thương, tử tế và cảm thông với những người bà gặp trong đời, mọi sự sẽ tốt đẹp. Bà thực hành lời khuyên và thời gian trôi qua, tất cả những nghi ngờ về Thiên Chúa hoàn toàn biến mất.*

Thánh Phaolô là tông đồ nhiệt thành luôn khuyến khích mọi người liên kết chặt chẽ với Chúa Kitô. Kêu gọi sống kiên tâm và vững mạnh trong ơn nghĩa của Chúa. Phaolô phó dâng hoàn toàn cuộc đời trong Chúa. Những thơ viết cho cá nhân hay các giáo đoàn luôn là những lời khuyên răn, khích lệ và hướng dẫn sống đạo. Phaolô say mê trong việc rao truyền Chúa Kitô phục sinh và mọi sự đều qui hướng về Đức Kitô. Đến nỗi ngài đã phải thốt lên rằng tôi sống nhưng không phải là tôi, mà là Chúa Kitô sống trong tôi. Ngài tiếp tục khuyên răn môn đệ luôn sống trong sự thật của đức ái.

Lạy Chúa, chúng con chỉ là đầy tớ vô dụng. Tất cả cuộc sống đều nhờ bởi ơn Chúa. Xin Chúa đừng để chúng chìm đắm trong sự hão danh và háo thắng. Mọi công trình vĩ đại thuộc tinh thần cũng như vật chất đều qui hướng để làm sáng danh Chúa hơn nữa. Xin Chúa chúc lành cho mọi công việc bổn phận hằng ngày của chúng con. Amen

Lm. Giuse Trần Việt Hùng.

VỀ MỤC LỤC

ĐỨC TRINH NỮ MARIA, NGƯỜI MẸ YÊU DẤU CỦA TÔI

Linh mục Trần Mạnh Hùng

Đã từ lâu, tôi có ý định muốn viết và chia sẻ với những người thân yêu trong gia đình và bạn hữu thân thương của tôi về mối tình giữa tôi và Mẹ Thánh Maria, người mà tôi hằng yêu mến. Có thể nói tình cảm mà tôi dành cho Đức trinh nữ Maria là một tình yêu thắm thiết, mãnh liệt và nồng ấm. Và tình yêu ấy đã phát triển và lớn lên theo thời gian trong trái tim nhỏ bé của tôi.

Thuở còn bé, tôi hay cầu nguyện với Mẹ Maria, vì tôi cảm nhận được sự gần gũi giữa tôi và Mẹ. Mỗi khi tôi bị hiểu lầm hay bị ức hiếp mà tôi không thể giải bày hay minh oan cho chính mình, thì tôi lại đến bên Mẹ và âm thầm tâm sự với Mẹ. Tôi kể cho Mẹ nghe những nỗi uẩn ức của tôi, vì tôi biết Mẹ hiểu nỗi lòng của tôi, vì Mẹ có thể nhìn thấy được tất cả những gì đã xảy ra đối với tôi. Bởi lẽ đó, tôi đặt niềm tin ở nơi Mẹ và tôi thường xuyên chạy đến với Mẹ, nhất là những khi tôi cần đến sự giúp đỡ của Mẹ, và cứ thế theo dòng thời gian, tôi đã cảm nhận được sự ưu ái và lòng yêu thương đầy tình mẫu tử mà Mẹ Thánh Maria đã dành cho tôi.

Đến khi tôi bước vào tuổi vị thành niên, và trở thành giảng viên giáo lý, tôi đã tận hiến cho Mẹ tại nhà thờ giáo xứ Dục Mỹ, nơi gia đình tôi đã từng sinh sống từ năm 1963 và cho đến nay, một vài thành viên của gia đình vẫn còn sống và sinh hoạt tại đây.

Tôi gia nhập nhóm tận hiến trong cung lòng Mẹ với mục đích để nhờ Mẹ cưu mang và hướng dẫn tôi trong đời sống thiêng liêng, hầu tôi có thể trở thành một chiến sĩ tinh nhuệ của Mẹ, sẵn sàng chiến đấu cho vương quốc của Đức Giêsu Kitô và đem nhiều linh hồn lầm lạc trở về với Chúa.

Thú thực vào thời điểm này (1975–1979), tôi không hề hay biết đó chính là chương trình của Chúa và Mẹ Maria muốn huấn luyện và chuẩn bị tôi cho hành trình tương lai, để mai ngày khi thời gian chín mùi, chính Chúa đã gọi và mời tôi dấn thân theo Ngài, hầu trở thành người môn đệ của Chúa qua thiên chức linh mục.

Trước khi tôi gia nhập Chủng viện Lâm Bích, được xem như là Chủng viện hầm trú tại Giáo phận Nha Trang vào năm 1979,[1] tôi từng là ca viên và là giảng viên giáo lý. Tôi cũng đã giữ chức vụ là Trưởng ban thiếu nhi bàn thánh, lo việc coi sóc các em thiếu nhi giúp lễ tại giáo xứ. Nhờ đảm trách công việc này mà tôi có cơ hội gần gũi bàn thánh của Chúa mỗi ngày, và có lẽ trong tâm hồn tôi đã được Chúa nhóm lên ngọt lửa yêu mến bàn tiệc thánh thể của Chúa, tức là thánh lễ. Sau này khi tôi đã bắt đầu gia nhập Chủng viện tại Giáo phận Nha Trang, và nhất là khi tôi rời Việt Nam bằng hành trình vượt biên (1981) để có thể tiếp tục hành trình ơn gọi của mình tại nước Úc, nơi mà tôi đã được định cư, sau thời gian sống trong trại tị nan ở đảo Pulau Bidong – Mã Lai. Tôi càng lúc, càng nhận ra ý định của Thiên Chúa và những gì mà Ngài đã an bài cho tôi, ngay cả khi tôi mới có trí khôn. Tôi xác tín ơn gọi làm linh mục của tôi đã được Chúa chuẩn bị rất chu đáo từ khi tôi còn thơ bé, và với thời gian sự kiện này càng ngày càng rõ rệt hơn, và đến thời điểm mà Chúa đã ấn định, thì Ngài đã tỏ lộ cách minh bạch ý định của Ngài, và mặc khải điều đó đối với tôi.

Thoạt tiên, khi tôi khám phá ra thánh ý của Chúa muốn tôi đi tu làm linh mục, tôi rất sợ hãi và cảm thấy mình bất xứng… Tôi lo sợ rằng mình sẽ không có khả năng và trí thông minh để theo đuổi chương trình học trong Đại chủng viện, vì tôi biết điều này không có dễ dàng tí nào, thêm vào đó, tôi nghĩ mình không có đủ tư cách và lòng đạo đức để có thể trở thành người môn đệ của Chúa, nên tôi đã nhiều lần thối thác và từ chối lời mời gọi của Chúa. Nhưng đối với Thiên Chúa thì không có gì mà Ngài không thể làm được[2] và không ai có thể chạy khỏi bàn tay của Chúa, nếu một khi mà Ngài đã muốn chọn người ấy để dấn thân theo Ngài. Kinh nghiệm của những ai đã được Chúa gọi làm linh mục hoặc nam nữ tu sĩ sẽ minh chứng cho tôi về điều này. Vì khi tôi có dịp để gặp gỡ các anh em linh mục và các nam nữ tu sĩ, chúng tôi chia sẻ và tâm sự với nhau về kinh nghiệm ơn gọi của mỗi người, và làm sao để anh chị em chúng tôi có thể khám phá ra thánh ý của Chúa và xác tín rằng: đây là ơn gọi của chính mình. Hầu hết những lần chia sẻ như vậy, tôi đã được nghe các anh em linh mục thố lộ rằng: ban đầu họ cũng đã thối thác và tìm mọi cách để chối từ lời mời gọi của Chúa, vì đại đa số anh em chúng tôi đều cảm thấy mình bất xứng trước sứ mạng cao cả mà Chúa muốn trao phó cho chúng tôi. Nhưng đúng như anh em đã nhận xét: “Chạy đằng trời cũng không khỏi nắng!” Anh em chúng tôi đều khẳng định rằng: không ai có thể vượt ra khỏi tầm tay và ánh mắt của Chúa, nếu một khi mà Ngài đã chấm.

Thánh vịnh 139: 1-14 đã xác tín điều này:

"Lạy Chúa, Ngài dò xét con và Ngài biết rõ,
biết cả khi con đứng con ngồi.
Con nghĩ tưởng gì, Ngài thấu suốt từ xa,
đi lại hay nghỉ ngơi, Chúa đều xem xét,
mọi nẻo đường con đi, Ngài quen thuộc cả.
Đi mãi đâu cho thoát thần trí Ngài,
lẩn nơi nào cho khuất được Thánh Nhan?
Con có lên trời, Chúa đang ngự đó,
nằm dưới âm ty, vẫn gặp thấy Ngài.
Dù chắp cánh bay từ phía hừng đông xuất hiện,
đến ở nơi chân trời góc biển phương tây,
tại đó cũng tay Ngài đưa dẫn,
cánh tay hùng mạnh giữ lấy con.
Tạng phủ con, chính Ngài đã cấu tạo,
dệt tấm hình hài trong dạ mẫu thân con.
Tạ ơn Chúa đã dựng nên con cách lạ lùng,
công trình Ngài xiết bao kỳ diệu!

Giờ khi tôi nhìn lại sau khi đã làm linh mục được 28 năm, tôi càng lúc càng xác tín rằng: **đi tu cần có ơn gọi và ân sủng của Chúa**. Nếu Chúa gọi và Chúa chọn ta thì ta mới có thể trung thành đi theo Chúa, bằng không với sức riêng của con người thì không thể nào ta có thể làm được điều này. Dù ý chí của ta có mạnh đến cỡ nào đi chăng nữa, hoặc bố mẹ hay người thân trong gia đình có muốn ta đi tu để làm linh mục hay trở thành nữ tu, thì điều này cũng sẽ không có thành tựu, vì nếu Chúa không gọi và chọn thì không ai có thể tiến bước, và trung thành cho đến giây phút cuối cùng. Thực sự riêng đối bản thân của tôi, khi khám phá ra điều này, tôi rất vui mừng và cảm tạ ơn Chúa, vì chính Ngài đã gọi và chọn tôi làm linh mục. Đây quả là một hồng ân cao cả mà Chúa đã ân ban cho tôi và tôi nghĩ suốt đời tôi sẽ không bao giờ có thể đền đáp và cảm tạ Chúa cho đủ, vì đó là điều vĩ đại mà Chúa đã thực hiện trong cuộc đời của tôi.

Bây giờ tôi muốn quay trở lại để chia sẻ sâu xa hơn nữa về mối tình mà Mẹ Maria đã dành cho tôi trong suốt hơn 60 năm vừa qua. Nhiều lần tôi cũng đã tâm sự với bạn bè thân thương là trong cuộc đời của tôi, có hai người phụ nữ mà tôi yêu quý nhất, đó chính là người Mẹ ruột yêu dấu đã cưu mang và sanh hạ ra tôi. Mẹ đã dầy công nuôi nấng, dạy bảo và hướng dẫn tôi trong đời sống đức tin và lòng biết tôn kính và yêu mến Thiên Chúa. Người Mẹ thứ hai, chính là Đức Trinh Nữ Maria, người Mẹ tinh thần, chính Mẹ Maria cũng đã cưu mang tôi trong đời sống thiêng liêng và đã sanh hạ tôi ra với tư cách là người con cái của Thiên Chúa. Thực sự nếu chúng ta chịu khó tìm hiểu và học hỏi về vai trò của Mẹ Maria trong công trình cứu độ của Thiên Chúa thì chính Chúa Giêsu đã trao phó người Mẹ yêu dấu của Ngài cho chúng ta, khi Ngài bị treo lên thập tự giá.

Khi ấy, đứng gần thập giá Chúa Giêsu, có mẹ Người, cùng với chị mẹ Người là bà Maria, vợ ông Clêôpas và Maria Mađalêna.

*Khi thấy mẹ và bên cạnh có môn đệ Người yêu, Chúa Giêsu nói với mẹ rằng: "Thưa Bà, này là Con Bà". Rồi Người nói với môn đệ: "**Này là Mẹ con**". Và từ giờ đó môn đệ đã đón bà về nhà mình.* (Ga 19, 25-27).

Chúa Giêsu khi biết mình sắp sửa từ giã cõi đời này để trở về với Chúa Cha thì chính Ngài đã yêu thương các môn đệ của Ngài đến cùng, và Ngài đã gởi gấm và trao phó mỗi người trong chúng ta cho người Mẹ yêu dấu của Ngài là Đức Trinh Nữ Maria, để Mẹ thay mặt Ngài hầu tiếp tục chỉ bảo, dậy dỗ và hướng dẫn chúng ta trở thành "người môn đệ mà Chúa Giêsu yêu quý."[3]. Ngài mong muốn chúng ta hãy rước Mẹ về nhà mình, nghĩa là hãy đón nhận Mẹ vào trong tâm hồn của chúng ta, vào trong mái ấm gia đình của mình, để Mẹ sẽ trở thành người Mẹ tinh thần, người Mẹ thiêng liêng, người Mẹ của các Kitô hữu và người Mẹ của các môn đệ đã được Chúa Giêsu tuyển chọn.

Khi xưa Chúa Giêsu đã được Mẹ chỉ dạy như thế nào từ khi lọt lòng mẹ cho đến khi khôn lớn, và bắt đầu sứ mạng rao giảng công khai của Ngài, thì ngày nay Mẹ Maria sẽ tiếp tục vai trò ấy đối với chúng ta, là những con cái của Mẹ. Mẹ sẽ dùng các ân sủng mà Thiên Chúa đã ban cho Mẹ để bao bọc chúng ta, và đồng thời Mẹ cũng sẽ dùng các đặc ân mà Chúa đã ban cho Mẹ để thánh hiến chúng ta, biến chúng ta thành những người con ưu tú của Chúa. Chúng ta hãy nhớ lại câu truyện bà Rebecca đã lấy lông trừu bọc tay cho Giacóp. Đó là câu truyện về Giacóp là người đã nhận được phúc lành của người cha Isaac của mình nhờ sự chăm sóc và tài khéo của mẹ mình.

Nội Dung Câu Truyện về Giacóp

*Mấy năm sau khi Esau bán quyền thừa kế của mình cho Giacóp,**[4]** bà Rebecca, mẹ của họ, người âu yếm thương yêu Giacóp, đã chiếm được phúc lành này cho Giacóp bằng một mưu kế thánh hảo đầy huyền nhiệm đối với chúng ta.*

Khi thấy mình đã cao tuổi, Isaac muốn chúc phúc cho con cái mình trước khi chết. Ông đã gọi Esau tới, người con yêu quí của ông mà bảo Esau đi săn bắt một cái gì đó về cho ông ăn, rồi ông sẽ chúc phúc cho. Rebecca lập tức bảo Giacóp những gì đang diễn tiến và sai Giacóp đi bắt hai con dê nhỏ trong đàn. Khi Giacóp đưa chúng cho mẹ mình, bà đã nấu chúng theo cách thức Isaac vẫn thích ăn. Rồi bà mặc cho Giacóp những quần áo của Esau mà bà có được, và lấy da dê bao phủ hai bàn tay và cổ của Giacóp. Người cha mù lòa mặc dù nghe thấy tiếng Giacóp cứ nghĩ rằng đó là Esau khi ông chạm tới da bàn tay của Giacóp.

Dĩ nhiên Isaac đã lấy làm lạ khi nghe thấy tiếng nói mà ông nghĩ là tiếng của Giacóp nên mới bảo Giacóp tới gần ông. Isaac sờ thấy lông lá trên làn da bao bọc đôi tay của Giacóp và nói rằng tiếng nói thì quả thực là tiếng của Giacóp nhưng bàn tay lại là bàn tay của Esau. Sau khi ông ăn uống xong, Isaac đã hôn Giacóp và gửi thấy mùi thơm nơi y phục của Giacóp. Ông đã chúc phúc cho Giacóp và xin tuôn đổ xuống trên Giacóp sương

trời và hoa trái của trái đất. Ông đã đặt Giacóp làm chủ tất cả mọi anh em mình và kết thúc bằng những lời này: 'Vô phúc cho những ai nguyền rủa con và may phúc cho những ai chúc tụng con'.[5]

Câu truyện này (St 25:19-34) giúp chúng ta nhận thức và hiểu được tầm quan trọng về sự can thiệp của bà Rebecca là vợ của ông Isaac trong việc chúc phúc cho người con thứ là Giacóp. Nhờ được bà Rebecca là mẹ hướng dẫn và trợ giúp, Giacóp đã được cha mình là ông Isaac chúc phúc lành cho. Điều này giúp cho chúng ta hiểu được ý nghĩa và vai trò của Mẹ Maria trong việc cầu bầu cùng Thiên Chúa để xin Ngài chúc phúc lành cho chúng ta là những người con của Mẹ. Mẹ Maria sẽ biết cách trang điểm cho chúng ta bằng những đặc ân mà Mẹ có được, mỗi khi chúng ta ra trước ngai tòa của Thiên Chúa, và nhờ sự trang điểm lộng lẫy này mà chúng ta sẽ can đảm và hiên ngang tiến ra trước thánh nhan Chúa, và Ngài sẽ chúc phúc và tuôn đổ muôn vàn hồng ân xuống trên cuộc đời của chúng ta. Chính vì lý do đó mà Thánh Louis de Montfort đã khuyến khích và đề nghị chúng ta hãy tận hiến cho Đức trinh nữ Maria và ngài đã giải thích hết sức rõ ràng, đầy sự thuyết phục về cách sùng kính Đức Mẹ trong tác phẩm, ***True Devotion to Mary***.[6] Lối sùng kính này đã được nhiều vị Giáo hoàng trong giáo hội Công giáo công khai lên tiếng ủng hộ.[7]

Trước khi tôi chính thức tận hiến cho Mẹ Maria, tôi đã có dịp đọc qua tác phẩm nói trên (*True Devotion to Mary*) của Thánh Louis de Montfort bằng Việt Ngữ và cuốn sách ấy đã có tầm ảnh hưởng rất lớn trên tôi, nhất là qua cách giải thích của Thánh Louis de Montfort, làm cho tôi thấy được tầm quan trọng của việc tận hiến cho Mẹ Maria, vì qua đó, Mẹ sẽ dẫn đưa chúng ta trực tiếp đến Chúa Giêsu, con chí ái của Mẹ. Đồng thời Mẹ cũng sẽ trao ban cho chúng ta là những con cái của Mẹ những đặc ân mà Mẹ đã đón nhận được từ Thiên Chúa để thánh hóa chúng ta, và biến chúng ta trở nên giống Chúa Giêsu một cách hoàn hảo nhất. Đây chính là đường lối nên thánh an toàn và bảo đảm nhất mà Thánh Louis de Montfort muốn hướng dẫn và chỉ dạy cho chúng ta.

Trước khi tôi quyết định vượt biên để tìm kiếm tự do và hy vọng sẽ có cơ may để tiếp tục con đường ơn gọi của mình. Tôi đã khấn xin cùng với Đức Mẹ ba ý nguyện như sau:

1. Xin Mẹ Maria cho tôi được đi vượt biên thành công

2. Xin Mẹ cho tôi được làm linh mục

3. Xin Mẹ cho anh rể của tôi là Trần Đình Việt lúc bấy giờ đang cải tạo tại trại giam Vĩnh Phú ở miền Bắc được thả tự do và đoàn tụ với gia đình của anh.

Tất cả ba lời khấn ấy của tôi đã được Mẹ nhậm lời và ban cho tôi Lời khấn xin đầu tiên của tôi đã được Mẹ ban cho. Vì vào cuối năm 1981, tôi đã tham dự cuộc vượt biên bằng đường thủy với con tàu mong manh và nhỏ bé, tuy nhiên sau nhiều ngày chống chọi với sóng to, gió lớn, và các cơn bão tố khủng khiếp, chiếc tàu gỗ sơ sài của chúng tôi đã cập bến bình an tại đảo

Pulau Bidong nước Mã Lai, sau 5 ngày lên đênh trên biển cả. Đối với chúng tôi là thuyền nhân, thì đây là một phép lạ vĩ đại mà Thiên Chúa đã thực hiện để biểu lộ quyền năng và cánh tay oai hùng của Ngài để giải cứu chúng tôi thoát khỏi mọi gian nan và cho chúng tôi một cơ hội sống sót để làm lại cuộc đời.

Lời khấn xin thứ hai của tôi cũng đã được Mẹ Maria chuyển cầu và Chúa đã ban cho tôi được thụ phong linh mục vào tháng 7 năm 1994 sau gần 12 năm tôi được định cư trên nước Úc.

Lời khấn xin sau cùng là cho anh rể của tôi được ra khỏi trại tù cải tạo ở trại giam Vĩnh Phú. Sau gần 10 năm học tập tại đây, vào năm 1984 anh rể của tôi đã được nhà nước cộng sản thả tự do và cho về đoàn tụ với gia đình. Đây là nỗi vui mừng lớn lao của gia đình chị cả của tôi, khi nhận được tin là chồng của chị (tức anh rể của tôi) sẽ được ra khỏi trại và trở về sinh sống với gia đình.

Đối với tôi thì đây chính là những dấu chỉ tỏ tường của lòng nhân ái và tình yêu bao la mà Mẹ đã dành cho tôi, vì tất cả những gì tôi khấn xin thì Mẹ đã đều ban cho tôi hết. Cho nên, tôi vô cùng hạnh phúc và hết lòng cảm tạ và tri ân Mẹ Maria cũng như Thiên Chúa. Giờ đây những gì mà Mẹ ban cho tôi, tôi xem đó là những hồng ân do lòng quảng đại của Mẹ, vì tôi ngại không dám xin Mẹ thêm điều gì nữa. Chỉ có những năm gần đây, tôi trộm nghĩ và tôi muốn thưa với Mẹ một điều mà tôi ước mơ cuối cùng, đó chính là: **xin Mẹ hãy đến đón con về trời khi tôi nhắm mắt từ giã cõi đời này.**

Đây có lẽ là niềm mơ ước sâu thẳm và cuối cùng của tôi. Tôi hy vọng là Mẹ sẽ nhậm lời tôi cầu xin.

Lạy Mẹ Maria, Mẹ yêu dấu của con. Mẹ biết con yêu mến Mẹ đến chừng nào. Đời con thật sự hạnh phúc vì con có Mẹ luôn đồng hành với con. Mẹ đã cứu chữa con khỏi cái chết trên hành trình vượt biên, và Mẹ cũng đã phù trợ và giúp đỡ con vượt qua biết bao gian nan nguy khó, mà biết bao lần con đã muốn thối lui, vì con cảm thấy các điều ây vượt quá sức lực của mình. Tình yêu của Mẹ đã nâng đỡ con trên suốt hành trình vừa qua, và Mẹ đã ban ơn giúp sức cho con để con có thể vượt qua tất cả mọi khó khăn… nhờ đó mà con mới có được ngày hôm nay. Cho nên con muốn viết ra tất cả những điều này để cảm tạ và ngợi khen Thiên Chúa cũng như Mẹ vì đã yêu thương con, dù con muôn vàn tội lỗi và yếu đuối. Nhưng tình thương của Mẹ đã khỏa lấp tất cả.

Con xin hết lòng cảm tạ Mẹ và Thiên Chúa Ba Ngôi. Xin cho con được trung thành với tình yêu bao la mà Thiên Chúa và Mẹ đã ban cho con, để con luôn luôn là người con hiếu thảo đối với Mẹ và là người môn đệ mà Chúa Giêsu yêu mến.

Viết để bày tỏ lòng biết ơn và lòng sùng Mẹ Maria.

Con của Mẹ,

Linh mục Phêrô Trần Mạnh Hùng

Mercy Center in Colorado Springs

Thứ Bẩy ngày 1 tháng 10 năm 2022

---

[1] . Vì vào thời điểm này chính quyền cộng sản tại Viêt Nam chưa cho phép Chủng viện Lâm Bích được mở cửa trở lại và sinh hoạt bình thường.

[2] . Xem Trần Mạnh Hùng, **"Vì không có Thầy, anh em chẳng làm gì được"**

https://hdgmvietnam.com/chi-tiet/-vi-khong-co-thay-anh-em-chang-lam-gi-duoc-cn-vi-pc-nam-c--46028 - Đăng ngày 22/05/2022

[3] . Cái độc đáo và rất thâm thúy của tác giả Phúc Âm thứ 4 (hiểu ngầm là của Thánh Gioan) là không nêu rõ tên của "người môn đệ mà Chúa Giêsu yêu quý". Như thế ai trong chúng ta cũng có thể trở thành người môn đệ ấy, với điều kiện là chúng ta không có sợ hãi và từ bỏ Ngài trong cuộc khổ nạn, nhưng can đảm bước theo Chúa và dám đứng dưới chân thập giá. Có như vậy chúng ta mới xứng đáng là "người môn đệ mà Chúa Giêsu yêu dấu. (Ga 19:26-27).

[4] . Xem Sách Sáng Thế (25:29-34) "**Ông Ê-xau nhượng quyền trưởng nam**

29 Lần kia, Gia-cóp đang nấu cháo, thì Ê-xau từ ngoài đồng về, mệt lả. 30 Ê-xau nói với Gia-cóp: "Cho anh ăn món đo đỏ kia với, vì anh đang mệt lả." Vì thế, người ta đặt tên cho nó là Ê-đôm. 31 Gia-cóp nói: "Anh hãy bán quyền trưởng nam của anh cho em trước đã!" 32 Ê-xau nói: "Anh đang sắp chết, thì quyền trưởng nam có ích gì cho anh?" 33 Gia-cóp nói : "Vậy anh thề ngay với em đi." Ê-xau liền thề và bán quyền trưởng nam của mình cho Gia-cóp. 34 Bấy giờ Gia-cóp cho Ê-xau bánh và cháo đậu. Ê-xau ăn uống, rồi đứng dậy đi. Ê-xau đã coi thường quyền trưởng nam." Trích Sách Sáng Thế (25: 29-34).

[5] . Trích bài viết của Thánh Louis de Montfort, "Hình Ảnh Thánh Kinh về Việc Tôn Sùng này: Bà Rebecca và Giacóp." Do Lm Đaminh Maria Cao Tấn Tĩnh, chuyển dịch

http://www.thoidiemmaria.net/GIAOHOI/Toa%20Thanh%

20Roma/GHHT_08/Thang_5_08/19-5-thuhai.htm (Truy cập ngày 30 tháng 9 năm 2022)

[6] . Xem Saint Louis De Montfort, ***True Devotion To Mary*** (London, UK: by Catholic Way Publishing, 2013).

[7] . **Pope Saint Pius X** (1903–14): "I heartily recommend True Devotion to The Blessed Virgin, so admirably written by [Saint] De Montfort, and to all who read it grant the Apostolic Benediction." . . ." There is no surer or easier way than Mary in uniting all men with Christ."

Pope Benedict XV (1914–22): "A book of high authority and unction."

Pope Pius XI (1922–39): "I have practiced this devotion ever since my youth."

Pope Pius XII (1939–58): “God Alone was everything to him. Remain faithful to the precious heritage, which this great saint left you. It is a glorious inheritance, worthy, that you continue to sacrifice your strength and your life, as you have done until today.”

Pope Paul VI (1963–78): “We are convinced without any doubt that devotion to Our Lady is essentially joined with devotion to Christ, that it assures a firmness of conviction to faith in Him and in His Church, a vital adherence to Him and to His Church which, without devotion to Mary, would be impoverished and compromised.”

Blessed Pope John Paul II (1978–2005): “The reading of this book was a decisive turning-point in my life. I say ‘turning-point,’ but in fact it was a long inner journey . . . This ‘perfect devotion’ is indispensable to anyone who means to give himself without reserve to Christ and to the work of redemption.” . . .” It is from Montfort that I have taken my motto: ‘**Totus tuus**’ (‘I am all yours’). Someday I’ll have to tell you Montfortians how I discovered De Montfort’s Treatise on True Devotion to Mary, and how often I had to reread it to understand it.”

Vatican Council II (1962–1965): ‘The maternal duty of Mary toward men in no way obscures or diminishes this unique mediation of Christ, but rather shows its power. All her saving influence on men originates not from some inner necessity, but from the divine pleasure. It flows forth from the superabundance of the merits of Christ, rests on His mediation, depends entirely on it and draws all its power from it.’ . . . ‘The practices and exercises of devotion to her recommended by the Church in the course of the centuries [are to] be treasured.’ (***Lumen Gentium***: 60, 67).

VỀ MUC LUC

HƯƠNG KHÓI SATAN VÀ THỊ KIẾN CỦA ĐỨC LEO XIII

Chuyên mục

“Huế - Sàigòn – Hànội”:

HƯƠNG KHÓI SATAN

VÀ THỊ KIẾN CỦA ĐỨC LEO XIII

Tiến sĩ Tâm Lý Trần Mỹ Duyệt

Kính mời theo dõi video tại đây:

https://bit.ly/3DQXZkf

Nhân loại ngày nay đang trải qua thời kỳ đen tối và đảo lộn về những giá trị luân lý, đạo đức, cũng như xã hội. Chiến tranh, thiên tai, động đất, hỏa hoạn, sóng thần, và gần đây nhất là đại dịch Vũ Hán (Covid 19). Cơn đại dịch bùng phát ngày 12 tháng 12 năm 2019 tại Vũ Hán, Trung Quốc và kéo dài đến tận bây giờ, gieo kinh hoàng, chết chóc, khiếp sợ, và thiệt hại cho nhân loại. Nếu chỉ nhìn những biến cố này bằng con mắt bình thường, người ta sẽ cho đây là những sự kiện tự nhiên của đất trời, của thay đổi khí hậu, của tiến hóa về suy tư, và về văn minh con người. Nhưng chiều sâu của vấn đề không phải hoàn toàn như vậy. **Nó có một trận chiến tiềm ẩn đã được tiên báo trước từ cơn xuất thần của Đức Giáo Hoàng Leo XIII** (1878-1903), và **được lặp lại bởi Đức Giáo Hoàng Phaolô VI** (1963-1978), cũng như **được gọi tên bởi Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II** (1978-2005). Bài viết sau đây dựa trên nội dung và tài liệu của bài The New (& the Old) Evangelization The 100 year test do Joe Tremblay đăng trên CNA - Catholic News Agency, Feb 1, 2013.

Ngày 13 tháng 10 năm 1884, **Đức Leo XIII khi vừa kết thúc Thánh Lễ, ngài bỗng trở nên tái mét rồi ngã quỵ xuống dưới chân bàn thờ như chết.** Những người đứng gần đã tiến lại bên ngài. Họ thấy ngài còn sống, nhưng rất mệt mã. Hồi tưởng lại thị kiến lúc đó, ngài kể rằng **ngài thấy Satan đến trước ngai Thiên Chúa, thách thức là có thể phá hủy Giáo Hội của Chúa.** Nhưng Thiên Chúa đã bảo nó rằng Giáo Hội của Ngài không thể phá hủy được. Satan bèn đáp lại, **"Xin cho tôi một thế kỷ và quyền lực nhiều hơn cho những kẻ phục vụ tôi, và tôi sẽ phá hủy được."** Chúa chúng ta đã bằng lòng cho nó 100 năm cũng như những gì nó xin.

Cùng lúc đó, **Thiên Chúa đã cho ngài thấy trước những biến cố sẽ xảy ra trong thế kỷ 20. Ngài nhìn thấy những cuộc chiến, sự vô luân, thảm sát và bách hại tôn giáo khắp nơi.**

Sau thị kiến, **Đức Leo XIII đã viết kinh cầu Tổng Lãnh Thiên Thần Micae để xin Ngài cứu chữa Hội Thánh, đồng thời yêu cầu toàn thể Giáo Hội đọc sau mỗi Thánh Lễ.**

Lạy ơn Tổng Lãnh Thiên Thần Micae,

xin giúp chúng con trong cơn giao chiến,

đánh phá sự hiểm ác mưu sâu quỷ dữ.

Chúng con sấp mình nguyện xin Chúa chế trị nó,

cùng xin Nguyên Soái cơ binh trên trời

lấy quyền phép Chúa mà hạ Satan cùng các quỷ dữ,

đang rong ruổi khắp thế làm hại các linh hồn,

bắt chúng giam cầm trong hỏa ngục. Amen.

Kinh này đã được đọc cho đến hết thập niên 60. Giống như nhiều lời cầu cho Giáo Hội, nó đã không còn được đọc vào hậu bán thế kỷ 20. Gần đây đại dịch Vũ Hán đã giết chết hàng triệu sinh linh, gây đau khổ và kinh hoàng trên khắp thế giới nên nhiều nơi giáo quyền đã nhắc nhở cho đọc lại kinh này sau mỗi Thánh Lễ.

Một số phân tích cho rằng "thế kỷ trắc nghiệm Giáo Hội" của Satan bắt đầu từ năm 1914. Bỏ qua thời gian chính thức bắt đầu cuộc thử thách này, điểm quan trọng được ghi nhận là ba năm của Thế Chiến I năm 1917, cùng năm cuộc cách mạng của Đảng Cộng Sản Xô Viết xuất hiện và tung hoành khắp thế giới, đã khiến Đức Giáo Hoàng Benedict XV (1914-1922) viết thông điệp "Rao Truyền Lời Chúa" (On Preaching the Word). Thông điệp này được coi như một lời tiên tri. Trong đó, ngài đã quảng diễn vấn đề và cho rằng, nó phải được **"quan tâm đặc biệt như một sự kiện liên quan lớn lao nhất và quan trọng nhất."**

Ngài đã bàn nhiều hơn về **"điều quan tâm quan trọng"** này trong toàn thông điệp.

Năm 1917 cũng là khởi đầu Cuộc Cải Cách Tây Phương thổi bay mọi ảnh hưởng của ánh sáng Phúc Âm. Cuộc Cách Mạng Cải Cách (The Reformation) của Pháp, và như đã nhắc nhở tới, cuộc Cách Mạng của Nga, là dụng cụ được đề cao trong kỷ nguyên duy vật chủ nghĩa (secularism). Chúng đã khiến cho Đức Benedict đi đến kết luật rằng thế giới đang thay đổi. Ngài tiếp tục viết trong thông điệp:

"Nếu ở mặt khác, khi kiểm nghiệm tình trạng luân lý công cũng như tư, hiến pháp và luật lệ của các quốc gia, chúng ta sẽ thấy rằng **có một sự khinh thường và quên sót lớn lao về siêu nhiên, một sự suy sụp tiếp nối từ nền tảng chính xác của nhân đức Kitô Giáo, và rằng nhân loại đang ngày càng quay trở lại những thực hành xấu xa của chủ thuyết ngoại đạo."**

Cùng với sự trở lại của chủ thuyết tà đạo, dẫn tới sự bất khoan dung về Kitô Giáo. Thực tế, Giáo Hội đã có **nhiều vị tử đạo trong thế kỷ 20 hơn bất cứ thế kỷ nào khác.** Nhưng như những gì tồi tệ đã xảy ra trên thế giới, bản trắc nghiệm đối với Giáo Hội đã xảy ra năm mươi năm sau cuộc Cách Mạng Tình Dục (Sexual Revolution) vào thập niên 1960. Một cách tương tự, Cuộc Đổi Mới năm 1517, kéo theo một số người Công Giáo lìa bỏ Giáo Hội. Ơn kêu gọi linh mục, tu sỹ giảm sút. Số người tham dự Thánh Lễ giảm một cách đáng kể. Hàng giáo sỹ và giáo dân Công Giáo không còn có chung những thái độ và cách biểu lộ niềm tin. Và đối với một số

người vẫn duy trì việc tới thánh đường, luân lý và lối sống của họ cũng bị thử thách như những người ngoài Công Giáo.

Phải chăng, đó là sự bội giáo mà Đức Leo XIII đã thấy trong thị kiến của ngài. Chúa đã chẳng nói trong Tin Mừng của Luca, **"Không biết khi Con Người đến, liệu còn tìm thấy đức tin trên mặt đất hay không?"** (Luca 18:8)

Những gì Đức Leo XIII đã **nhìn thấy vào ngày 13 tháng 10 năm 1884, một cách chính xác 33 năm trước ngày phép lạ mặt trời xảy ra ở Fatima** – đã quả quyết, không chỉ bằng những biến cố theo sau đó, nhưng còn bằng những nguồn đáng tin cậy khác. Việc xấu xa tội lỗi đánh dấu bên ngoài Giáo Hội cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20, đã xảy ra liên quan đến kỷ luật của Giáo Hội. Nó đã khiến Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII (1958-1063) sau này là Thánh Giáo Hoàng Gioan XXIII **khi vừa được bầu lên ngôi giáo hoàng ở tuổi 77, đã nghĩ ngay đến việc phải triệu tập Công Đồng Vatican II để cứu vãn Giáo Hội và cứu vãn dân Thiên Chúa.** Và Công Đồng đã như một lễ Hiện Xuống Mới đối với Giáo Hội cũng như toàn thể nhân loại. Nhưng Satan vẫn không ngừng lôi cuốn và ảnh hưởng trên sinh hoạt của Giáo Hội, của toàn dân Chúa, cũng như của nhân loại. Phong trào canh tân quá đà cùng với những phản đối của nhóm người bảo thủ đã làm dấy lên trận chiến ngay trong lòng Giáo Hội. Đặc biệt là những ô uế, xấu xa và ghê tởm của nạn lạm dụng tình dục nơi hàng giáo sỹ.

Đối với nhiều người thì thời hạn 100 năm Chúa cho phép Satan đã qua. Nhưng thực tế không phải vậy. Ngày 29 tháng 6 năm 1972, Đức Giáo Hoàng Phaolô VI (1963-1978), giờ là Thánh Giáo Hoàng Phaolô VI đã quả quyết khi ngài nói trong một cuộc triều yết: **"Như một vết**

nứt mầu nhiệm, không, nó không phải là một cái gì mầu nhiệm, nhưng từ vết nứt đó hương khói của Satan đã bay vào Đền Thờ Thiên Chúa."

Tai họa lớn nhất của thế kỷ 20 mà Satan đã muốn gây thiệt hại cho Giáo Hội, đó là ngày 13 tháng 5 năm 1981, Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II (1978-2005) - Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II - bị ám sát tại công trường Thánh Phêrô bởi Mehmet Ali Agca, một kẻ giết người chuyên nghiệp, người Thổ Nhĩ Kỳ. Mẹ Thiên Chúa đã ra tay can thiệp và đã cứu mạng sống của ngài. Đây cũng là điều trong Bí Mật Thứ Ba của Fatima sau này đã được công bố. Ngài cũng là vị Giáo Hoàng phải xin lỗi thay cho hàng giáo phẩm, giáo sỹ, và tu sỹ của mình về những lạm dụng tình dục đáng xấu hổ và gây gương xấu trong Giáo Hội. Và mặc dù tiếp theo 10 năm sau đó, Liên Bang Xô Viết đã sụp đổ ngày 26 tháng 12 năm 1991, nhưng ảnh hưởng của chủ nghĩa vô thần còn rơi rớt tại một số quốc gia vẫn là mối đe dọa cho nền hòa bình thế giới, cũng như hoạt động của Giáo Hội.

Khoảng một năm sau, ngày 13 tháng 10 năm 1973, Đức Mẹ Akita tại Nhật Bản đã xác nhận điều Đấng đại diện Chúa Kitô tuyên bố về "hương khói" ấy. Mẹ phán: **"Công việc của ma quỷ sẽ len lỏi ngay cả vào trong Giáo Hội qua cách thức mà người ta sẽ nhìn các vị hồng y chống đối hồng y, giám mục chống đối giám mục… Giáo Hội sẽ đầy dẫy những kẻ thỏa hiệp, cùng với thần dữ sẽ thúc đẩy nhiều linh mục và các linh hồn tận hiến rời bỏ công việc phục vụ Chúa."**

Kết quả của 100 năm nỗ lực ra tay khủng bố Giáo Hội, hãm hại các linh hồn mà Đức Leo XIII đã nhìn thấy, ngày nay vẫn đang âm ỷ, lan tỏa trong Giáo Hội, ngay giữa hàng ngũ giám mục, linh mục, và các linh hồn tận hiến qua những phong trào phong chức cho nữ giới bị ảnh hưởng

bởi Anh Giáo khi Giáo Hội này phong chức cho một số đông phụ nữ vào thập niên 1970, phong trào đòi linh mục lập gia đình, phong trào phong chức linh mục cho người đã có gia đình. **Tất cả những suy nghĩ và đòi hỏi ấy không phải là những hương khói Satan đang thổi vào Giáo Hội qua những khe nứt về quan điểm thần học, và sự cắt nghĩa lệch lạc truyền thống Giáo Hội hay sao?** Đặc biệt nhất, điều đang làm cho Giáo Hội đau lòng là chủ trương và đường lối của hàng giám mục Đức, của Giáo Hội Đức qua con đường **Đồng Nghị** hiện nay. Nó như hình thức một cuộc **trưng cầu dân ý để phổ biến những lý thuyết xem ra rất nhân bản, rất con người, nhưng lại đi ngược với giáo quyền, giáo huấn, và truyền thống Giáo Hội.**

Ngoài những trận chiến trong lòng Giáo Hội, đời sống xã hội của con người cũng đang bị Satan ảnh hưởng và tung hỏa mù. Hương khói của nó mà con người ngày nay đang hít thở, là bầu khí của nền văn minh mà Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II gọi là **"văn hóa sự chết",** như phong trào ly thân, ly dị, phong trào bình quyền nữ giới, phong trào phá thai, phong trào đồng tính luyến ái, phong trào hôn nhân đồng tính, và phong trào chuyển giới. Nhất là mối đe dọa của việc **hình thành trật tự thế giới mới, một thế giới mà nơi đó Thiên Chúa không có mặt!**

Với những ai thực hành niềm tin Công Giáo, là giáo sỹ, tu sỹ, hay giáo dân, là người rao giảng Tin Mừng hay thầy dạy đều cần phải quan tâm đến cả những lý do tự nhiên và siêu nhiên đang được Satan sử dụng vào những vấn nạn mà nó hiện hữu bên trong hoặc bên ngoài Giáo Hội cũng như toàn thế giới.

Năm 1944, linh mục Paul Furley, cựu giáo sư và khoa trưởng Phân Khoa Xã Hội (Department of Sociology) Đại Học Công Giáo Hoa Kỳ (the Catholic University of America) đã xuất bản cuốn sách có tựa đề **Bí Mật Sự Dữ** (The Mystery of Iniquity). Trong cuốn sách này, ngài đưa ra những cái nhìn chuyên môn về công tác cần thiết để đối phó với những dấu hiệu mà chúng đang xuất hiện trước con mắt trần của con người. Nhưng ngài không dừng ở đó. Ngài nói rằng những phương cách cứu chữa đầy đủ đối với các vấn nạn xã hội đang lan tràn hàng ngày, đòi hỏi chúng ta phải có cái nhìn bên kia những nguyên nhân:

"Bí hiểm (bí mật) của tội ác ở ngay trong hành động. Những biểu hiện của nó không thường xuyên xuất hiện trên bề mặt của những biến cố; đúng hơn, **nó hoạt động xuyên qua những nguyên nhân thứ hai.** Vì thế, khi tìm kiếm những lý do của các vấn nạn xã hội, người ta chỉ chú trọng đến những nguyên nhân đối với các vấn đề đó một cách thường tình tự nhiên và dễ hiểu đối với lý do con người. Nó chỉ theo sau một chuỗi nguyên nhân từ xa đủ để con người tìm ra những công việc của Quỉ dữ."

Nhưng làm cách nào để có thể nhận ra những hương khói của Satan, và tránh không để chúng ảnh hưởng đến sức sống tâm linh? Năm 1971, cha Valinho, cháu của Nữ tu Lucia (1907-2005) một trong ba trẻ em của biến cố Fatima, đã viết cho chị một lá thư hỏi về những biến động của Giáo Hội. Trong thư hồi âm, chị Lucia đã trả lời: **"Thực tế đau lòng là có nhiều người đã để mình bị nhận chìm bởi làn sóng sùng bái ma quỉ đang phủ kín thế giới, và họ quá mù tối để không nhìn ra khuyết điểm của họ."** Và chị tiếp tục viết:

"Dì xác tín rằng, nguyên nhân chính của ma quỉ trong thế giới hôm nay và **sự sa ngã của nhiều linh hồn tận hiến là thiếu sót sự kết hợp với Thiên Chúa qua việc cầu nguyện.** Ma quỉ rất mực khôn ngoan và tìm kiếm những điểm yếu kém của chúng ta để tấn công. Nếu chúng ta không cẩn thận và cậy dựa vào sức mạnh từ Thiên Chúa, chúng ta sẽ sa ngã, bởi vì chúng ta đang sống trong một thời điểm quá xấu, mà chúng ta lại yếu đuối, mỏng dòn."

Lơ là cầu nguyện. Thiếu sức sống nội tâm đến từ nguồn mạch Thánh Lễ, Thánh Thể và Lời Chúa là những khe hở của đời sống tinh thần, của đời sống Giáo Hội. Không trừ một ai dù là giáo hoàng, hồng y, giám mục, linh mục, tu sỹ hay giáo dân, nếu không có ơn Chúa sẽ rất dễ trở thành mồi ngon trước những cám dỗ của Satan và bè lũ của chúng. Đức Leo XIII đã nói trước cho Giáo Hội biết về chương trình của Satan là **dùng thời gian và quyền lực vô song của những kẻ phục vụ nó để phá vỡ Giáo Hội.** Thánh Giáo Hoàng Phaolô VI đã cảm nghiệm được ảnh hưởng của chương trình này như **hương khói Satan đang len lỏi vào Đền Thờ của Thiên Chúa.** Và Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đã gọi nó bằng cái tên **"văn minh sự chết."** Sống trong thế giới hôm nay, để tránh khỏi ảnh hưởng và hít thở phải hương khói ấy, chúng ta không còn cách nào khác hơn là suy niệm và thực hành Lời của Chúa: **"Hãy tỉnh thức và cầu nguyện để khỏi sa chước cám dỗ. Vì tinh thần mau mắn, nhưng xác**

thịt nặng nề." (Mt 26:41) Và hằng ngày khiêm tốn cầu xin: **"Xin chớ để chúng con sa chước cám dỗ. Nhưng cứu chúng con khỏi sự dữ."** (Mt 6:14)

Trần Mỹ Duyệt

Hẹn gặp lại

VỀ MỤC LỤC

NHỮNG KITÔ HỮU GIỮ "ĐẠO TẠI TÂM"

Trong vài năm qua, tôi đã gặp một số lượng lớn những Kitô hữu tuyên bố họ giữ "đạo tại tâm chứ không theo đạo".

Nói cách khác, họ không xác định theo một chi phái Kitô nào cụ thể, chỉ sử dụng Kinh thánh để hướng dẫn đức tin của họ. Đó là một hệ tư tưởng cho rằng các tổ chức tôn giáo đã lỗi thời và không cần thiết.

Mọi người có thể đi đến kết luận này vì vô số lý do. Một số có thể bị vỡ mộng bởi những gì họ cho là tham nhũng và đạo đức giả trong các cơ sở tôn giáo. Những người khác có thể cảm thấy như họ không được "cho ăn". Những người khác có thể cảm thấy rằng các cơ sở này dạy điều gì đó trái ngược với niềm tin của họ về các vấn đề chính trị và xã hội.

Dù lý do của họ là gì, chúng ta phải liên hệ với những người này và xem xét mối quan tâm của họ một cách nghiêm túc.

Chúa Giêsu bắt đầu một tôn giáo

Hầu hết các từ điển đều định nghĩa tôn giáo là "niềm tin và sự thờ phượng một quyền lực điều khiển siêu phàm, đặc biệt là một vị thần cá nhân hoặc các vị thần." Kinh thánh nói rất rõ ràng rằng các Kitô hữu được kêu gọi để thờ phụng một Thiên Chúa chân thật duy nhất: "*Ngươi phải bái lạy Đức Chúa là Thiên Chúa của ngươi, và phải thờ phượng một mình Ngài mà thôi*" (Mátthêu 4: 10), "*Thấy Chúa Giêsu tự đàng xa, anh ta chạy đến bái lạy Ngài và kêu lớn tiếng rằng: "Lạy ông Giêsu, Con Thiên Chúa Tối Cao…*" (Máccô 5: 6), "*Chúa Giêsu đáp lại: "Đã có lời chép rằng: Ngươi phải bái lạy Đức Chúa là Thiên Chúa của ngươi, và phải thờ phượng một mình Ngài mà thôi*" (Luca 4: 8), "*Nhưng giờ đã đến - và chính là lúc này đây - giờ những người thờ phượng đích thực sẽ thờ phượng Chúa Cha trong thần khí và sự thật, vì Chúa Cha tìm kiếm những ai thờ phượng Ngài như thế*" (Gioan 4:23). Tôi chắc rằng hầu hết các Kitô hữu tuyên bố họ theo "đạo tại tâm chứ không theo đạo" sẽ đồng ý với điều này.

Vấn đề là liệu người ta có thể làm việc này một cách riêng tư hay không, chỉ đọc Kinh thánh và tự mình đưa ra kết luận về các vấn đề thần học, hay liệu người ta có phải phục tùng thẩm quyền nào đó bên ngoài chính mình hay không.

Chúa Giêsu bắt đầu một Giáo hội

Trong Mátthêu 16:18, Chúa Giêsu nói với Phêrô rằng: "*Còn Thầy, Thầy bảo cho anh biết: anh là Phêrô, nghĩa là Tảng Đá, trên tảng đá này, Thầy sẽ xây Hội Thánh của Thầy, và quyền lực tử thần sẽ không thắng nổi.*" Người Công giáo tin rằng trong câu này Chúa Giêsu ban cho Phêrô một chức vụ quyền lực mà từ đó chức vụ giáo hoàng được bắt nguồn. Nhưng ngay cả khi một Kitô hữu giữ "đạo tại tâm" có vấn đề với niềm tin này, thì không có gì tránh khỏi sự thật rằng Chúa Kitô đã muốn Giáo hội của Ngài trở nên hữu hình và có thẩm quyền.

Trong Mátthêu 18, Chúa Giêsu nói với các môn đồ: "*Nếu người anh em của anh trót phạm tội, thì anh hãy đi sửa lỗi nó, một mình anh với nó mà thôi. Nếu nó chịu nghe anh, thì anh đã chinh phục được người anh em. Còn nếu nó không chịu nghe, thì hãy đem theo một hay hai người nữa, để mọi công việc được giải quyết, căn cứ vào lời hai hoặc ba chứng nhân. Nếu nó không nghe họ, thì hãy đi thưa Hội Thánh. Nếu Hội Thánh mà nó cũng chẳng nghe, thì hãy kể nó như một người ngoại hay một người thu thuế"* (Mátthêu 18: 15-17).

Nếu Chúa Giêsu không có ý định thiết lập Hội Thánh của Ngài có thẩm quyền và có thể nhìn thấy được, thì Ngài đang nói về Hội Thánh nào trong câu này? Rõ ràng văn bản nói rằng Hội Thánh này là của cộng đoàn.

Cũng có thể thấy rõ trong Kinh thánh rằng Chúa Giêsu muốn cộng đoàn này thường xuyên tụ họp để thờ phượng. Thánh Phaolô đã khuyến khích các Kitô hữu đầu tiên:

"*Chúng ta đừng bỏ các buổi hội họp, như vài người quen làm; trái lại, phải khuyến khích nhau, nhất là khi anh em thấy Ngày Chúa đến đã gần*" (Hípri 10:25).

Câu này chỉ ra rằng, ngay cả trong thế kỷ thứ nhất, có những Kitô hữu không nghĩ rằng cần phải nhóm lại để thờ phượng. Điều này trái ngược với suy nghĩ rằng một người có thể là một giáo hội cho chính mình miễn là người ấy chấp nhận Chúa Giêsu là Chúa và Đấng Cứu Độ của riêng mình. Chúa dự liệu Giáo hội của Ngài là một cộng đoàn.

Kinh thánh có phải là tất cả những gì bạn cần không?

Trên đường từ Giêrusalem đến Gaza, Thánh sử Phillip gặp một viên thái giám đang đọc Sách Isaia: "*Ông Philípphê chạy lại, nghe thấy ông kia đọc sách ngôn sứ Isaia, thì hỏi: "Ngài có hiểu điều ngài đọc không? " Ông quan đáp: "Mà làm sao tôi hiểu được, nếu không có người dẫn giải? " Rồi ông mời ông Philípphê lên ngồi với mình*" (Công vụ 8: 27-31).

Điểm mấu chốt của phân đoạn này là ý nghĩa rõ ràng của Kinh thánh không phải lúc nào cũng là điều hiển nhiên. Điều này được củng cố trong 2 Phêrô 1:20: "*Nhất là anh em phải biết điều này: không ai được tự tiện giải thích một lời ngôn sứ nào trong Sách Thánh*"

Trước hết, bạn phải hiểu điều này, rằng không có lời tiên tri nào trong Kinh thánh là vấn đề của chính người giải thích.

Và một lần nữa trong 2 Phêrô 3:15-16: "*Và anh em hãy biết rằng Chúa chúng ta tỏ lòng kiên nhẫn chính là để anh em được cứu độ, như ông Phaolô, người anh em thân mến của chúng ta, đã viết cho anh em, theo ơn khôn ngoan Thiên Chúa đã ban cho ông. Ông cũng nói như vậy trong tất cả các thư của ông, khi bàn đến các vấn đề này. Trong các thư ấy, có những chỗ khó hiểu; những chỗ ấy cũng như những chỗ khác trong Kinh Thánh, bị những kẻ vô học và nông nổi xuyên tạc, khiến chúng phải chuốc lấy hoạ diệt vong*."

Rõ ràng là không nên chỉ lấy Kinh Thánh và giải thích một mình. Một thầy dạy là điều cần thiết, tốt nhất là một thầy dạy có thẩm quyền.

Còn những vụ bê bối trong Giáo hội thì sao?

Như đồng nghiệp của tôi, Tim Staples hay nói, "Bạn không bỏ Phêrô vì Giuđa." Theo quan điểm Công giáo, điều này có nghĩa là bạn không rời bỏ Giáo hội vì ai đó đã không tuân theo sự dạy dỗ của Giáo hội.

Trong thời điểm cao trào của những vụ bê bối trong giáo hội, tôi vẫn đến với Nhà thờ. Tôi chắc chắn lo lắng về điều đó như hầu hết giáo dân Công giáo, nhưng tôi cũng biết rằng cuối cùng số người trên thế giới làm việc tốt lành thì nhiều hơn nhiều so với số người lạm dụng chức vụ của họ.

Nhiều Kitô hữu giữ "đạo tại tâm chứ không theo đạo" cũng bày tỏ lo ngại về các sự kiện trong lịch sử. Đúng là trong suốt thời gian qua có các Kitô hữu đã hành động trái với Đức tin, nhưng, cũng như với vụ bê bối lạm dụng, cần nhớ rằng lịch sử có đầy rẫy những nhà truyền giáo tốt lành và thánh thiện.

Cũng cần phải chỉ ra rằng nhiều sự kiện trong lịch sử đã bị thổi phồng quá nghiêm trọng so với trí tưởng tượng của mọi người.

Trở lại nơi bạn thuộc về

Kinh thánh nói rõ ràng rằng Chúa Giêsu không có ý định để Kitô hữu sống đời sống thiêng liêng của họ trong môi trường chân không. Ngài đã thành lập một Giáo hội, trao cho Giáo hội đó quyền hành trong các lĩnh vực đức tin và đạo đức, và bảo vệ Giáo hội đó khỏi sự sai lầm trong việc giảng dạy: "*Thầy bảo thật anh em: dưới đất, anh em cầm buộc những điều gì, trên trời cũng cầm buộc như vậy; dưới đất, anh em tháo cởi những điều gì, trên trời cũng tháo cởi như vậy*" (Mátthêu 18: 17-18).

Chúng ta có rất nhiều minh chứng tuyệt vời nói về Giáo hội mà Chúa Giêsu thiết lập - Giáo hội Công giáo. Nếu bạn hoặc ai đó bạn biết là giữ "đạo tại tâm chứ không theo đạo", xin vui lòng đọc những câu Kinh thánh sau đây. Chúa Kitô đã lập ra Giáo hội của Ngài dựa trên lời phán với Phêrô:

"*Này anh Simon con ông Giôna, …Thầy bảo cho anh biết, anh là Phêrô, nghĩa là Tảng Đá, trên tảng đá này, Thầy sẽ xây Hội Thánh của Thầy,và quyền lực tử thần sẽ không thắng nổi. Thầy sẽ trao cho anh chìa khoá Nước Trời, dưới đất, anh cầm buộc điều gì, trên trời cũng sẽ cầm buộc như vậy; dưới đất, anh tháo cởi điều gì, trên trời cũng sẽ tháo cởi như vậy*" (Matthêu 16-17-19).

Sau khi sống lại, Chúa Kitô lại trao quyền cho Phêrô:

"*Khi các môn đệ ăn xong, Chúa Giêsu hỏi ông Simon Phêrô, "Này anh Simon, con ông Gioan, anh có mến Thầy hơn các anh em này không?" Ông đáp, "Thưa Thầy có, Thầy biết con yêu mến Thầy." Chúa Giêsu nói với ông, "Hãy chăm sóc chiên con của Thầy." Ngài lại hỏi, "Này anh Simon, con ông Gioan, anh có mến Thầy không?" Ông đáp, "Thưa Thầy có, Thầy biết con yêu mến Thầy." Ngài nói, "Hãy chăn dắt chiên của Thầy." Ngài hỏi lần thứ ba, "Này anh Simon, con ông Gioan, anh có yêu mến Thầy không?" Ông Phêrô buồn vì Ngài hỏi tới ba lần, "Anh có yêu mến Thầy không?" Ông đáp, "Thưa Thầy, Thầy biết rõ mọi sự; Thầy biết con yêu mến Thầy." Chúa Giêsu bảo, "Hãy chăm sóc chiên của Thầy*" (Gioan 21,15-17).

Thánh Phaolô khẳng định Hội thánh có nền tảng ở trong Chúa Giêsu Kitô:

"*Vì không ai có thể đặt nền móng nào khác ngoài nền móng đã đặt sẵn là Chúa Giêsu Kitô*" (1 Côrintô 3:11). Chúa Giêsu Kitô cũng là người đứng đầu của hội thánh: "*Thiên Chúa đã đặt tất cả dưới chân Chúa Kitô và đặt Ngài làm đầu toàn thể Hội Thánh; mà Hội Thánh là thân thể Chúa Kitô, là sự viên mãn của Ngài, Đấng làm cho tất cả được viên mãn*" (Êphêsô 1:22-23). [1]

Nói "có" với Chúa Kitô nhưng nói "không" với Giáo hội có nghĩa là chúng ta không hiểu Chúa Giêsu. Nói rằng "Cần có tình yêu, nhưng không cần có quy tắc" có nghĩa là chúng ta đã không hiểu tình yêu. Nói rằng "Cần có mối quan hệ với Thiên Chúa, nhưng không cần có bất cứ phụng vụ nào" có nghĩa là nhầm lẫn với tâm lý Do-It-Yourself - tự thực hiện, tự mình làm ra sự thật của mọi thứ.

Có một sự hiểu lầm đi kèm với phần lớn cuộc đời công khai của Chúa Giêsu: Đó là ý tưởng rằng Ngài tranh chấp với Lề Luật, như một loại kẻ dị giáo đã đặt dân tộc và truyền thống vào tình thế nguy hiểm. Trong đoạn Tin Mừng hôm nay, Chúa Giêsu giải thích một lần và mãi mãi về vai trò đích thực của Ngài: "*"Anh em đừng tưởng Thầy đến để bãi bỏ Luật Môsê hoặc lời các ngôn sứ. Thầy đến không phải là để bãi bỏ, nhưng là để kiện toàn*" (Mátthêu 5:17).

Điều mà Chúa Giêsu thách thức hoàn toàn không phải là Lề Luật mà Thiên Chúa ban cho Môsê hay truyền thống lâu đời đã được hình thành từ dân tộc Israel. Điều mà Chúa Giêsu thách thức là việc giải thích Lề Luật đó và việc sử dụng truyền thống một cách cứng nhắc.

Đó là lý do tại sao chúng ta không thấy sự hủy bỏ Lề Luật mà là sự hoàn thành Lề Luật trong sự dạy dỗ của Chúa Kitô: "*Vì, Thầy bảo thật anh em, trước khi trời đất qua đi, thì một chấm một phết trong Lề Luật cũng sẽ không qua đi, cho đến khi mọi sự được hoàn thành*" (Mátthêu 5:18). Trong thế giới ngày nay, chúng ta cũng có thể rơi vào cám dỗ khi nghĩ rằng một đức tin Kitô giáo chân chính không cần đến thần học, luân lý, phụng vụ hay thể chế. Sự thật là mặc dù tất cả những điều này có thể chắc chắn dẫn đến những kinh nghiệm mà thay vì thúc đẩy cuộc gặp gỡ với Chúa Kitô lại ngăn cản cuộc gặp gỡ đó, thì giải pháp không nằm ở việc loại bỏ những điều đó, mà là ở việc sử dụng và thực hiện chúng một cách thích hợp.

Chúng ta luôn phải hết sức cảnh giác với những người, vì nhằm để nói cho chúng ta biết điều gì đó là mới, họ loại bỏ luôn những điều cũ — vốn thường khi lại là chân lý đích thực, chân lý đó sẽ đổi mới hiểu biết của chúng ta về những điều xưa cũ theo ánh sáng chân thực của nó mà không cần phải vứt bỏ đi bất cứ thứ gì. [2]

Phêrô Phạm Văn Trung chuyển ngữ và tổng hợp.

[1] Jon Sorensen, catholiceducation.org.

[2] LM Luigi Maria Epicoco, Aleteia.org

VỀ MỤC LỤC

TRÁNH PHÊ BÌNH – CHÚ TRỌNG ƯU ĐIỂM HƠN LÀ KHUYẾT ĐIỂM

Chuyên đề:

SỨC MẠNH TÌNH YÊU

do Linh Mục Tiến Sĩ Tâm Lý

Peter Lê Văn Quảng phụ trách

46. TRÁNH PHÊ BÌNH – CHÚ TRỌNG ƯU ĐIỂM HƠN LÀ KHUYẾT ĐIỂM

Kính mời theo dõi video tại đây:

https://bit.ly/3DQ2eg5

Thông thường thì con người thích phê bình người khác hơn là tán dương vì ai cũng **muốn cho thấy mình có một cái gì hơn người khác. Chúng ta có thể thấy được điều đó qua phương cách chúng ta giáo dục con trẻ.** Để tỏ ra là những con người có hiểu biết hơn, khôn ngoan hơn, kinh nghiệm hơn, **chúng ta thích chú trọng đến những sai lỗi của con trẻ để sửa dạy hơn là chú trọng đến những ưu điểm để khuyến khích. Nhưng đó là một phương cách không thích hợp cho việc giáo dục của chúng ta.**

Kỳ Vũ, 8 tuổi, vừa viết xong lá thư cảm ơn cho bà nó. Mẹ nó bảo muốn xem thử. Một cách miễn cưỡng, nó đưa thư cho bà mẹ xem. "Ô, Kỳ Vũ! Hãy coi lối viết văn kỳ cục của con. Sao con lại viết chữ xiên xẹo vậy? Có mấy chữ con viết sai chính tả. Con không thể gởi một bức thư lộn xộn như vậy cho bà của con!" Bà mẹ viết ra những chữ sai và bảo cậu bé viết lại bức thư.

Nhưng **càng viết cậu bé càng sai nhiều hơn**. Bỏ hết trang giấy nầy đến trang giấy khác, sau cùng cậu bé bật khóc và ném bút xuống. "Con không thể viết đúng được nữa", nó hét lên. Bà mẹ ra lệnh: "Thôi đủ rồi. Con đi làm việc khác trong vòng nửa tiếng đồng hồ, rồi trở lại viết."

Sự nhấn mạnh đến các lỗi lầm là một đại họa. Cậu bé thích thú viết lá thư cho bà và bà nó cũng sẽ sung sướng với lá thư của nó. Nhưng bây giờ nó đâm ra ghét lá thư. **Khi bà mẹ tập trung sự chú ý vào những sai lỗi, bà đã làm cậu bé đổi hướng từ cái tích cực sang cái tiêu cực.** Nó trở thành sợ làm điều sai lỗi. Sự sợ đó dày vò nó đến nỗi **càng làm càng nhiều lỗi. Nó thật sự thất đảm và đó là một đại họa cho nó.**

Khi chúng ta để ý đến những lầm lỗi, chúng ta làm cho những con trẻ chúng ta mất hết tinh thần. Chúng ta **không thể xây dựng trên những khuyết điểm mà phải xây dựng trên những ưu điểm.**

Kỳ Vũ đã gặt hái được nhiều biết bao nếu bà mẹ biết ca tụng tư tưởng của nó muốn viết thư cho bà nó. Lẽ ra, **bà mẹ nên nhấn mạnh đến phương diện tích cực và cho nó một sự thích thú.** Nó có khuynh hướng muốn làm nhiều điều cần có đầu óc suy nghĩ. Bà mẹ nên tìm những mẫu viết thư hay, giới thiệu cho nó, và khuyến khích nó với những lời lẽ: "Mẹ thấy con đã viết một lá thư hay. Rất tốt. Con hãy cố gắng làm như vậy!" **Cậu bé tất nhiên cảm thấy được khích lệ, nên sẽ thích thú và cố gắng làm tốt hơn với sự tự tin vào khả năng của nó.** Bà mẹ không nên quá để ý vào việc viết sai chính tả. Sự ước muốn liên hệ, đối thoại là điều quan trọng lúc này. **Không nên quá đòi hỏi nơi một đứa trẻ.**

Chúng ta mất nhiều thời giờ với con trẻ, canh chừng để xem chúng có làm điều gì sai lỗi và lập tức chúng ta nhảy vào để cứu chúng. Hệ thống huấn luyện con trẻ chúng ta xem ra dựa trên tư tưởng này là: **con trẻ phải được huấn luyện ra khỏi lỗi lầm và đi vào nhân đức.** Chúng ta sống trong nỗi lo sợ rằng con trẻ chúng ta sẽ lớn lên xấu, học thói xấu, phát triển những cử chỉ thái độ không mấy tốt đẹp. **Chúng ta canh chừng chúng và cố gắng ngăn ngừa khỏi những sai lỗi. Một cách thức như thế cho thấy thiếu niềm tin vào con trẻ chúng ta. Điều đó gây xúc phạm và làm chúng mất can đảm.** Với sự nhấn mạnh trên những tiêu cực, làm sao

chúng ta có thể mong đợi đứa trẻ cảm thấy có đủ năng lực để tiến tới sự hoàn thành một công việc gì được?

Khi được sửa sai tức khắc, đứa trẻ không những cảm thấy nó luôn sai lỗi mà con trở nên sợ sệt về việc làm sai lỗi đó. Sự sợ như thế đưa đến việc không muốn làm bất cứ một chuyện gì vì sợ có thể làm sai lầm. **Sự sợ ám ảnh nó đến nỗi làm mất khả năng hoàn thành công việc.** Nó sẽ bị ấn tượng này là: **"ngoại trừ mình hoàn toàn, mình sẽ không có giá trị gì."** Tuy nhiên, **toàn vẹn là một điều không thể có được. Và cố gắng để được toàn vẹn ít dẫn tới sự thăng tiến mà thường chỉ dẫn tới sự đầu hàng trong thất vọng.**

Tất cả chúng ta đều sai lỗi. Nhiều lần chúng ta ngay cả không biết rằng hành động đó là một sai lỗi cho đến khi chúng ta làm xong và nhìn thấy những kết quả xảy ra. Thỉnh thoảng chúng ta ngay cả phải làm những lầm lỗi để khám phá ra rằng đó là một sai lầm. **Chúng ta phải có can đảm nhận là mình bất toàn và cũng cho phép con trẻ chúng ta trở thành bất toàn.** Chỉ trong cách thế đó, chúng ta mới lớn lên, tiến lên, và hoàn thành công việc. **Con trẻ chúng ta sẽ có can đảm và cố gắng học hành hơn nếu chúng ta bớt chú trọng đến những sai lỗi và chú ý đến những gì tích cực hơn. Làm một lầm lỗi thì không quan trọng cho bằng điều chúng ta cần làm để cải thiện ngay sau khi chúng ta nhận thức được.**

*****

Cô bé Kim Chi, 10 tuổi, bật khóc khi cô bé lấy những chiếc bánh ngọt ra khỏi lò nướng. Cô đã không có gì sai theo những chỉ dẫn trên hộp bánh, nhưng bây giờ thì những chiếc bánh ấy đã cháy rụi. Bà mẹ ngửi thấy mùi cháy khét nên vào bếp và hỏi: "Cái gì xảy ra vậy Kim Chi?". "Con đã đốt cháy những chiếc bánh ngọt của con rồi". "Đúng rồi, mẹ đã ngửi thấy mùi bánh cháy. Chúng ta hãy coi thử tại sao? Mẹ biết con đã không để ý đến nó." "Vâng, con cảm thấy không yên. Chúng ta hãy xem thử tại sao lại xảy ra như vậy?"

Đối diện với một hướng đi rõ ràng, cô bé ngưng khóc và xem xét tình hình. Cô bé và bà mẹ xem lại lời chỉ dẫn cũng như những điều mà cô bé đã làm cho đến khi họ khám phá ra rằng cô bé đã **chỉnh sai thời gian trên đồng hồ tự động. "Ô, con thấy điều con đã làm sai rồi."** Bà mẹ nói: **"Tốt. Chúng ta lau bếp và con có thể làm lại."**

Bà mẹ đã **biến tai họa và chứng cớ của sự thất bại thành một tình trạng học hỏi.** Bà không rầy mắng con mình về việc để những chiếc bánh cháy đi, cũng không phê bình về sự sai lỗi của nó. Bà cho cô bé thấy rằng **sai lầm không phải là một kết thúc mọi chuyện và điều cần làm chính là phải khám phá ra có một sự phán đoán sai lầm nào đó.** Bà biết nỗi lo sợ của con bà nhưng không cần quá quan tâm về chuyện đó. **Bà đưa con bà ra khỏi sự sợ bằng cách vào cuộc với con mình, đi tìm lý do đã khiến có sự hư hỏng đó. Sau đó, bà khích lệ con bà cố gắng làm lại lần nữa. Sự thất đảm đã biến mất bởi sự nâng đỡ và sự cảm thông tràn đầy tình thương của bà mẹ.**

Khi một đứa trẻ làm một điều sai lỗi, đó là hậu quả của sự thiếu kinh nghiệm hoặc do sự phán đoán sai lầm. Nó có thể đau buồn về những hậu quả đó. Nếu quở trách hoặc lên án nó chỉ gây thêm đau khổ cho nó mà thôi.

Ông bố đi vào phòng làm việc của ông để lấy cái khoan. Ông nổi giận lên khi nhìn thấy những đồ đạc của ông vất vãi lung tung. Một chiếc máy bay lớn nằm ngay trên băng ghế với những vật dụng khoan, kìm, búa… nằm vất vưởng hai bên. Chiếc máy bay, bề mặt chiếc ghế, và tất cả những dụng cụ đều bị bao phủ bởi một lớp sơn còn mới toanh. Lọ sơn thì nằm ngay trên sàn. Quá giận dữ nên ông gọi ngay cu Tuấn 10 tuổi đến. Và ông đã hét lên khi cậu bé vừa đến:

- Hãy nhìn xem đống rác mà con đã làm. Tại sao con không học gọn gàng, sạch sẽ? Tại sao con lại làm xáo trộn như thế? Mọi thứ đều dính đầy sơn. Con làm như vậy để làm gì? Hãy trả lời cho bố.

Ông ta hét to trong lúc thằng bé run lên và cứng họng. Một lúc sau, cu Tuấn vừa khóc vừa nói:

- **Con chỉ muốn xịt để sơn chiếc máy bay của con thôi. Con đâu biết sơn có thể bay ra xa như vậy. Bấy giờ con không biết phải làm thế nào?**

- Tại sao con không nói với Bố trước thay vì phải chờ tới lúc này?

- Con sợ Bố giận. Đó là lý do tại sao con đã chạy trốn đi.

- Bố sẽ đánh cho con một trận nghe chưa!

Sự giận dữ của ông bố có thể hiểu được. **Trong cơn giận dữ, ông bố không nghe được điều đau buồn trong giọng nói của cu bé, cũng không nhận ra cái khó xử của cậu bé. Khi người bố phản ứng như ông đã hành xử, ông chỉ càng làm cho đứa bé thêm sợ hãi và càng đẩy cậu bé ra xa ông. Sự đe dọa, đánh đập không hoàn phục được tình trạng đã xảy ra, cũng không dạy được gì cho cậu bé biết cách xử dụng để xịt một lọ sơn như thế nào?**

Như vậy, đâu là phương cách tốt nhất và hữu hiệu nhất?

Động lực giận dữ của ông bố nên mở lối cho sự nhận thức rằng cậu bé không có ý sơn cả chiếc băng ghế. **Chỉ một cái nhìn cũng đủ biết cái gì đã xảy ra. Ông bố có thể lợi dụng tình thế như một cơ hội để dạy dỗ. Sự kiện ở đây cho thấy cậu bé có sự can đảm.**

Và đây là cách thế tốt nhất ông bố có thể xử dụng trong trường hợp này. Ông gọi cu bé đến phòng làm việc của ông và nói:

- Bố thấy con có nhiều vấn đề trục trặc ở đây. **Con có thể nói cho bố biết cái gì đã xảy ra không?**

Cậu bé sẽ lúng túng trả lời:

- Vâng, con cố gắng xịt sơn chiếc máy bay của con. Con không ngờ sơn xịt lại bay quá xa như vậy.

- Như vậy, con học thấy rằng **sơn xịt thì khác với sơn cọ** phải không?

- Vâng, đúng như thế.

Bấy giờ cậu bé sẽ cảm thấy nhẹ nhõm bởi sự thân thiện của ông bố.

- Con có chút kinh nghiệm về cách xử dụng sơn xịt lần tới không?

- Vâng, con nghĩ con có thể xịt những mẫu giấy quanh đó.

Ông bố đề nghị:

- Hãy thử xem sao, nếu con dọn sạch chỗ này và đặt chiếc máy bay vào đó, rồi xịt sơn vào những chỗ còn trống.

- Con nghĩ nó sẽ đẹp lắm.

- Bây giờ, làm thế nào đối với những dụng cụ ở trên băng ghế?

- Con không biết. Nhưng con nghĩ chúng sẽ không bị ảnh hưởng gì.

- Nếu chúng được đặt vào chỗ của chúng thì có tốt hơn không?

- Ồ, con nghĩ như vậy thì tốt hơn nhiều, vì chúng sẽ không bị dính sơn.

- Con có ý tưởng gì về những dụng cụ đã bị dính sơn.

- Con sẽ dùng một vài thứ nước đặc biệt để lau sạch chúng.

- Tốt lắm. Con cứ thử đi.

Cậu bé sẽ sung sướng đi làm để chuộc lỗi. Bố nó và nó trở thành những người bạn. Sự hòa điệu thì cần thiết và nó đã học được bài học quí giá từ sự sai lầm của nó.

*****

Bà mẹ cho nước mắm nêm vào trong cái tô. Bé Kim Tuyền chạy đến hỏi: “Con có thể giúp mẹ được không?” “Ô, mẹ không biết nữa. Con còn vụng về lắm. Nhưng thôi, được rồi. Đây, con hãy thử xem. Con hãy mang nó tới bàn mà không làm đổ nhé. Hãy cẩn thận nhé con!” Bà mẹ đưa cho cô bé tô đầy nước mắm. Bé Tuyền đi rất chậm, mắt chăm chú vào tô, nhìn cách cẩn thận để nó không nghiêng. Chân nó đá vào chân ghế. Tô mất thăng bằng. Nước mắm vung vãi ra ngoài, chảy xuống áo cô bé và rơi xuống thảm. “Con ơi, tại sao con vụng về thế? Tại sao lại như vậy? Mẹ đã không bảo con phải cẩn thận hay sao? **Tại sao con làm bất cứ việc gì cũng vụng về như vậy?”**

Cô bé đã cố gắng quá sức để khỏi bị chê là vụng về, nhưng rồi chính vì quá lo lắng, nên chân cô vấp vào chân ghế đã khiến xảy ra chính điều mà cô bé sợ mình vấp phải. Nếu bà mẹ tỏ ra tin tưởng thật sự vào khả năng của cô bé có thể mang được một tô nước mắm, thì chắc cô bé đã có thể làm điều đó một cách tốt đẹp hơn. Bây giờ thì tư tưởng của cô bé về chính mình như là một cô bé vụng về, một lần nữa đã được củng cố và cô còn có thêm một thất bại khác cho “tín chỉ” của cô.

Dĩ nhiên, trẻ con có nhiều điều sai lỗi và làm nhiều chuyện sai lầm. Nếu chúng ta có khuynh hướng phê bình thì **thay vì chú trọng đến ưu điểm chúng ta lại quay sang để ý đến khuyết điểm và cho đó là quan trọng. Chẳng hạn, nhiều đứa trẻ tình cờ nói cà lăm, nhưng nó sẽ biến mất nếu không ai để ý đến điều đó.** Tuy nhiên, vì chúng ta quá để ý để tránh hoặc sửa bất cứ hành động nào mình không thích, hoặc vì chúng ta cảm thấy có một cái gì cần phải được làm cho người khác, nên chúng ta có khuynh hướng **muốn chữa trị đứa bé ngay tức khắc khi nhìn thấy nó có điều gì sai lỗi.** Nhưng thật ra, **chúng ta không sửa được nó mà chỉ càng làm tăng thêm những khó khăn**, vì đứa trẻ cảm thấy điều đó là có ích như gây thêm được sự

chú ý hay có thể được xem là chiến thắng trong việc đánh bại những áp lực của chúng ta. Vì thế, **phê bình không dạy được con trẻ mà chỉ làm cho con trẻ giữ vững những hành động chống đối hoặc thêm khuyết điểm mà thôi.**

Để hướng dẫn con trẻ chúng ta có kết quả, chúng ta cần để ý đến những gì đang xảy ra. Đó có phải là một sai lỗi không? Hay đó là một sự thất vọng, một phán đoán sai lầm, hoặc thiếu kiến thức, thiếu kinh nghiệm? Hay có một mục đích nào tiềm ẩn đằng sau hành động đó không? Những câu chuyện của các trẻ con trên đây cho thấy **một sự thiếu kinh nghiệm và một phán đoán nghèo nàn.** Chúng có thể đi đến thất vọng, nên **chúng cần một sự chỉ dẫn chứ không phải phê bình. Chúng cần được khích lệ để khám phá ra khả năng của chúng.** Tuy nhiên, như chúng ta đã thấy: **một hành động sai lầm có thể là kết quả của một mục đích sai lầm.** Nó có thể có một mục đích. Và nếu điều nầy là đúng thì đó **không phải là một lầm lỗi nữa mà là một sai lỗi.**

Bà mẹ gặp một người bạn nơi công viên trong lúc bà và cô bé Kim Uyên 5 tuổi đang đi bách bộ. Cô bé bám sát mẹ, tay bỏ vào miệng khi cô bé được giới thiệu. "Đến đây, Kim Uyên, không được e thẹn", bà mẹ nài nĩ; đoạn quay sang bà bạn nói: "Tôi không biết tại sao nó lại e thẹn như vậy? Không có ai trong nhà như vậy cả." Nghe thế, cô bé càng e ngại hơn. Bà bạn cúi xuống để nghe cô bé trả lời. Nhưng cô bé không nói cũng không cười, chỉ nhìn bà với cái liếc nhìn. Khi người bạn "đầu hàng" và bắt đầu nói chuyện với bà mẹ, cô bé đứng yên một lúc và rồi kéo mẹ, leo lên vế mẹ và áp mặt vào để hôn mẹ.

Cô bé có mục đích trong cái e thẹn của nó, nên chỉ vô ích nếu bảo nó đừng e thẹn nữa. Càng chú ý vào cái sai lỗi của nó chỉ càng củng cố điều đó thêm thôi. Kim Uyên nhận ra mình là một người hay e thẹn trong gia đình. **Điều này mang lại cho cô bé một sự nổi bật.** Khi chúng ta muốn biết cái gì là kết quả của sự e thẹn, chúng ta sẽ khám phá ra rằng chính điều đó làm nó trở nên trung tâm của sự quan tâm đáng để ý. **Mọi người cố gắng để làm cho cô bé trả lời. Như vậy, cô bé trở thành trung tâm của sự chú ý. Nó có giá. Tại sao nó phải bỏ đi?**

Nếu cô bé thất bại trong việc lôi kéo mọi người một cách thích thú đó, nó sẽ không làm thế nữa. Bà mẹ có thể giới thiệu với sự hãnh diện nhưng với **thái độ bình thường**. **Nếu cô bé không trả lời, cứ tiếp tục nói chuyện với người bạn mình. Như vậy, sự e thẹn của nó sẽ bớt đi và dần dần sẽ quên đi.** Nếu người bạn hỏi: "Có phải cô bé e thẹn không?" Bà mẹ có thể trả lời: "Không, cô bé không e thẹn đâu. Nó chỉ không thích nói chuyện ngay bây giờ, nhưng nó sẽ nói chuyện lát sau".

Nếu chúng ta muốn một đứa trẻ khuất phục được một sai lầm nào đó, chúng ta **phải khám phá ra mục đích đằng sau thái độ của nó mà không cần phải nói về điều đó chút nào.** Hãy hành động trong cách thế như vậy thì mục đích sẽ không còn nữa. Hầu như mọi lúc, về phía chúng ta **không cần phải làm gì, cũng không cần phải nói gì để tránh gây nên động lực củng cố thêm cho hành vi đang có.**

*****

Thùy Vân 6 tuổi rưỡi, có người anh 8 tuổi tên là Vinh, một đứa con trai xinh đẹp, tươi tắn, và hạnh phúc. Cô bé Thùy Vân hay khóc nên bố mẹ và anh trai đặt cho bé cái tên là "bé nhè". Anh nó hay chọc nó, làm nó khóc mãi, và tỏ ra thiếu sự trọng kính. Một ngày kia, gia đình đi hồ bơi. Cả hai đứa nhảy ra khỏi xe và chạy đua về phía trước. Không may, cô bé té xuống và trầy chút da ở đầu gối. Cô bé khóc nhè, không ai dỗ được. Cu Vinh nói: "Nó luôn luôn khóc", nó vừa nói vừa bước đi. Ông bố an ủi: "Thùy Vân, không đến nỗi đau lắm con ơi. Thôi đừng khóc nữa. Chúng ta đi về hồ tắm". Cô bé vẫn khóc trong khi ôm chân và bảo: "Đau lắm, lấy cái gì đắp vào đó cho con". Ông bố bảo: " Thôi đừng khóc nữa. Không đến nỗi phải đắp gì lên đó. Một khi con đi vào hồ tắm, con sẽ quên hết mọi sự. Bà mẹ thêm vào với sự bực tức: "Thùy Vân, con bỏ tật hay khóc đi. Lại đây, chúng ta cùng đi bơi". Nhưng cô bé vẫn tiếp tục khóc và từ chối di động. Dì nó bấy giờ cũng vừa đến và được nhiệt tình chào đón. Cô bé càng khóc to hơn. Dì nó chú ý đến nó, cúi xuống vỗ về, và hỏi nó lý do tại sao. Cô bé vẫn không chịu nín. Cuối cùng, ông bố mở miệng: **"Dì ơi, dì có thể ngồi đó, thương hại nó suốt mấy tiếng đồng hồ được không? Đó là điều nó muốn. Nó là một cô bé khóc nhè. Chúng ta hãy xuống tắm và để nó ở đó tùy thích".** Gia đình nhảy xuống hồ và bỏ cô bé ở đó. Một lúc sau, cô bé cũng nhập theo gia đình. Lúc đầu xem có vẻ cưỡng ép, nhưng sau đó thì quên hết mọi chuyện.

Đứa bé hay khóc thường muốn lấy cảm tình. Tim chúng ta thường xúc động bởi sự đau khổ của một đứa bé. Cô bé khám phá ra điều đó từ buổi ban đầu. Vấn đề ở đây là: cô bé đã làm thái quá nên cả gia đình sinh ra bực bội. Tuy nhiên, khóc vẫn có cái lợi của nó. Mọi người thấy rằng la rầy hay khuyên nhủ tất cả chỉ đều vô ích. Cô bé cũng chỉ lè nhè khóc suốt. Thật ra, **cái nhìn của nó về chính nó được củng cố mỗi khi có người gọi nó là "bé nhè".** Cuối cùng, gia đình đã hiểu được nên bỏ nó ở đó và đi bơi. Thế rồi, mọi sự đã trở lại bình thường.

Nếu bố mẹ muốn giúp cô bé lớn lên và không khóc nhè nữa, họ phải biết rõ mục đích của việc khóc: muốn chiếm sự chú ý không cần thiết. Bấy giờ họ **phải ngưng việc nói đến khóc, ngưng việc coi cô bé là đứa khóc nhè, và hãy quên hẳn điều đó đi.** Trong trường hợp này, người bố hoặc bà mẹ có thể đến xem vết thương của đứa bé, coi thử nặng hay nhẹ, nếu nhẹ thì nói: "Bố (hay mẹ) xin lỗi, con đã vấp té. Chút xíu nữa thì nó sẽ hết đau nhé con! Đi vào hồ bơi khi con sẵn sàng". Và tất cả họ đều đi vào. **Cô bé sẽ thấy rằng có khóc cũng không sinh kết quả gì nên tự mình quyết định thay đổi hành vi.** Tiến trình như thế nên tuân giữ mỗi khi nó khóc. Kỹ thuật này phải được kèm theo với sự chú ý khi thấy đứa trẻ tỏ ra cộng tác và hạnh phúc.

Chúng ta phải cố gắng **phân biệt hành động ra khỏi người làm hành động ấy.** Điều này rất quan trọng vì chúng ta đã có những danh từ phức tạp chẳng hạn như đứa bé hay khóc, hay nói dối, hoặc hỗn láo. **Trẻ con cần được nhận thức như là những đứa trẻ tốt nhưng có những hành vi sai lầm vì đời chúng không có hạnh phúc.** Khi chúng ta gắn nhãn hiệu cho một đứa trẻ, chẳng hạn như "bé nhè", chúng ta thấy nó như cái tên chúng ta đã gắn, nên nó dễ

trở thành như thế. **Nó nhận ra nó như danh hiệu đó. Điều đó càng củng cố quan niệm sai lầm của nó và ngăn cản nó hướng về chiều hướng khác.** Khi chúng ta nhận thức rằng **không phải là đứa trẻ xấu nhưng chỉ điều nó làm là xấu, bấy giờ đứa trẻ sẽ cảm thấy được điều đó và nó sẽ đáp lại sự phân biệt này. Nó ý thức và cảm nhận được niềm tin của chúng ta vào nó, điều đó cho nó một sự khuyến khích đối với việc khuất phục những khó khăn của nó và giúp nó trở thành một đứa con ngoan như chúng ta mong ước.**

Lm. Peter Lê Văn Quảng

Hẹn gặp lại

VỀ MỤC LỤC

SỐNG TRIỆT ĐỂ LUẬT ĐỘC THÂN LINH MỤC

Tác phẩm

THƯƠNG CHO ĐẾN CÙNG

ĐỜI LINH MỤC THỪA TÁC

2022

Lm. Micae-Phaolô Trần Minh Huy, PSS

Phần Thứ Hai

CÁC GIẢI PHÁP BỞI NỖ LỰC BẢN THÂN

Bốn

SỐNG TRIỆT ĐỂ LUẬT ĐỘC THÂN LINH MỤC

Chúng ta biết rằng Giáo Hội Công Giáo không bắt ép ai phải làm linh mục hết, nhưng Giáo Hội đòi buộc các linh mục của mình phải sống đời độc thân khiết tịnh. Chúng ta cùng xét đến:

I. Bản Chất và Sứ Vụ Linh Mục Theo Nghi Thức Truyền Chức

1. Giáo Lý của Công Đồng Vatican II

Hiến Chế Giáo Hội Lumen Gentium nói về căn tính, vai trò và sứ mạng của linh mục như sau: *"Cùng với các Giám mục, linh mục tham dự vào quyền thánh chức nhờ việc lãnh nhận bí tích Truyền chức thánh để hành động nhân danh Chúa Kitô là Đầu của Giáo Hội. "Đức Kitô, Đấng đã được Chúa Cha thánh hiến và sai đến thế gian (Ga 10,36), nhờ các tông đồ, đã làm cho các Giám mục là những vị kế nghiệp Tông đồ, có thể tham dự vào việc thánh hiến và vào sứ mạng của mình. Rồi các Giám mục lại giao trách nhiệm của thừa tác vụ mình một cách hợp pháp cho nhiều phần tử trong Giáo Hội theo từng cấp bậc. Như thế, thừa tác vụ do Thiên Chúa thiết lập trong Giáo Hội được thi hành bởi những người có chức vụ khác nhau mà từ xưa được gọi là Giám mục, Linh mục và Phó tế. Linh mục, dù không có quyền thượng tế và tùy thuộc Giám mục khi thi hành quyền bính, cũng hiệp nhất với Giám mục trong tước vị tư tế. Nhờ bí tích Truyền chức thánh, linh mục được thánh hiến theo hình ảnh Chúa Kitô, Thầy cả thượng phẩm vĩnh viễn (x. Dt 5,1-10; 7,24; 9,11-28) để rao giảng Phúc Âm, chăn dắt tín hữu và cử hành việc phụng tự Thiên Chúa với tư cách tư tế đích thực của Tân ước"* (LG. 28).

2. Giám Mục khẳng định với giáo dân

Toàn thể dân thánh Chúa đều thực hiện chức tư tế vương giả trong Đức Kitô. Nhưng chính Vị Thượng Tế chúng ta là Đức Giêsu Kitô đã chọn một số môn đệ để nhân danh Người chính thức thi hành nhiệm vụ tư tế trong Hội Thánh thay cho nhân loại. Vì được Chúa Cha sai đi, chính Người đã sai các Tông đồ đi khắp thế gian, để nhờ các ngài và những Giám Mục kế vị các ngài, mà luôn luôn hoàn tất nhiệm vụ là Thầy, là Tư tế và là Mục tử. Còn các Linh mục là những người được kêu mời hợp tác với hàng Giám Mục trong nhiệm vụ tư tế để phục vụ dân Thiên Chúa, trở thành cộng tác viên của hàng Giám Mục. Sau khi cân nhắc cẩn thận, chúng tôi thấy những anh em nầy đáng được phong lên chức Linh mục, để phục vụ Chúa Kitô là Thầy, là Tư tế, là Mục tử và là Đấng làm cho Hội Thánh, Nhiệm Thể Người được thành hình và phát triển, để trở nên dân Thiên Chúa và Đền thánh. Vì phải nên giống Đức Kitô, Thượng Tế muôn đời, phải liên kết với chức tư tế của Giám Mục, các thầy sẽ được thánh hiến thành tư tế thật sự của Tân ước, để rao giảng Phúc Âm, chăn dắt dân Thiên Chúa và cử hành việc phụng tự, nhất là trong Thánh Lễ.

3. Giám Mục chủ phong nhắc nhở tân chức

Còn các con thân mến, các con sắp lên chức Linh mục, các con sẽ thi hành nhiệm vụ giảng huấn trong Chúa Kitô là Thầy chúng ta. Các con đã vui mừng lĩnh nhận Lời Chúa, các con hãy đem ra phân phát cho mọi người. Khi suy gẫm Luật Chúa, các con hãy chú tâm tin điều các con đọc, dạy điều các con tin và thi hành điều các con dạy. Vậy giáo lý các con phải nên lương thực nuôi dân Thiên Chúa, hương thơm đời sống các con phải nên niềm vui cho các tín hữu Đức Kitô, để lời nói và gương lành các con xây dựng Nhà Thiên Chúa là Hội Thánh.

Các con cũng phải thi hành nhiệm vụ thánh hóa trong Đức Kitô. Vì chưng thừa tác vụ các con sẽ giúp hoàn thành lễ tế thiêng liêng của tín hữu, hiệp cùng lễ tế của Đức Kitô mà tay các con dâng tiến khi cử hành lễ tế không đổ máu trên bàn thờ. Vậy các con phải ý thức việc các con làm, phải noi theo điều các con thực hiện, nghĩa là khi cử hành mầu nhiệm Chúa chịu chết và

sống lại, các con cố gắng chế ngự thân xác khỏi nết xấu và tiến bước trong đời sống mới.

Khi rửa tội qui tụ người ta vào dân Thiên Chúa, khi nhân danh Đức Kitô và Hội Thánh ban phép Giải tội, khi Xức dầu thánh nâng đỡ bệnh nhân, khi cử hành các nghi lễ thánh, khi dâng lời ca ngợi tạ ơn và cầu nguyện trong các Giờ Kinh Phụng vụ, không những thay cho dân Thiên Chúa mà còn thay cho toàn thế giới: những khi ấy, các con hãy nhớ mình được tuyển chọn giữa loài người và được nhắc lên thay thế họ để lo những việc thuộc về Thiên Chúa. Vậy, các con hãy luôn luôn vui vẻ chu toàn nhiệm vụ của Đức Kitô Thượng Tế trong đức mến chân thật, không tìm kiếm những gì thuộc về mình, nhưng tìm kiếm những gì thuộc về Đức Giêsu Kitô.

Sau hết, các con thân mến, khi các con liên kết và vâng phục Giám Mục thi hành nhiệm vụ Thủ Lĩnh và Mục Tử của Đức Kitô, các con hãy cố gắng qui tụ các tín hữu thành một gia đình, để các con có thể hướng dẫn họ đến với Chúa Cha nhờ Chúa Kitô trong Chúa Thánh Thần. Các con hãy luôn luôn ngắm nhìn gương sáng của Mục Tử tốt lành: Người không đến để được phục vụ nhưng để phục vụ. Người đến để tìm kiếm và cứu rỗi kẻ hư mất.

4. Các Cam Kết của Tân Chức

Khi Giám Mục chủ phong hỏi, các tân chức nói lên ý muốn và cam kết của mình:

- Các con rất thân mến, trước khi lên chức Linh mục, các con phải tuyên bố trước mặt dân chúng quyết tâm của các con về nhiệm vụ sắp lĩnh nhận. Các con có muốn không ngừng chu toàn nhiệm vụ tư tế ở bậc linh mục như là cộng sự viên tốt của hàng Giám Mục trong việc chăn dắt đoàn chiên Chúa theo sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần không? - Thưa con muốn

- Các con có muốn chu toàn một cách xứng đáng và khôn ngoan thừa tác vụ Lời Chúa trong việc rao giảng Phúc Âm và trình bày đức tin công giáo không?- Thưa con muốn

- Các con có muốn cử hành một cách đạo đức và trung tín các mầu nhiệm của Đức Kitô, để ngợi khen Thiên Chúa và thánh hóa dân Kitô hữu theo truyền thống của Hội Thánh, nhất là trong hy tế Tạ ơn, và bí tích Hòa giải không?- Thưa con muốn

- Các con có muốn cùng với chúng tôi không ngừng dựa vào lệnh Chúa truyền phải cầu nguyện mà nài xin lòng thương xót của Chúa cho toàn dân đã được trao phó cho các con không?- Thưa con muốn

- Các con có muốn ngày càng liên kết mật thiết hơn với Đức Kitô Thượng Tế, Đấng đã tự hiến mình cho Chúa Cha làm của lễ tinh tuyền vì chúng ta, và có muốn cùng với Người hiến thân cho Thiên Chúa để cứu độ loài người không ?- Thưa, nhờ ơn Chúa giúp, con muốn

5. Lời Hứa Vâng Phục của tân chức

Tiến chức đến quỳ trước Giám Mục chủ phong, chắp tay để trong tay ngài và nói lên niềm tin yêu phó thác đời mình trong vòng tay Mẹ Hội Thánh qua lời hứa vâng phục Đấng bản quyền Giáo phận: - Con có hứa kính trọng và vâng phục Cha cùng các Đấng kế vị Cha không?- Thưa con hứa. - Xin Thiên Chúa hoàn tất việc tốt lành Người đã khởi sự nơi con.

6. Kinh Cầu Các Thánh

Ý thức thân phận con người bất toàn và giới hạn, cộng đoàn hiệp ý cầu xin Thiên Chúa ban ơn phù trợ cách đặc biệt cho các tiến chức đang phủ phục trong khiêm cung, tin tưởng và phó thác, nhờ lời cầu bầu của Đức Trinh Nữ Maria và toàn thể các Thánh. ĐGM mời gọi cộng đoàn cầu nguyện: *Anh chị em thân mến, chúng ta hãy cầu xin Thiên Chúa là Cha toàn năng, gia tăng ơn thiêng trên các tôi tớ Chúa đây là những kẻ Chúa thương gọi lên chức Linh mục.* Dứt Kinh Cầu, Giám Mục cầu nguyện: *Lạy Chúa là Thiên Chúa chúng con, chúng con nài xin Chúa nhậm*

lời chúng con mà đổ tràn ơn phúc Chúa Thánh Thần và ơn chức Linh mục trên các tôi tớ Chúa đây, hầu những người chúng con dâng lên cho Chúa nhân từ để được thánh hiến sẽ luôn luôn được Chúa rộng tay ban ơn che chở. Nhờ Đức Kitô Chúa chúng con. Amen.

7. Đặt Tay và Lời Nguyện Truyền Chức

Từ thời các tông đồ, đặt tay và lời cầu nguyện liên kết với nhau làm nên nghi thức chính yếu của việc truyền chức thánh. ĐGM thinh lặng đặt tay trên đầu tiến chức như là dấu chỉ việc tuyển chọn và chuyển thông ơn Chúa Thánh Thần, để tiến chức dự phần vào các tác vụ thánh trong Hội Thánh. Khi ĐGM đã đặt tay xong, các Linh mục Đồng tế đến đặt tay trên đầu Tiến chức như dấu chỉ đón nhận người anh em vào linh mục đoàn giáo phận rồi đứng thành vòng cung sau lưng ĐGM, hiệp thông trong lời nguyện truyền chức: *Lạy Chúa là Cha chí thánh, xin nhậm lời chúng con. Cha là Thiên Chúa toàn năng hằng hữu, là Đấng tạo dựng phẩm giá con người và là Đấng ban phát mọi ơn. Nhờ Cha mà muôn loài tiến triển, nhờ Cha mà muôn vật kiên vững. Để hình thành một dân tư tế, Cha nhờ sức mạnh Thánh Thần, xếp đặt các thừa tác viên của Đức Kitô, Con Cha ở những phẩm hàm khác nhau trong cùng một chức thánh. Ngay ở thời Cựu ước xa xưa, đã phát sinh những chức vụ được thiết lập qua các nhiệm tích: Vì khi Cha đặt Mô-sê và A-ha-ron cai trị và thánh hóa dân chúng, Cha đã chọn những người có phẩm hàm và địa vị thấp hơn để giúp đỡ vào tập thể và công việc của các ông. Vì vậy, trong hoang địa, Cha đã phân phát thần trí của Mô-sê cho bảy mươi người có trí thông minh, để khi dùng họ phụ giúp, ông có thể cai trị dân Cha một cách dễ dàng hơn. Cũng vậy, Cha đã thông ban sự sung mãn của A-ha-ron cho con cháu ông, để chức tư tế theo lề luật có đủ người dâng các hy tế nhà tạm là hình bóng về những hồng ân sau nầy. Nhưng vào thời sau hết, lạy Cha chí thánh, Cha đã sai đến thế gian Con Cha là Đức Giêsu, Người là Vị Sứ Giả và là Đấng Thượng tế của Hội Thánh chúng con. Người đã nhờ Thánh Thần mà dâng lên Cha chính mình làm hy lễ vẹn sạch. Người đã cho các Tông đồ của Người tham gia vào sứ mạng của Người sau khi họ đã được thánh hóa trong chân lý. Và Cha đã ban thêm cho họ những cộng sự viên để rao giảng và thi hành công cuộc cứu độ khắp cả trần gian. Giờ đây, lạy Cha, chúng con nài xin Cha cũng thương ban cho con người yếu đuối của chúng con được những người nầy để trợ giúp, vì chúng con cần có những người nầy để chu toàn chức tư tế tông truyền. LẠY CHA TOÀN NĂNG, CHÚNG CON NÀI XIN CHA BAN CHỨC LINH MỤC CHO CÁC TÔI TỚ CHA ĐÂY. XIN CHA ĐỔI MỚI THẦN TRÍ THÁNH HÓA TRONG LÒNG CÁC THẦY CHO CÁC THẦY BIẾT CHU TOÀN CHỨC VỤ NHỊ PHẨM NHẬN ĐƯỢC TỪ NƠI CHA, VÀ CHO CÁC THẦY BIẾT CẢI THIỆN PHONG HÓA THẾ GIAN BẰNG GƯƠNG SÁNG ĐỜI SỐNG CỦA MÌNH. Xin cho các thầy trở nên các cộng sự viên tốt của hàng Giám Mục chúng con, để lời Phúc Âm do các thầy rao giảng, nhờ ơn Thánh Thần, sinh hoa kết quả trong lòng người ta và vang dội đến tận cùng trái đất. Xin cho các thầy cùng với chúng con trở nên các người trung thành phân phát các mầu nhiệm của Cha, để dân Cha được đổi mới nhờ phép rửa tái sinh, được bổ dưỡng nơi bàn thờ và để tội nhân được giao hòa cũng như bệnh nhân được nâng đỡ. Lạy Cha, xin cho các thầy biết liên kết với chúng con để khẩn cầu lòng thương xót của Cha cho đoàn dân đã được trao phó cho các thầy, cũng như cho toàn thể thế giới. Như vậy, toàn thể các dân tộc được tập hợp lại trong Đức Kitô sẽ trở thành dân Cha duy nhất, được kiện toàn trong Nước Cha. Nhờ Đức Giêsu Kitô, Con Cha, Chúa chúng con, Đấng hằng sống hằng trị với Cha trong sự hiệp nhất của Chúa Thánh Thần đến muôn thuở muôn đời. Amen.*

8. Mặc lễ phục Linh mục

"Khúc ai ca, Chúa đổi thành vũ điệu, cởi áo sô, mặc cho con lễ phục huy hoàng" (Tv.29). Lễ phục linh mục là phẩm phục tư tế. Với phẩm phục này, việc thi hành thừa tác vụ linh mục giữa cộng đoàn dân Chúa được biểu lộ cụ thể bên ngoài.

9. Xức Dầu thánh

Đức Giám Mục xức dầu thánh hai lòng bàn tay Tân chức. Đây là biểu hiện sự thánh hóa để Tân chức được trở nên đồng hình đồng dạng với Chúa Kitô mà dâng lên Thiên Chúa Cha hy lễ đẹp lòng Ngài. ĐGM vừa xức dầu vừa đọc: *Xin Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà Chúa Cha đã xức dầu*

bằng Thánh Thần và sức mạnh, gìn giữ con để con thánh hóa dân Kitô giáo và hiến dâng hy lễ lên Thiên Chúa.

10. Trao Chén Thánh và hôn bình an

ĐGM trao lễ phẩm bánh và rượu trong chén thánh cho tân chức như dấu chỉ xác định việc chủ sự cử hành Thánh lễ, và ngài trao hôn bình an cho tân chức như dấu hiệu đón nhận tân chức làm cộng sự viên mới của mình: *Con hãy nhận lễ vật của dân thánh mà dâng lên Thiên Chúa. Con hãy ý thức việc con làm, noi theo điều con thực hiện, và rập đời sống con theo khuôn mẫu mầu nhiệm Thánh giá Chúa. Bình an của Chúa ở cùng con.- Và ở cùng Cha*

Những lời nhắc nhủ của Giám Mục gợi nhớ lời này: Lời khiển trách nặng nề nhất chống lại chúng ta là chúng ta không sống điều chúng ta đã rao giảng cho người khác.

II. Truyền Thống Không Thay Đổi của Giáo Hội

Trong xã hội tục hóa hôm nay, sự độc thân khiết tịnh, nhất là nơi giới đàn ông, bị nghi ngờ và coi là không thể[11]. Nhưng đối với Giáo hội Công giáo Rôma, *đời sống độc thân khiết tịnh linh mục* là một thực hành bắt buộc rất cựu trào, chẳng hạn Công đồng Carthage (năm 390) đã nói: "*Những người phục vụ các mầu nhiệm thánh phải hoàn toàn tiết dục, hầu cho những gì các Tông đồ đã giảng dạy và người xưa gìn giữ thì nay chúng ta cũng tuân giữ nó.*"

Từ Công đồng Latêranô I (1123), luật độc thân khiết tịnh được áp dụng cho mọi linh mục theo lễ nghi Latinh. Công đồng Trentô (1543) là một cuộc canh tân thiêng liêng sâu xa và bền bỉ về chức và thừa tác mục vụ linh mục. Cần nhấn mạnh thật rõ ràng là *độc thân khiết tịnh linh mục*, chứ không chỉ *độc thân linh mục,* vì ngay cả trong đời thường, có nhiều người sống độc thân nhưng không giữ đức khiết tịnh.

Thời đại chúng ta chứng kiến nhiều cuộc tranh luận về vấn đề kỷ luật này. Một số người đã cho là phi lý khi đòi buộc độc thân khiết tịnh, vịn cớ cả Chúa Giêsu lẫn thánh Phaolô không trình bày bậc độc thân khiết tịnh như là một thực hành bắt buộc đối với các môn đệ. Một ít người còn đổ trách nhiệm cho bậc độc thân khiết tịnh về cuộc khủng hoảng ơn gọi linh mục và những gương mù lạm dụng tình dục trẻ em, vi phạm tình dục với người lớn yếu thế và đồng tính luyến ái. Dù vậy, Sắc lệnh *Chức vụ và Đời sống linh mục* của Công đồng Vatican II vẫn duy trì truyền thống không thay đổi, và nhấn mạnh đặc biệt đến mối liên hệ chặt chẽ giữa độc thân khiết tịnh vì Nước Trời và đức ái mục tử của chức linh mục thừa tác[12]. Đức Phaolô VI khẳng định: "*Luật độc thân thánh mà Giáo hội canh giữ từ nhiều thế kỷ nay như một viên ngọc quý rạng ngời, bảo tồn toàn bộ giá trị của nó cả ở thời đại chúng ta vốn tiêu biểu bằng một sự biến đổi sâu xa các não trạng và các cơ cấu*"[13].

THĐGMTG năm 1971 khẳng định sự cần thiết phải duy trì luật độc thân khiết tịnh linh mục trong Giáo hội Latinh[14]. Bộ Giáo luật 1983 lặp lại: "*Các Giáo sĩ buộc phải giữ tiết dục hoàn toàn và vĩnh viễn vì Nước Trời, và vì thế phải tuân giữ luật độc thân khiết tịnh, ân sủng đặc biệt Thiên Chúa ban, nhờ đó các thừa tác viên chức thánh có thể kết hiệp dễ dàng hơn với Đức Kitô bằng một tâm hồn không chia sẻ, tự hiến trọn vẹn và tự do hơn cho việc phục vụ Chúa và con người*"[15]. Và *Pastores Dabo Vobis* trình bày luật độc thân khiết tịnh như một đòi hỏi căn bản trong toàn cảnh bốn chiều kích nhân bản, thiêng liêng, tri thức và mục vụ.

Sách *Giáo lý Công giáo số* 1599 lặp lại: "*Trong Giáo hội Latinh, thường chỉ truyền chức linh*

---

11 Câu chuyện "Không Thể Chịu Nổi" trên đường đi Khu kinh Tế Mới Nam Đông, Thừa Thiên Huế.

12 Presbyterorum Ordinis, số 16.

13 Sacerdotalis Coelibatus số 12.

14 Pastores Dabo Vobis số 29.

15 x. GL 277,1.

mục cho các ứng viên tự nguyện sống độc thân khiết tịnh và công khai biểu lộ ý muốn này vì yêu mến Nước Trời và phục vụ tha nhân"[16]. ĐTC Biển Đức XVI đã tái khẳng định giá trị của chọn lựa đời sống độc thân khiết tịnh, hợp với truyền thống Công giáo chưa bị gián đoạn và lập lại đòi buộc phải có một đào tạo nhân bản và Kitô giáo vững vàng cho chủng sinh lẫn linh mục[17]. ĐTC Phanxicô bác bỏ việc hủy bỏ luật độc thân linh mục và nên "*duy trì như hiện tại*".

Chỉ Nam cho thừa tác vụ và đời sống linh mục của Bộ Giáo sĩ khẳng định: "*Xác tín vào những động cơ thần học và mục vụ sâu xa làm cơ sở cho mối tương quan giữa sự độc thân khiết tịnh và chức linh mục, được soi sáng bằng chứng tá còn giá trị cho đến ngày hôm nay của rất nhiều cuộc đời linh mục vững mạnh về mặt thiêng liêng và Phúc Âm, mặc dầu xảy ra nhiều trường hợp đau thương, Giáo Hội đã tái xác nhận, qua Công đồng Vatican II và giáo huấn của các Giáo hoàng về sau, 'ý muốn mãnh liệt duy trì luật đòi buộc tình trạng độc thân vĩnh viễn được tự do chọn lựa cho các ứng viên linh mục theo nghi lễ Latinh,'*[18] *xác tín rằng đó là ân huệ mang lại thiện ích cho Giáo hội và thế giới.*"[19]

Từ thời các tông đồ, Giáo Hội đã muốn bảo tồn ơn tiết dục vĩnh viễn của giáo sĩ và hướng về giải pháp chọn ứng viên chức thánh nơi những người độc thân[20]. Sự dấn thân ơn gọi linh mục được lựa chọn cách tự do và quảng đại là lời đáp trả hồng ân quảng đại của Thiên Chúa[21]. Và thực tế hiện nay, để được thụ phong linh mục, ứng viên chức thánh phải lớn tiếng tuyên hứa với Giám mục chủ phong trước mặt cộng đoàn vâng lời Giám mục Bản quyền và sống độc thân khiết tịnh linh mục[22].

Độc thân khiết tịnh linh mục đặt nền tảng nơi mối tương quan giữa Thiên Chúa và mỗi linh mục. Qua việc cho đi chính mình bằng cách chọn đời sống độc thân khiết tịnh, linh mục càng ngày càng sống cho Thiên Chúa và tha nhân hơn, lột bỏ đến *tự hủy* hoàn toàn (Ph 2,7), làm cho mình "*nhỏ bé đi để cho Chúa lớn lên*" (Ga 3,30) và góp phần vào sự tăng trưởng của Giáo Hội: "*không còn là tôi sống, nhưng chính Đức Kitô sống trong tôi*" (Gal 2,19-20), và linh mục luôn cố gắng nên đồng hình dạng với Chúa Kitô Mục Tử Nhân Lành "*ban sự sống mình cho đoàn chiên*" (Ga 10,11).

Chính trong khung cảnh đó mà sự tự do của linh mục không ngừng được củng cố và trưởng thành để luôn sẵn sàng phục vụ Thiên Chúa và dân Ngài. Chấp nhận sống độc thân khiết tịnh, linh mục gặp được kho báu hàm chứa việc "*mang trong thân xác sự chết của Chúa Giêsu, để sự sống của Ngài cũng được bày tỏ trong thân xác mình*" (2 Cr 4,10), nhờ đó học biết ban phát sự sống mình cho đoàn dân mà mình được trao phó, được thúc đẩy loan báo Tin Mừng "*lúc thuận tiện cũng như lúc không thuận tiện*" (2 Tim 4,2).

Mỗi thời đại diễn tả và thực hành đức tin trong não trạng văn hóa riêng. Giáo huấn của Giáo hội cung cấp cho linh mục những điều căn bản cần thiết để suy nghĩ và định hình lời đáp trả của mình với hồng ân của Thiên Chúa trong bậc độc thân khiết tịnh, tự bản chất vốn là liên hệ với Thiên Chúa, với con người và thế giới. Nó định phẩm căn tính linh mục là một con người của liên hệ, nhất là liên hệ với Giám mục và linh mục đoàn Giáo phận của mình. Nó cũng mời gọi linh mục nhận rõ sự bổ túc của các bậc sống khác và những mối liên hệ mình phải duy trì với họ. Nó cũng cho phép linh mục thiết lập các liên hệ nhân bản, bạn hữu chân chính với người nam lẫn người nữ, mà thuận lợi nhất là với những người cùng chung lý tưởng dâng hiến, nhằm bảo vệ và giúp nhau sống cho tròn sứ mệnh[23].

---

16 Lời cam kết sống độc thân khi chịu chức.

17 ĐTC phát biểu trong cuộc họp với lãnh đạo các Bộ của Giáo triều ngày 16.11.2008.

18 PDV. 29; PO. 16; Sacerdotalis Coelibatus 14; GL 277,1.

19 Chỉ Nam 1994 số 57.

20 x. 2 Th 2,15; 1 Cor 7,5; Tt 1,6-8; Chỉ nam 1994 số 59.

21 Bộ GDCG, Đường hướng giáo dục trong việc huấn luyện độc thân linh mục số 16.

22 Xem Nghi thức Truyền chức thánh.

23 Chúa đã gọi sao còn một tiếng gọi? Lòng nhủ lòng can đảm dẹp mến thương, quyết giúp nhau sống cho tròn sứ mệnh.

ĐTC Phanxicô nói tới các phương thế giúp chúng ta giữ mình và trung tín với lời hứa linh mục: "*Khiết tịnh là biểu hiện tâm tình tận hiến duy nhất cho tình yêu của Chúa. Các cám dỗ trong lời hứa này đòi hỏi chúng ta phải khiêm tốn tin tưởng vào Chúa, cảnh giác và kiên định bám trụ vững vàng trên tảng đá của lòng thương xót… Chỉ khi nào chúng tá của chúng ta vui vẻ thì chúng ta mới lôi cuốn được giáo dân đến với Chúa Kitô; niềm vui này là ơn phúc được nuôi dưỡng bằng đời sống cầu nguyện, chiêm niệm Lời Chúa, cử hành các bí tích và sống tình huynh đệ*[24].

Đời sống độc thân khiết tịnh này được Đức Cha Đaminh Đặng Dĩ Minh nêu chứng từ như sau: *"Trong vòng 22 năm trời, tôi bị tách biệt hẳn với gia đình và bạn bè. Kinh Nguyện và Thần Linh Thiên Chúa hỗ trợ tôi cách đặc biệt trong những giờ phút đen tối, những giờ phút mà đôi khi tôi cảm thấy Thiên Chúa thật xa. Và chính từ kinh nghiệm đau thương này mà tôi rút tỉa suy tư về sự độc thân khiết tịnh linh mục. Đối với tôi, độc thân khiết tịnh linh mục là lời đáp trả tiếng Chúa kêu mời ta tận hiến hoàn toàn cho Ngài và cho việc chăm sóc dân Ngài. Đời độc thân khiết tịnh, nếu được sống kết hiệp mật thiết với Chúa, sẽ giúp người độc thân khiết tịnh đi đến chỗ chấp nhận cả đến hy sinh chính mạng sống mình. Vị Công an cho biết ba lý do thả tôi ra: 'Trước tiên ông là người ngay chính. Tiếp đến, ông không bao giờ sử dụng tiền của Giáo Hội vào việc riêng, kể cả tiền mẹ ông cho ông. Sau cùng ông không bao giờ đi lại với đàn bà. Và như thế có thể kết luận rằng ông không bao giờ làm gì hại dân'. Đó là ba lý do chính khiến tôi được trả tự do. Ông không bao giờ đi lại với đàn bà, câu nói của viên công an minh chứng tôi hoàn toàn trung thành với sự độc thân khiết tịnh linh mục. Nhưng câu nói cũng ngầm công nhận rằng có một khía cạnh tốt đẹp trong cuộc sống độc thân khiết tịnh khiến họ bắt buộc phải thả tôi ra"*[25].

III. Ý Nghĩa và Lợi Ích của Độc Thân Khiết Tịnh

Nhờ đời sống độc thân khiết tịnh, linh mục thực sự trở nên *người của Thiên Chúa* (x.1Tm 6,11) và *người cho mọi người,* qua những điểm giáo huấn nổi bật về đời sống độc thân khiết tịnh[26]:

Là cách thức linh mục yêu mến và hiện hữu đối với Thiên Chúa và tha nhân, khai mở những liên hệ cộng đồng, cùng mọi người tìm kiếm sự thánh thiện và làm cho Nước Chúa ngự đến; cũng là cách linh mục dấn thân tất cả cuộc đời của mình: lời hứa khi chịu chức đâm rễ sâu xa vào chính thực thể con người linh mục và phải được nhắc lại trong suốt chiều dài cuộc sống.

Đời sống độc thân khiết tịnh giúp linh mục tìm được tất cả ý nghĩa trong liên hệ với các lời khấn khác (vâng lời, khó nghèo và khiết tịnh) là hồng ân phải làm mới lại không ngừng, khuôn mình cách mật thiết với những mầu nhiệm mình cử hành, trong sự khổ hạnh thiết yếu: thận trọng, dè dặt, tỉnh thức, từ bỏ, chấp nhận mọi thánh giá trong suốt cả đời sống, và những yếu tố khác cùng loại[27].

Đời sống độc thân khiết tịnh là cách linh mục trao hiến đời sống mình để nhắm tới một sự phong phú đặc biệt, như thánh Phaolô nói về tình phụ tử[28]: phải có một quan niệm lành mạnh về tình phụ tử và danh hiệu "*cha*" mà giáo dân thường gọi mình, đồng thời nỗ lực làm tăng trưởng đức tin, đức cậy và đức mến cho họ.

Đời sống độc thân khiết tịnh là truyền thống lâu đời của Giáo hội Rôma không hề xa lạ với Thánh Kinh, và Tân Ước hằng làm vang lên lời mời gọi gắn bó với nền tảng thần học cho phép hiểu rõ ý nghĩa Kitô học, Giáo hội học, Thánh Kinh học, ý nghĩa hôn ước và tông đồ, cũng như

---

24 ĐTC Phanxicô nói khi gặp các tu sĩ trong cuộc thăm viếng mục vụ Hàn Quốc.

25 Ngày 1/10/1950, ĐTC Piô XII đặt Đức Cha Đaminh Đặng Dĩ Minh, Sj, làm Giám quản Tông Tòa giáo phận Quảng Châu, Trung Quốc và ngày 5/2/1958, ngài bị bắt giam suốt 22 năm, đến tháng 6/1980 mới được thả ra và năm sau được ĐTC Gioan Phaolô II đặt làm TGM Quảng Châu. Ngày 1/4/1993, Bộ Giáo Sĩ họp báo giới thiệu cuốn sách Chi Vì Tình Yêu – Suy Tư về Độc Thân Linh Mục trong đó có chứng từ của TGM Đaminh Đặng Dĩ Minh: "Độc thân khiết tịnh là Trung Tín với Bản Sắc Đặc Thù của Linh Mục". Solo per Amore – riflessioni sul celibato sacerdotale, edizioni Paolini, 1993, p. 141-147 – lm. Antôn Hà Văn Minh, Phú cường trích dẫn.

26 x. Những khái niệm về việc đào tạo bậc độc thân linh mục số 27 của Hội Xuân Bích.

27 x. Bộ Giáo dục Công giáo, Huấn luyện thiêng liêng trong các chủng viện II,3 "những khổ chế thiêng liêng"; Jean-Jacques OLIER, "Con đường nên thánh là con đường Thập giá."

28 x. 1 Cr 4, 14-15 về tình phụ tử của thánh Phaolô đối với các tín hữu.

tính "thích hợp mục vụ" của bậc độc thân với chức vụ linh mục, nhất là trong vấn đề thuyên chuyển nhiệm sở.

Đời sống độc thân khiết tịnh nằm trong bối cảnh những mối liên hệ quân bình, hài hòa và trưởng thành nhân bản cũng như thiêng liêng giữa những người nam và người nữ thuộc các cộng đồng tự nhiên và Giáo Hội, với sự dấn thân tự do và tự nguyện được Giáo hội chuẩn nhận, chứ không phải là một gánh nặng áp đặt từ bên ngoài, như Giáo luật dạy: "*Đương sự phải được tự do hoàn toàn, tuyệt đối không được cưỡng bách bằng bất cứ cách nào và vì bất cứ lý do gì, cũng không được ngăn cản người đủ khả năng xứng hợp"*[29].

Kỷ luật độc thân khiết tịnh trở nên như một sự che chở bảo vệ và một gánh nhẹ nhàng khiến linh mục càng được thăng tiến và triển nở[30], nhờ đó thống nhất được đời sống nội tâm và hoạt động tông đồ, là điều kiện tất yếu để thành công, hạnh phúc và thánh thiện; vì qua lời hứa khi chịu chức, linh mục ký kết với Chúa một giao ước nhiệm hôn (x. Os 2,22) đòi hỏi phải có sự chung thuỷ, nhờ bám chặt vào Chúa, nhất là những lúc gặp phải thử thách buồn phiền, cám dỗ, yếu đuối (x. 2 Cr 11, 29; 1 Cr 10,12).

Tông huấn *Pastores Dabo Vobis* đã nhấn mạnh mối quan hệ hôn nhân của Chúa Kitô với Giáo hội là nền móng linh đạo của linh mục, vốn thường "được gọi là hình ảnh sống động của Chúa Kitô, Phu quân của Giáo hội". Giám mục tham dự vào hôn ước của Chúa Kitô, được biểu thị qua nghi thức trao nhẫn trong lễ tấn phong Giám mục[31]: "*Tương quan của một Giám mục với Giáo phận của ngài cũng không khác gì một cuộc hôn nhân. Chiếc nhẫn Giám mục đeo là một biểu tượng tình yêu của Giám mục đối với Giáo phận của mình… Giám mục được mời gọi yêu thương Giáo phận của mình với hết cả tấm lòng như Chúa Kitô đã yêu thương và hiến mình cho Hội Thánh"*[32]. Cũng thế, khi nhận lãnh chức linh mục từ tay Giám Mục và được thông phần vào chức tư tế duy nhất của Chúa Kitô, linh mục cũng thông phần một cách nào đó vào chiều kích hôn ước đối với Giáo hội, nên phải hết lòng yêu mến Giáo hội bằng cách cống hiến mọi năng lực và tự hiến trong đức ái mục tử đến độ hy sinh chính cuộc sống mình mỗi ngày cho đoàn chiên được trao phó[33].

Đời sống độc thân khiết tịnh không phủ nhận hôn nhân, nhưng phải được hiểu trong liên hệ với Nước Trời: chỉ có ý nghĩa và sẽ sinh hoa trái "trong viễn tượng hôn nhân thiên quốc và trong ánh sáng của Vương quốc Thiên Chúa"[34]. Trong ý nghĩa này, linh mục được kêu gọi dâng tặng toàn thể những gì là mình cho Giáo hội/Hôn thê của Chúa Kitô và cho Vương quốc Thiên Chúa, như người chồng dâng tặng toàn thể thân xác và tất cả những gì là mình cho vợ (x.1 Cr 7,3-4).

Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II nói: "*Sự trinh khiết và độc thân vì Nước Thiên Chúa, không làm giảm bớt chút nào phẩm giá của hôn nhân, ngược lại, chúng giả thiết phải có phẩm giá ấy và củng cố nó. Hôn nhân và sự trinh khiết là hai cách thức để diễn tả cùng một mầu nhiệm duy nhất về giao ước giữa Thiên Chúa với Dân Ngài. Ở đâu không có sự kính trọng đối với hôn nhân không thể nào có được sự trinh khiết tận hiến. Ở đâu người ta không nhìn tính dục con người như là ân sủng lớn lao của Đấng Tạo hoá thì ở đó việc từ bỏ tính dục vì Nước Trời cũng mất đi ý nghĩa của nó*"[35].

Đời sống độc thân khiết tịnh là "*một ân huệ quí giá Thiên Chúa ban cho Giáo hội*"[36]: linh mục hiến dâng tính dục và con tim không san sẻ của mình cho Thiên Chúa "*như dấu chỉ của Nước Trời không thuộc về thế gian này, một dấu chỉ của tình yêu Thiên Chúa cho thế giới và dấu*

29 GL 1026.

30 Chi Nam 1994 số 58.

31 Lumen Gentium số 28.

32 Trích bài giảng nhậm chức TGM Tổng Giáo phận Philadelphia ngày 08.9.2011 của TGM Charles Chaput.

33 Chi Nam Linh Mục 1994 số 13.

34 Ibidem.

35 Thánh Gioan Phaolo II, Familiaris Consortio, số 16.

36 JP II, Pastores Dabo Vobis, số 29.

chỉ của tình yêu không san sẻ linh mục dành cho Thiên Chúa và Dân Chúa", vì đó là "ý muốn của Giáo hội" và Bí tích Truyền Chức "*làm cho linh mục trở nên đồng hình đồng dạng với Chúa Kitô là Đầu và Hôn phu của Giáo hội*". Sự độc thân khiết tịnh linh mục "*là món quà bản thân diễn tả sự phục vụ của linh mục cho Giáo hội, trong Chúa Kitô và với Chúa Kitô*".

Tính hiệu quả của đức ái mục tử sẽ tùy thuộc nhiều vào sự trung thành của linh mục với lời hứa độc thân khiết tịnh. Do đó, vũ khí hiệu nghiệm nhất để kiên trì trong lời cam kết độc thân thanh khiết là lời cầu nguyện, các bí tích và những thực hành khổ chế của Giáo hội. Chúng "*sẽ đem lại hy vọng trong những khó khăn, tha thứ trong những sa ngã, tự tin và can đảm tái đảm nhận cuộc hành trình này*".

Việc làm chứng nhân cho tình yêu phu phụ của Chúa Kitô đòi hỏi linh mục "*có khả năng yêu mọi người với một con tim mới, quảng đại và trong sạch, với sự từ bỏ đích thực, với sự dâng hiến trọn vẹn, thường xuyên, trung thành, với một loại 'ghen tỵ thần linh'* (x. 2 Cr 11,2), và thậm chí với tình thương âu yếm của người mẹ có khả năng "*quặn đau sinh ra một lần nữa*" cho đến khi "*Chúa Kitô được thành hình nơi người tín hữu*"[37].

Sự đồng hình đồng dạng với Chúa Kitô Mục tử nhân lành linh hoạt toàn thể cuộc sống và sứ vụ tông đồ của linh mục: một con tim cháy bỏng bởi lòng yêu thương đoàn chiên và sẵn sàng hy sinh mạng sống cho họ bất cứ giá nào. Đó là đức ái mục tử, là "*nguyên tắc nội tại, là sức mạnh tạo sinh khí và hướng dẫn đời sống thiêng liêng của linh mục*"[38]. Nội dung chính yếu của đức ái mục tử này là "*quà tặng tất cả bản thân cho Giáo hội, theo gương mẫu Chúa Kitô*". Quà tặng bản thân này "*là nguồn mạch và sức mạnh tổng hợp của đức ái mục tử*", là "*một sự lựa chọn yêu thương, nhờ đó Giáo hội và các linh hồn trở thành mối quan tâm hàng đầu của linh mục, khiến ngài trở nên có khả năng yêu mến một phần của Giáo hội được uỷ thác cho ngài với tình yêu sâu xa như của một người chồng dành cho người vợ*".

Mối quan hệ này phát xuất trước hết và trên hết từ sự hiệp thông cá nhân của linh mục với Chúa Kitô và với linh mục đoàn hiệp nhất cùng Giám mục[39]: "*Đức ái mục tử đòi hỏi linh mục luôn làm việc trong mối dây hiệp thông với Giám mục và với các anh em linh mục, nếu không, những nỗ lực của ngài sẽ là vô ích*"[40]. Hay nói cách khác, nó chỉ có ý nghĩa đặc biệt trong tính thuộc về một linh mục đoàn duy nhất hiệp thông với Giám mục Bản quyền.

ĐTC Phanxicô nói tới các phương thế giúp chúng ta giữ mình và trung tín với lời hứa linh mục: "*Khiết tịnh là biểu hiện tâm tình tận hiến duy nhất cho tình yêu của Chúa. Các cám dỗ trong lời hứa này đòi hỏi chúng ta phải khiêm tốn tin tưởng vào Chúa, cảnh giác và kiên định bám trụ vững vàng trên tảng đá của lòng thương xót… Chỉ khi nào chúng tá của chúng ta vui vẻ thì chúng ta mới lôi cuốn được giáo dân đến với Chúa Kitô; niềm vui này là ơn phúc được nuôi dưỡng bằng đời sống cầu nguyện, chiêm niệm Lời Chúa, cử hành các bí tích và sống tình huynh đệ*[41].

VỀ MUC LUC

37 x. Gal 4,19; Pastores Dabo Vobis, số 29.

38 JP II, Pastores Dabo Vobis, số 23.

39 x. Ga 21,15-17.

40 Vat. II, Presbyterorum Ordinis, số 14.

41 ĐTC Phanxicô nói khi gặp các tu sĩ trong cuộc thăm viếng mục vụ Hàn Quốc.

(Trích trong tác phẩm

"NHỚ NGUỒN" của Gs Nguyễn Đăng Trúc)

Đạo trong Lão học
và
trong Nho học

Những câu đầu tiên của Đạo-Đức-Kinh đã cho ta cảm tưởng đây là một lối nói ngược đời. Thực thế, thành ngữ *ngược đời* của tiếng Việt gói ghém hầu hết tư tưởng của Lão. *Đời* theo Lão là *cái xuất hiện ra bên ngoài*, nghĩa là tất cả những gì mà con người thấy mình có thể nắm bắt được do lòng thương, lý trí, khả năng hành động của mình, và tưởng là do khả năng riêng của mình. Theo chính ngôn từ của Đạo Đức Kinh, *đời là thiên hạ* (chương 2) tức là toàn khối ngược lại với *tích chi* (chương 39) hoặc *cổ chi* [42] (chương 65).

Thiên hạ không phải chỉ là hiện tượng xã hội, số đông quần chúng mà thôi, nhưng là cảnh vực của những gì con người có thể [= *"khả"* (chương I)]. Xét về thời gian, đó là toàn bộ quá khứ, hiện tại, tương lai con người có thể nhớ, đang sống và dự phóng cho tương lai. Nên t*ích chi, cổ chi* hay *thời Nghiêu Thuấn* chẳng qua là biểu tượng, một lối nói thi ca về một cái *thời* mà không phải là thời của con người, *do bởi con người.* Vì thế nên khi nói trở lại *thời xưa,* giữ *Đạo xưa*, Đạo Đức Kinh đã diễn tả cái *"chấp cổ chi Đạo"* (Chương 14-C) đó như thế này :

Xem mà không thấy, nên tên gọi là "Di"
Lóng mà không nghe, nên tên gọi là "Hi"
Bắt mà không nắm được, nên gọi là "Vi" [43]

Thế mà đã từ lâu, như đã mất nguồn thi hứng của tư tưởng, Đạo là Nguyên Nguồn của Đại Ký Ức đã được hiểu lầm là tập tục sinh hoạt của một thời kỳ còn man khai của lịch sử con người, tại một vùng đất nào đó ở Trung Hoa, nên kẻ tìm học Đạo loay hoay bảo thủ những kỹ thuật, thể chế đã qua đi trong lịch sử. Vì sớm dời nguồn của Đạo nên, theo Karl Jaspers trong

[42] Cũng như lối nói của Khổng về thời nay khác với thời Nghiêu Thuấn.

[43] *Đạo Đức Kinh,* chương 14-A, Bản dịch Thu Giang Nguyễn Duy Cần

cuốn *"Les grands philosophes"* đã nhận xét về cuộc tranh luận trong lịch sử về nội dung của Đạo nơi Khổng và Lão như sau:

> *... Cuộc tranh cãi sau này giữa những người học Lão và học Khổng đã làm mờ mịt về những giai thoại này. Hai bên, sau đó vì xa nguồn, mà đã không hiểu gì nhau. Người theo Lão học nhiều thế hệ liên tiếp đã trốn đời, sống khổ hạnh, trở thành những kẻ làm phù phép, thâm cứu biến hóa của sự vật, họ muốn sống lâu, thành kẻ làm bùa, bán thuốc dạo. Những kẻ kế tục của Khổng sống giữa đời, tổ chức xã hội, cố uốn mình để tìm một số phương cách hữu hiệu hầu lo bảo vệ cho lợi ích riêng; họ là những kẻ thi đậu, làm quan và bề lâu bề dài trở thành những kẻ chỉ biết có phép tắc luật lệ, vô tâm, ích kỷ, tham quyền và thụ hưởng.* [44]

Lời phê phán về các trường phái sau này của Karl Jaspers có lẽ quá gay gắt, chỉ nhìn phần tiêu cực của phần ứng dụng *(dầu đã bị hiểu sai)* tư tưởng Khổng-Lão, nhưng cũng là dịp tốt để làm ta phải giật mình đặt lại vấn đề: **Đạo theo Lão và Khổng là gì ?**

Theo như Phùng Hữu Lan trong cuốn *"Lịch sử triết học Trung hoa"*, thì thực sự Khổng và Lão không ai trong hai người đã viết sách lưu lại cả. Về Khổng Tử, tác giả này nói:

> *Theo như trong cuốn Luận Ngữ nói về ông, Khổng Tử đã không bao giờ có ý định tự mình viết cái gì để lại cho hậu thế cả. Viết sách trong cuộc sống tư riêng và không chính thức là việc mà thời bấy giờ chưa từng được ai nói đến, và chỉ xảy ra sau thời của Khổng. Ông là bậc thầy dạy tư đầu tiên ở Trung Hoa, nhưng không phải là nhà văn đầu tiên.* [45]

Về Lão Tử và Đạo Đức Kinh, Phùng Hữu Lan nhận định:

> *Không nhất thiết phải có sự tương quan giữa hai việc (Lão Tử và Đạo Đức Kinh), vì rất có thể có một người tên là Lão Tử, lớn tuổi hơn Không Tử, nhưng cuốn sách mang tên Lão Tử lại là một tác phẩm được viết ra sau này* [46]

Theo nhận xét đó [47], những sách thường được nêu lên là của Lão hay của Khổng, hoặc đồ đệ của Khổng, không những đã trình bày những tư tưởng uyên nguyên của Lão hay Khổng mà thôi, mà còn là tổng kết những suy tư của một khối người tiếp sau thời hai vị, và gián tiếp đã có những lối biện minh, giải thích cho lập trường của mình trước quan điểm của đối phương. Đặc biệt trong cuốn Đạo Đức Kinh, những nhận xét về tên gọi, nhân, nghĩa, lễ, trí cho thấy tác phẩm này không thể không biết đến trường phái danh gia của Huệ Thi và Công Tôn Long, cũng như các nội dung của Nho học. Và phía Khổng học, đặc biệt cuốn Trung Dung, một bản văn được sắp đặt có hệ thống và trình bày nền tảng tư tưởng của Khổng Tử cũng hàm ngụ phần nào nhu cầu phải biện minh sự nhất quán của Nho học trước những phê phán của phía Lão học.

Vì có phần suy nghĩ sắp xếp lại, chúng ta có được hai đoạn văn cô động tư tưởng của hai tư tưởng Nho-Lão :

- *Chương 1 của Đạo Đức Kinh,* và
- *Mấy lời của Khổng Tử* nói được tư tưởng truyền lại trong phần đầu của Trung Dung.

Ở cả hai đoạn văn, chữ Đạo được nêu lên, và là nội dung chính mà cả hai vị Lão-Khổng muốn khai triển.

---

[44] Karl JASPERS, *Les grands philosophes,* cuốn 1, Plon - Paris -tr. 244
[45] PHÙNG Hữu Lan, *Précis d'histoire de la philosophie chinoise*, Ed. Le Mail - Payot-Le Mail - 1985, Paris - tr. 58).
[46] Sđd - tr. 110)
[47] Một nhận xét dựa vào các yếu tố lịch sử và ngay cả nội dung của các bản văn, nên rất có giá trị

*
* *

Đạo trong đoạn văn đầu của Đạo Đức Kinh [48]

Vì cách viết tiếng Trung Hoa cổ, không chấm câu, nên tùy mỗi tác giả nghiên cứu, ta thấy có một lối đọc khác nhau. Và qua các bản dịch, ta càng lại thấy mỗi câu có một cách hiểu khác.

Ngay trong các bản dịch Việt ngữ của hai tác giả Thu Giang Nguyễn Duy Cần và Hạo Nhiên Nghiêm Toản, chúng ta đã thấy có ba lối chấm câu khác nhau: 2 ở Nghiêm Toản, và 1 theo cách riêng của Nguyễn Duy Cần.

***

1- Đạo khả đạo phi Thường Đạo
Danh khả danh phi Thường Danh

Nguyễn Duy Cần chú thêm đây là chương 1A.

Ở cả hai bản, một theo cách chấm của Vương Bật, một theo cách chấm của Tư Mã Quang, Vương An Thạch, Tô Thức, Lương Khải Siêu mà Nghiêm Toản đều có chép ra, nhà học giả Việt Nam này đã dịch :

Đạo có thể nói được không phải đạo thường;
Tên có thể gọi được không phải tên thường [49]

Nguyễn Duy Cần cũng dịch y như thế.[50]

Phùng Hữu Lan, qua Pháp ngữ có lối dịch tương tự:

Le Tao qui peut être enfermé dans les mots n'est pas le Tao éternel;
Le nom qui peut être nommé n'est pas le nom permanant [51]

Một dịch giả khác là Liou Kia-hway đã dịch:

Le Tao qu'on saurait exprimer
n'est pas le Tao de toujours,
Le nom qu'on saurait nommer
n'est pas le nom de toujours [52]

Khi dịch ra, chúng ta thấy đã có một cái gì mất đi; ngay trong cách dùng chữ lặp lại một cách cố ý của chính bản văn không được khai triển.

Đạo khả đạo phi Thường Đạo

---

[48] *Đạo Đức Kinh*, chương 1
[49] Lão Tử - *Đạo Đức Kinh* - Quốc văn giải thích – bản dịch của Nghiêm Toản , Khai Trí, Sàigòn 1970 - quyển 1, tr. 3,
[50] *Lão Tử -ĐạoĐức Kinh* - bản dịch của Nguyễn Duy Cần, Văn học 1991, tr. 34 .
[51] PHÙNG Hữu Lan, *sđd,* tr.111
[52] Lao-Tseu, *Tao T¨¨o King*, traduit par Liou Kia-hway, Gallimard, 1967, tr 3

Ngay từ câu đầu có ba ý niệm về Đạo.

- Chữ ***Đạo*** đặt ở đầu câu được nêu lên như một nội dung được đề cập.

- (Đạo) *khả **đạo***: chữ *"đạo"* ở sau được tất cả tác giả nêu lên như một động từ. Nhưng qua tất cả các lối dịch, động từ *"đạo"* này được lồng vào ý niệm suy nghĩ, nói, hoặc viết ra bằng chữ. Thật ra lối dịch đó đã bị tiền kiến về phân tích ý niệm rồi. Thực vậy, Phùng Hữu Lan đã trách cứ lối suy tư trừu tượng của Tây phương, khác với tư tưởng sinh động, trực tiếp của Trung Hoa, khi ông nói*: "Theo một số triết gia Tây phương, muốn suy tư trước hết phải khám phá xem ta có thể suy tư điều gì; điều đó có nghĩa là trước hết chúng ta phải "suy tư về sự suy tư của chúng ta "trước khi suy tư về cuộc đời"* [53]. Nhưng khi dịch câu này, tác giả đó lại áp dụng lối đọc của suy tư theo tiền kiến tri thức đó. Động từ *đạo* đằng sau ít nhất gượng lắm cũng phải dịch là *đi*. Từ nguyên nghĩa, chữ Đạo trong ngôn ngữ Trung Hoa là đường để đi. Nếu đào sâu hơn nữa khi đối chiếu lịch sử về hình thành bản văn, động từ *đạo* này có thể được hiểu là nỗ lực thực thi đạo qua *nhân, nghĩa, lễ, trí* … của nho gia thời đó. Hơn nữa, theo tinh thần phổ cập của bản văn, thì động từ *đạo* đi với *khả* nhằm nói hết tất cả những nỗ lực và khả năng của con người hạn hẹp trong thế giới mở toang ra cho nó.

- ***Thường Đạo***: Chữ *Thường* ở đây, cũng là nội dung của Trung Dung theo lối định nghĩa của Từ Trình Tử xét về mặt tích cực của nó : *"Bất thiên chi vị trung, bất dịch chi vị dung"*.

Tại sao lại có *Thường Đạo* khác với *Đạo khả đạo*?

Đây là câu vô đề, gọi là tiền đề, tư tưởng không tìm cái gì xa hơn ngoài sự nhận xét rằng đã có sự khác biệt, xa cách. Nói cách khác đây là *"ngộ"* được như thế, là một trực giác, chứ không phải là kết quả truy tìm với những dữ kiện tìm kiếm trước đó: như tôi muốn gì, tôi tìm gì hay tìm ai ... Tuy thế, hệ luận của trực giác này trước hết là cảm thức có sự xa cách giữa *Đạo Thường* và *đạo* mà con người *có thể (khả).* Câu hỏi kế tiếp có thể được nêu lên một cách hữu lý là: Nếu *"khả"* tức là sức con người mà không với đến được thì Đạo Thường ở đâu lọt vào cõi nhân thế để có thể gợi lên? Trước khi nhảy vọt quá nhanh vào kết luận huyền bí, lấy đó làm thuẫn đỡ cho nỗ lực suy tư, chúng ta nỗ lực tìm câu giải đáp từ trong bản văn của Đạo Đức Kinh. Giải đáp đó là *"năng tri cổ thỉ"* [54] (= khả năng biết cái ban sơ xưa).

Sách Đạo Đức Kinh luôn phân biệt *Cổ* và *Kim* như trình bày ở trên:

Kim không có nghĩa là ngày nay hay tân thời, nhưng là cái xuất ra bên ngoài, một bên ngoài được hiểu là *vắng Đạo*. Tư tưởng *vắng Đạo* nơi cuộc sống của con người trong thời gian cũng là một trong những đề tài cổ điển của các bản văn Do thái giáo và Kitô giáo[55] cũng như văn chương Hy lạp[56], và chúng ta thấy nội dung này phảng phất trong tư tưởng của Kant về tri thức con người .

Đối lại*, Cổ* là không phải trong thời gian mở tung của con người, nhưng là *"năng tri cổ thỉ".* Và *"năng tri cổ thỉ "*cũng không phải là lời nói vu vơ: nên ta có thể hiểu chữ "khả" ở câu đầu đã được hạn chế trong một chiều kích nào đó, chứ chưa phải là tất cả thân phận con người . *"Khả"* cũng là *"vi"*, là *"Karma"*, tức là *khả năng người làm nên thế giới người*. Ngoài *"**khả**"* đó còn *"**năng** tri cổ thỉ"*; và *"năng tri cổ thỉ"* nầy chỉ có thể gợi lên được khi nơi thân phận con người còn dai dẳng Đại Ký Ức, nỗi **nhớ nguồn**, dẫu ẩn kín, nhưng luôn gần. Vì ngoài *"Đạo khả đạo"* hàm ngụ nghiệp quên Đạo Thường, con người còn được nâng đỡ bởi Đại Ký Ức, nên *Đạo Thường* là đường thật cho nhân thế thì cũng là *sự trở về (= phục)* tìm lại nguồn căn ẩn kín.

Trong khung cảnh lịch sử của bản văn, đây là thời phát xuất những nhà tư tưởng lớn của Trung Quốc. Những đề nghị để tái lập trật tự xã hội được nhiều trường phái đưa ra, đặc biệt là nho gia, chỉ chú tâm vào mặt tạm gọi là kỹ thuật, dựa trên những nghi lễ, tổ chức bên ngoài. Đạo lý chẳng qua là một lối biện minh cho tính toán chính trị hay lợi ích của tư riêng, nhất là khi các vị vua phong kiến của các nước nhỏ tranh hùng tranh bá, muốn thu lẽ phải, sự chính đáng về

---

[53] PHÙNG Hữu Lan*, sđd,* tr. 24.
[54] *Đạo Đức Kinh*, chương 14C
[55] Xem *Sáng Thế, Tin Mừng Gioan*
[56] Xem các bản kịch của Sophocle

cho mình. Bấy giờ *Luật Trời* bị che bởi phép tắc kỳ quái của người, phép tắc của kẻ mạnh. Không khác gì cảnh hỗn loạn của các chủ nghĩa nhân bản ngày nay. Đó có thể là một lý do Đạo Đức Kinh đã xếp ngay sự phân cách Đạo do người và Đạo Thường lên đầu sách.

Danh khả danh phi Thường Danh

Câu tiếp được các tác giả dịch là *"tên có thể gọi được không phải là tên thường"*.

Trước hết, như tác giả Phùng Hữu Lan đã lưu ý, câu này muốn phê bác ngay lối lập luận quá nặng về kỹ thuật chơi chữ, *lấy danh loạn thực*...của phái danh gia Huệ Thi, Công Tôn Long. Nhưng đây cũng có thể là câu trả lời cho thuyết *"chính danh định phận"* của nho gia. Nhưng chỉ thế thôi, thì sự nhất quán của bản văn thật lạc lõng .

Thực ra, Câu này phải dẫn đến ý của câu sau, và không thể không liên quan nội dung của Đạo đã nói trước. Trong chương 32, sách nói rõ: *"Đạo thường vô danh",* (= Đạo Thường không có tên).

Sách Trang Tử XXV cũng nói : *"Đạo không phải là đời, nhưng đời cũng không phải là sự phủ định tận căn của Đạo. Nên tên của Đạo cũng chỉ là một giả thiết đặt ra vậy thôi"*. Như thế theo mạch văn, ta có thể dịch đầy đủ câu đó như sau:

Tên của Đạo, mà ta có thể nêu lên,
thì tên đó không phải là Tên Thường của Đạo.

Thực ra thì câu nầy đã hàm ngụ ở câu trên. *Thường Danh* không thể ở bên ngoài *Thường Đạo*, nhưng là một lối biểu lộ đặc loại của Đạo trong sự sống cao cả của con người[57]. *Danh* thiết định tương quan giữa Đạo với người, giúp người nhận ra thân thế của Đạo và chính mình. Tiền cảm đó không phải là một nét riêng của văn hóa Trung Hoa hay Á Đông; văn hóa Hy lạp cũng định nghĩa con người là sinh vật có được lời nói để gọi tên, là sinh vật được tham dự vào *Logos,* là Lời căn nguyên và bao trùm[58]; văn hóa Do thái-Kytô giáo còn gọi Thượng Đế là *Tên*.

Nhưng tiền cảm hay âm vang đó như chỉ đến với con người nơi trần gian (= thiên hạ, dưới bầu trời …) như một nỗi nhớ, một nỗi khắc khoải về Quê Nhà, về Danh nối kết Đạo với người, mà mọi *tên* từ tâm trí và miệng con người đều bất cập. Danh đó nói về thân thế của Đạo bằng *lời nghịch thường*: Lời vượt lên mọi lời con người, dù lời con người tôn vinh hay từ chối Đạo; và nói như Trang Tử là vượt lên ngay cả sự im lặng của con người. Tương quan Đạo và người trong thân phận tại thế nay là cuộc chiến giữa thực tại con người luôn có nguy cơ mãi nói, mãi tạo nhiều *Danh* theo ý mình và bên kia là âm vang của Đạo nói với con người bằng *Lời bác khước*: Đạo của con người làm ra, Danh của con người nêu lên không phải là Thường Đạo, không phải là Thường Danh. Vết tích không phai mờ của Đạo nơi nhân tính là nỗi nhớ, là cảm thức về hố thẳm hay xa cách nầy.

Danh của Đạo, Lời gọi tên con người để đưa con người vào tương quan với Đạo như đã bị lãng quên tự bao giờ nơi nghiệp làm người, nói đúng hơn *Danh* đó dã bị lạm dụng (ngôn ngữ Đạo học gọi là ***vi***) để trở thành dụng cụ của ý muốn, thành sản phẩm của tài năng con người.

Đến dây có thể nói tên của Đạo là Vô Danh, theo nghĩa là âm vang Lời từ chối liên lĩ mọi danh mà con người tìm cách gán cho Đạo.

Sau câu nói *"Đạo thường vô danh"* nêu trên, Đạo Đức Kinh còn chú thêm hai tĩnh từ *"phác, tuy tiểu"* - *Phác* và *tiểu* nghĩa là gì? *Phác* không phải là mộc mạc theo nghĩa bình dân, đơn sơ. *Phác* là cái con người không đụng đến. *Tiểu* là nói đến tinh tế, ẩn kín. Cũng như ở câu trên, với *"khả"* năng con người, không thể có ai nhân danh được Đạo Thường, nghĩa là làm chủ được nghĩa lý của Đạo Thường. Âm vang Đạo vẫn đến, nhưng không phải như là tiếng của người, dẫu đó là tiếng xưng tụng Đạo.

---

[57] Trong sách *Sáng Thế* của Do thái giáo và Thiên Chúa giáo, Thiên Chúa ban cho Adam và Evà tên gọi và nói rằng con người là hình ảnh của Ngài; nhưng con người có thể gọi tên các vật trước mắt trong trách nhiệm quản lý của mình. Còn Thiên Chúa thì hoặc là Đấng không thể nào con người định cho một tên, hoặc Ngài được tôn vinh là Tên.

[58] Xem *Logos* của Héraclite

***

2- Vô Danh thiên địa chi thỉ
Hữu Danh vạn vật chi mẫu

Hai câu tiếp quan trọng không kém vì nó nêu lên một vấn đề thường được coi là cốt lõi của triết học, đó là ***hữu*** và ***vô***.

Vương Bột, Nguyễn Duy Cần, Liou Kia-hway đều chấm câu thế này:

Vô danh, thiên địa chi thỉ;
Hữu danh, vạn vật chi mẫu.

Còn Từ Mã Quang, Vương An Thạch, Tô Thức, Lương Khải Siêu lại chấm:

Vô, danh thiên địa chi thỉ
Hữu, danh vạn vật chi mẫu.

Nguyễn Duy Cần dịch là:

Không tên, là gốc của trời đất,
Có tên, là mẹ của muôn vật [59]

Nghiêm Toản dịch các tác giả chấm câu cách khác:

"Không", là gọi cái trước trời đất,
"Có", là gọi mẹ muôn loài [60]

Hai cách chấm câu biểu lộ hai cách suy nghĩ về cảm nhận Đạo nơi Đạo Đức Kinh .

Cách thứ nhất muốn diễn tả tương quan giữa Đạo và *thân phận con người*. Đạo, là trực giác vốn đã có nhưng vấn đề đặt ra không phải thắc mắc về sự hiện hữu của nó, dẫu ở cấp độ nào, nhưng là thắc mắc về cách thái cảm nhận Đạo, và Đạo tương quan thế nào đối với con người.

Cách thứ hai, khi đặt nổi chữ Vô và chữ Hữu, thêm vào lối dịch của Nghiêm Toản như là *cái có trước* đối với Trời Đất, diễn tả sự *biện minh một thực thể trong sự hiểu biết khách quan.*

Cách thứ hai này là lối nhìn của siêu hình học Tây phương về hữu thể. Theo lối tư tưởng này, giả thiết rằng tư tưởng Trung Hoa nói chung và nơi Lão Tử có một ưu tư muốn tìm hiểu sự vật qua câu hỏi: *cái gì?*. Trời, Đất, muôn vật là những *cái có,* và Đạo được gọi là *cái có trước,* tức là "cái có sinh ra cái có khác". Và từ đó *phải suy luận có khuôn mẫu thời gian trước sau, và có luật nhân quả mà con người cập nhật được.*

Nhưng, như Phùng Hữu Lan đã nhận xét ở trên, lối suy tư đó không phải à sự cảm nghiệm thông thường của Đông phương và ngoài khuôn khổ triết học truyền thống.

Người ta biện minh cho lập luận này, khi nêu lên câu *"hữu sinh ư vô"* ở chương 40:

Thiên hạ vạn vật sinh ư Hữu,
Hữu sinh ư Vô.

Thực ra khi đọc hai câu này, một độc giả tân thời sẽ thấy quá rõ những đợt sinh thành tuần tự, và đằng sau là những thực tại *Thiên hạ, Hữu, Vô .*

---

[59] NGUYỄN Duy Cần, *sd.* tr. 34
[60] NGHIÊM Toản, *sd*. tr. 3

Đó là vấn đề cách đọc, hàm ngụ một lối suy nghĩ riêng. Thực ra đây không phải là luận chứng nguyên nhân - hậu quả, mà là những cấp độ tiếp cận, cảm ứng tương quan giữa Đạo và người: Tuy Đạo đến với ta trong sự sống, khả năng ta cảm nhận nơi sức sống của muôn loài, nhưng Đạo không chỉ là thế, vì Đạo mãi ẩn kín và từ chối tất cả những khả năng tạo hình của ta. Ẩn kín mà vẫn bao trùm lấy ta; tình trạng này giải thích những lối nói lạ thường của Đạo Đức Kinh.

Trang Tử trong cuốn sách cùng tên, chương XXV, nói rõ hơn điểm này:

> *Quan điểm (về Đạo như là) tác giả tác tạo trời đất và quan điểm ngược lại chỉ là những lời nói có giá trị rất hạn hẹp của lãnh vực các sự vật khả giác.*
> *Đạo không phải là cuộc sống, nhưng cuộc sống không phải là sự chối bỏ tận căn Đạo. Vì thế nên các tên Đạo cũng chỉ là một giả thiết đưa ra để dùng. Quan điểm về tác giả sinh vũ trụ và quan điểm ngược lại chỉ nhằm một góc cạnh nhỏ của sự vật, mà nguyên lý cao cả nơi đó ta không thấy. Nếu lời nói đã đủ để diễn tả, thì chỉ cần kêu tên Đạo suốt ngày để chiếm được Đạo. Nếu như lời nói không đủ sức, thì chúng ta sẽ có thể nói cả ngày mà không thoát ra khỏi khung cảnh của vạn vật .*
> *Cái nhìn tối thượng về Đạo và về vạn vật, lời cũng không chứa nổi, mà thinh lặng cũng không chứa nổi. Đạo vượt lên trên lời nói và cả thinh lặng, vì nó ở bên trên tất cả các cách nói của con người .*

Qua sự trình bày này của Trang, ta xác quyết Lão không đặt vấn đề Hữu và Vô như những thực thể, hoặc cố tâm đi tìm một luận chứng nhân quả để truy tìm một Tạo Hóa.

Không phải nói thế là tư tưởng Trung Hoa vô thần vì không đặt ra quan điểm Đạo trong khuôn khổ Tạo Dựng. Nhưng tâm thức của Trung Hoa cảm nhận ngay Đạo có đó, và ẩn kín, nhưng ảnh hưởng toàn bộ đời ta. Luận chứng nhân quả nếu có nêu lên thì chưa đủ nói hết tính cách siêu việt của Đạo. Chữ *"sinh"* được dùng, vì trên sự sống thân xác, sinh vật còn có những sinh hoạt gượng gọi là *"sinh"* nhưng không phải chỉ gò bó vào nội dung đó. Ngay cả trong việc xếp đặt ưu tiên *: "Quân, sư, phụ . . ."* ta thấy *phụ* là kẻ sinh thành không phải là một nội dung giá trị ưu tiên.

Trở lại câu nói của Đạo Đức Kinh, liên hệ với câu trên.

Vì không thể nhân danh Đạo ở mức nào cho đúng với Đạo, nên trong thân phận người, nếu phải gượng gọi Đạo là:

> *Không tên[61], để chỉ về nguyên thủy của Trời Đất*
> *Có tên[62], là để chỉ về Mẹ muôn loài.*

Tạm dịch chữ *thỉ* là nguyên thủy để nói đến một cái gì cao hơn thế, mà không phải ở trong khuôn khổ có thể so sánh. Phải hiểu rằng trong ngôn ngữ Trung Hoa, Trời Đất là biểu tượng của Thần Thánh, biểu tượng cao nhất trong niềm tin không những ảnh hưởng cuộc sống cá nhân, mà là giềng mối xây dựng gia đình, xã hội.

Khi nói Đạo là cái nguồn của Trời Đất, thì trong khuôn khổ ngôn ngữ Trung Hoa, Đạo Đức Kinh cũng nói đến cái gì cao vượt lên trên cả giềng mối đó. Ở đây sự nhấn mạnh của Lão cũng không thể bỏ qua yếu tố lịch sử, khi vua chúa nhân danh Trời Đất không những để cúng tế, mà còn cai trị tùy ý mình. Thêm vào đó là các lối nghi lễ rườm rà và tốn kém đè nặng trên cuộc sống người dân do lớp nho gia càng ngày càng bày biện thêm ra trong chính sự cũng như trong gia đình . Hai chữ *"Không Tên"* nói lên yêu sách tuyệt đối, kỳ cùng muốn thoát khỏi *"cái làm"* (= vi) nơi con người đối diện với Đạo, không khác gì *"Ungrund"* của các nhà thần bí của Đức sau này .

Nhưng Đạo thật ra cũng là Đạo thật gần, và đưa con người đến gần với muôn loài. Vì thế, nếu phải gọi tên, thì Đạo là Mẹ chung tất cả. Chữ *"Mẹ"* không những nói lên sự sinh ra, là hình ảnh của nguyên nhân sinh thành, mà còn nói đến sự tự nhiên, không kiểu cách, không bị chi phối

---

[61] Nghĩa là : ta không cách gì làm chủ được
[62] Nghĩa là : ta có thể hình dung được

bởi *"phải làm mặt"*, đi ra xã hội . Một trong những lý do sau này, khi nói đến điều phải làm và có thể làm của con người, thì Lão đã lấy các đặc tính này làm gốc: *ôn nhu, khiêm tốn, rút lui, không tranh giành, không kể công .* Thật thế, vai trò hình ảnh người cha, người đàn ông theo nghĩa là người làm nên lịch sử của Hegel, Nietzsche hầu như không được nói đến trong tư tưởng của Lão.

***

3- Cố thường vô dục dĩ quan kỳ diệu
Thường hữu dục dĩ quan kỳ kiếu

Ở câu nầy, Nguyễn Duy Cần có lẽ theo quan điểm của Vương Bật nên đã chấm câu và một lối dịch riêng. Theo tác giả này:

Cố,
Thường vô dục, dĩ quan kỳ diệu,
Thường hữu dục, dĩ quan kỳ kiếu

Còn các tác giả khác hoặc không chấm câu, hoặc chấm cách khác:

Cố thường vô, dục dĩ quan kỳ diệu,
Thường hữu, dục dĩ quan kỳ kiếu

Theo cách thứ nhất, người ta có lối dịch này:

Bởi vậy,
Thường không tư dục, mới nhận được chỗ huyền diệu của Đạo;
Thường bị tư dục, nên chỉ thấy chỗ chia lìa của Đạo [63] .

Qua cách dịch này, ta thấy Nguyễn Duy Cần muốn chủ trương một thuyết *Nhất thể huyền đồng* theo lối "Natura naturans" qua cửa Hư Không.

Có thực sự tư tưởng của Trung Hoa nói chung và Lão Tử nói riêng, chủ trương một loại *"immanentisme ontologique"* [hữu thể mặc nội chủ nghĩa] về Đạo trong vũ trụ và phải đồng hóa với con người không? Nếu trên bình diện tri thức, vấn đề *hữu* và *vô* ở trên được đặt nổi thành đề tài tranh luận, thì ở đây việc áp dụng tư tưởng Lão và cả Kinh Dịch trở thành cốt lõi của câu hỏi về Đạo trong Đạo Đức Kinh.

Câu hỏi đặt ra là trong Kinh Dịch ngay hai quẻ gọi là Thuần Khôn và Thuần Càn có phải là một *cái hữu*, theo nghĩa là một vật khả giác, một năng lực thiên nhiên nào đó trong vũ trụ biến hóa hay không? Hoặc ở đây chúng chỉ được gợi lên như những nguyên lý? Đó là chưa nói đến Thái Cực, không đứng vào một quẻ nào trong 64 quẻ của vòng biến hóa cả!

Đạo của Lão cũng phải được hiểu là Thái Cực; từ đầu đến nay, ta thấy Đạo vượt lên trên người, gần người và người có thể xa Đạo, chứ chưa thấy Đạo đồng với người - (chúng ta sẽ giải thích chữ *đồng* và *huyền* trong câu tiếp) -. Hơn nữa, Hữu là Mẹ muôn vật không thể dịch ngay là có *dục* theo nghĩa tư dục cá nhân trong đó.

Do đó tôi đề nghị nên dịch:

Vậy, hãy luôn gìn giữ cái "Không Tên" của Đạo[64] *nếu muốn cảm được sự vi diệu của Đạo*[65].

---

[63] NGUYỄN Duy Cần, *sđd*, tr 34-35
[64] Ý nói: gìn giữ sự siêu việt, *chớ dụng vào* của Đạo
[65] Xem câu trên của Trang Tử

Hãy luôn gìn giữ lấy cái "Có Tên" [66] *nếu muốn thấy Đạo trong muôn sự khác biệt của muôn loài.*

Tại sao chữ *"kiếu"*, có nghĩa là cái cọc, phân chia địa giới các miền, lại phải dịch xa như thế? Bởi vì, theo sự nhất quán bản văn, chữ Mẫu là mẹ sinh ra *nhiều*; *nhiều* nói lên sự ngăn cách, tách rời, khác biệt nhau - ta thấy ý niệm đó ngay trong tư tưởng Hy Lạp –

Hai vế của câu này, nếu muốn diễn tả cái tích cực của Đạo trong hai cách biểu lộ cho con người. Nếu không, khi đọc câu sau, ta sẽ đi lạc nội dung bản văn. Điều Đạo Đức Kinh muốn nói ở đây không phải là nhắc lại *cái ta có thể làm* tạo ra việc ngăn cách Đạo, nhưng là nói ngược lại rằng *Có Tên* (= Hữu, cảm ứng ta có v ề Đạo khi tiếp cận con người và vạn vật muôn màu muôn sắc) là do từ một Mẹ phát sinh; Mẹ đó là Đạo. Nên hãy luôn ở trong cái Hữu này. Và đây là một trong những lối giải thích về thái độ trở về một Mẹ của Lão trong các chương sau. Chẳng hạn:

Ngã độc dị ư nhân
Nhi quí tự mẫu [67]
(Ta một mình khác người
Ta quí Mẹ nuôi)

Vì thế phải hiểu câu này là một lời giải thích thái độ cần có của con người đối với **hai lối khai mở khác nhau của Đạo** cho ta, tương ứng với câu trên .

***

4- Thử lưỡng giả đồng xuất nhi dị danh

Tiếp đến, là câu nhắc lại cho thấy là đừng vì sự khai mở khác nhau của Đạo cho người, mà hoặc lãng quên Đạo hay nghĩ rằng có hai cái Đạo khác nhau.

Ở đây chúng ta cũng có hai cách chấm câu. Một là của Nguyễn Duy Cần, có lẽ là theo Vương Bật:

Thử lưỡng giả đồng,
Xuất nhi dị danh.
(Hai cái đó, đồng với nhau
Cùng một gốc, tên khác nhau)

Vì xếp chữ cho thành thơ nên có lẽ tác giả Thu Giang đã có công về việc này, nhưng khi dịch ra thì thật lúng túng. Hãy đọc lối giải thích của tác giả về câu này : *"Hai cái đó" là ám chỉ "Vô danh" và "Hữu danh", "Vô dục" và "Hữu dục"… thực sự không phải là hai mà chỉ là một; nó là bề mặt bề trái của một tấm huy chương, nói theo danh từ ngày na . "Hai cái đó đồng với nhau" tên tuy khác nhau, nhưng đồng một gốc mà ra, đeo nhau làm một khối"* [68].

Không hiểu làm sao cái *"hữu dục"* chỉ thấy chia lìa của Đạo (theo như tác giả dịch ở câu 2 trên đây) lại đồng với cái *"vô dục"* của Đạo? Có lẽ Nguyễn Duy Cần, hoặc không nhận ra điểm này hoặc muốn tuyệt đối hóa: *"Không còn xa đạo, hay gần đạo"* tất cả nay đều như nhau. Kỳ cùng đều gói hết trong Đạo.

Khi đọc những trang của Đạo Đức Kinh theo cái nhìn này, có lúc người ta thấy như có sự trùng hợp giữa quan điểm của Nietzsche và Lão. Sau này một số nhà tư tưởng, tự nhận là nghệ sĩ tân-Lão-học, gọi là Phái Phong Lưu đã không đặt vấn đề như Nietzsche, nhưng có những giải

---

[66] *Hữu,* hàm ngụ câu trên *hữu là Mẹ của muôn vật*
[67] *Đạo Đức Kinh,* chương XX
[68] NGUYỄN Duy Cầ n, *sd*. tr. 37

pháp sống như những kẻ thường nhân danh tư tưởng của Nietzsche để thấy toàn nhân sinh là một *trò đùa không ác không thiện*.

Kỳ thực, cũng như Nietzsche, Lão thấy có sự phân cách giữa thế giới người gắn chặt với thời gian và bên kia là nguồn chân lý là Đạo. Hai bên đều thấy những tiêu chuẩn tốt xấu phải trái do con người bày ra trong xã hội là quá tương đối, không thể đáp ứng ước vọng tuyệt đối nơi con người, một đòi hỏi nằm sâu kín, mà các giải pháp *nhân vi* chỉ là những lời an ủi hảo huyền [69]. Có lẽ nặng lời hơn cả Nietzsche, Lão nói:

Thiên địa bất nhân
Dĩ vạn vật vi vô cẩu [70]
(Trời đất không phải đạo nhân,
Coi vạn vật như loài chó rơm)

Nếu ta hiểu được *đạo nhân* quan trọng như thế nào trong Nho gia, thì thấy được lời này ngang ngược như thế nào! Điều mà Nho gia đưa ra trong *đạo nhân*, là có được sự tương thông hầu như không đắn đo giữa Đạo và lòng của người. Lão Tử nhấn mạnh: Coi chừng!... vì tâm của người và tâm của Đạo xa cách vời vợi.[71] Vì thế khi nói đến đây, Lão Tử nhắn:

Đa ngôn sổ cùng
Bất như thử trung [72]
(Nói (nhân nghĩa) cho nhiều không cùng,
tốt nhất là giữ lấy Trung, tức là Đạo duy vi)

Và đó cũng là cái khác giữa Nietzsche và Lão. Trước trực giác xa cách đời và Đạo, người và chân lý, Nietzsche là Prométhée thách thức chân lý, tạo giả ảo làm chân lý như là một định mệnh riêng, một trò chơi tự do. Đó là nghĩa *siêu nhân* của Nietzsche. Nhưng Lão trái lại, người kiểu mẫu của ông là *thánh nhân*. Là kẻ tự bỏ cái cao ngạo (mình tự làm ra mình = *vi*) để trở về với Đạo .

Thiên Đạo vô thân
Thường dữ thiện nhân[73]
(Đạo trời không thân ai
Nhưng luôn hỗ trợ người thiện)

Tốt-xấu, phải-trái, có-không đã được dùng từ một sự hiểu lầm là do người làm ra, như Adam và Eva đã lấy tay hái trái cấm để phân biệt tùy ý mình. Nên tốt-xấu, có-không đã theo nghĩa của *"thiên hạ"* (chương. II), thì đó là một sự lạm dụng Đạo vậy.

Nhưng như thế, không có nghĩa là chối bỏ con đường ngay của kẻ theo Đạo, tức là Thiện.

Đạo Đức Kinh gọi *thiện* là *thánh nhân của thời xưa*. Như đã trình bày, không phải cổ xưa là thời trước ta, nhưng là *Thời của Đạo*, vượt lên thời *"kim"* là thời gian trước-sau theo sự phân biệt của con người. Nietzsche không tin vào thời của Đạo và gặp bế tắc trước cái tất định của thời gian qua đi *(le temps qui passe)*, do đó ông đành phải muốn nối lại các khoảnh khắc phù du trong những vòng quay, gọi là sự trở về liên tục của vòng thời gian *(le retour éternel)*. Ông A bệnh hôm nay ngày X tháng Y, thì trong vòng quay tiếp cũng một ông Á bệnh trong một ngày X' tháng Y'.

Nhưng, tư tưởng Trung Hoa, đặc biệt qua Kinh Dịch và nơi Lão Tử, có phải nằm trong khuôn khổ đó không?

---

[69] Xem các nhân vật của sách *Job*
[70] *Đạo Đức Kinh,* chg. V
[71] Xem *Kinh Thư: Nhân tâm duy nguy, Đạo tâm duy vi, doãn chấp quyết trung* .
[72] *Đạo Đức Kinh,* chg. V.
[73] *Đạo Đức Kinh,* Chương 79

Trước hết, thử đặt vấn đề xem Lão Tử có đặt vấn đề đó không? Đối với Lão, **vấn đề thời gian qua đi không phải vấn đề, mà vấn đề là sự việc đó có ngược với Đạo hay không** do bởi con người muốn khác đi. *Ưu tư có lẽ hầu như duy nhất của Lão là xa Đạo.* Thứ đến, toàn bộ Kinh Dịch, thường bị hiểu lầm là một cuốn sách về vật lý đại cương, muốn giải thích sự vật là gì một cách khách quan. Thực ra đó là một sự hiểu lầm tai hại. Không khác gì khi người Trung Hoa nói *thiên viên địa phương* (= trời tròn đất vuông) thì người ta lại cho đó là một kiến thức sơ khai, hồ đồ. Kỳ thực, *trời tròn đất vuông* là ngôn ngữ biểu tượng, lối nói thi ca nhằm gợi lên các chiều kích của cuộc sống con người. Trong Kinh Dịch cũng thế, nơi mỗi hoàn cảnh sống của con người luôn có sự hiện diện gắn bó của Thái Cực, Âm Dương, Trời-Đất. Nói cách khác ***"Đạo bất viễn nhân"(= Đạo không xa người)*** **: nội dung đó là hồn của Dịch.** Do đó vòng tròn của cách xếp 64 quẻ không phải là quan niệm thời gian lặp lại hay xuắn ốc theo cái nhìn thuần vật lý; hay phải quay lại cho hợp với ý muốn biến thời gian thành tuyệt đối do ý chí quyền lực của con người như Nietzsche tưởng tượng ra. Vấn đề chính là *trở về với Đạo*.

Từ các nhận xét trên, ta theo cách chấm câu thứ hai (của Tư Mã Quang, Vương An Thạch, Tô Thức, Lương Khải Siêu):

Thử lưỡng giả
đồng xuất nhi dị danh

và có thể dịch:

Hai sự biểu lộ đó của Đạo (Vô-Hữu)
cũng là một Đạo, (vì đến với ta) mà mang tên khác nhau.

Ở đây, lại một lần nữa, cần lưu ý rằng *Vô* là cái ở bên kia trời đất, *Hữu* là Mẹ bao trùm muôn vật, nên *Vô-Hữu* ở đây là muốn gợi lên mức tột độ của cái nói được: Đạo không thể đồng hóa với ta, nhưng luôn ở với ta. Sở dĩ như thế vì Đạo không phải là sản phẩm của phán đoán phân biệt do lý trí con người làm ra (= *vi*). Vì thế Đạo còn được gọi là *Đạo vô vi.*

***

5 - Đồng vị chi huyền
Huyền chi hựu huyền
Chúng diệu chi môn

Ba câu ngắn cuối cùng không có sự khác biệt trong lối chấm câu của các học giả. Trước khi đi vào việc dịch câu này, chúng ta đặc biệt lưu ý hai cái nhìn của hai học giả Nguyễn Duy Cần và Nghiêm Toản. Thực ra có một điểm chung của hai vị là họ đều hướng đến việc nhận thức của sự vật muôn loài.

Nguyễn Duy Cần, trong lời ghi chú, đã nhận xét:

Đây là then chốt của triết học Lão Tử. Cái học Hyền Đồng của ông mà Trang Tử đã diễn rộng ở Thiên Tề Vật [74]

Ở bản dịch câu nầy ra Việt ngữ, Nghiêm Toản cho ta thấy được quan điển của ông::

Đều bảo là sâu kín mịt mờ. Sâu kín lại càng sâu kín thêm, ấy là cửa phát ra mọi biến hóa khôn lường của sự vật [75].

Hơn thế nữa khi khai thác chữ *"huyền",* Nghiêm Toản còn chú thêm :

[74] NGUYỄN Duy Cần, *sd*. tr. 37 .
[75] NGHIÊM Toản, *sđd,* tr 3

"Huyền lại huyền!" vì trong nguyên tử lại có nguyên tử, càng đi tới, càng nhỏ bé tinh vi [76].

Trước hết, ở Thiên Tề Vật sách Trang Tử mục tiêu chính không phải là tích cực nói mọi sự đều như nhau; nhưng điểm chính là nêu lên sự khác biệt giữa phán đoán con người và Đạo. Trang Tử muốn đẩy lý luận con người đến cùng để thấy luận chứng xuôi-ngược dựa vào sức người đều đưa đến bế tắc, vì không biết dựa vào nền tảng nào để phán đoán.

Và người ta nhớ đến chương này qua câu chuyện Trang Chu mơ thấy mình là bướm. Kỳ cùng, không biết Chu mơ thấy mình là bướm hay bướm mơ thấy mình là Chu. Có phải "huyền" là "hảo huyền mộng mơ" không, hay đây chỉ là câu chuyện nói cho thấy cái tương đối của phán đoán con người trước sự vật!

Theo ý Nguyễn Duy Cần, mấy câu ngắn này của Đạo Đức Kinh muốn nói đến sự *đồng nhất - đồng đẳng* của muôn vật và Đạo nằm trong sự biến hóa mịt mờ đó. Thực ra thì chương Tề Vật Luận cũng có những câu ở mấp mé cạnh cửa của quan điểm này :

Ai đưa phán đoán mình dựa theo mẫu mực của Trời, thì chìu theo những hoàn cảnh đổi thay

Đây phải chăng là Dương Chu hơn là Lão Tử!?

Lão Tử trong Đạo Đức Kinh đặt nổi sự khác biệt giữa Đạo và thế giới giả tạo của con người, do con người; và nhấn mạnh sự trở về Đạo qua việc giảm thiểu *cái tôi* của mình, hơn là ưu tư đồng hóa Đạo với hoàn cảnh thay đổi bên ngoài.

Hơn nữa, ở ba câu này, chữ *Đồng* và *Huyền* không muốn nói đến vạn vật bên ngoài, mà nói về Đạo.

Tuy thế, Nghiêm Toản lại còn đi xa hơn Nguyễn Duy Cần khi dịch *" chúng diệu"* trong câu cuối là *"mọi biến hóa khôn lường của vạn vật".*

Thứ nhất chữ *"diệu"* trong câu cuối không có gì tương quan với biến hóa cả. Chữ *diệu* cũng như chữ *vi* của *"Đạo tâm duy vi"* nêu lên ý niệm về những gì cao đẹp, hay nhất, tốt nhất, thật nhất... nhưng con người hoặc không thể thấy, hoặc thoáng thấy thôi. Và chữ *"chúng"* cũng không phải là *"sự vật",* nhưng nghĩa là *"vô số"*, đi trước chữ *"diệu"*.

Sau đó, không những tác giả này muốn tân thời hóa quan điểm của Lão qua chữ "biến hóa" mà thôi, mà còn đẩy chữ *"huyền"* trong câu *"huyền chi hựu huyền"* vào sự hiểu biết vật chất khá cao độ của khoa học nguyên tử ngày nay theo lối kiến giải của ông!

Ở đây, chúng ta đi vào chính bản văn và theo nhất quán của tư tưởng Lão để cố hiểu ba câu cuối chương I.

Tư tưởng Lão, như trên đã trình bày, không nhằm mô tả hay truy nguyên nguồn gốc của vạn vật. **Tư tưởng của Lão là *Đạo, tức là đường đi mà con người phải theo*.** Có thể gượng gọi là một ***"*thái độ làm người cho phải lẽ*"***, chứ không phải là khoa học khách quan theo nhu cầu của học thuyết ngày nay.

Theo bản văn, chữ *Đồng* và *Huyền* trong *"Đồng vị chi huyền"* là nhằm nói đến Đạo trong tương quan với con người. Do đó, *"Đồng"* không có nghĩa là mọi sự đồng nhất bình đẳng, nhưng *"Đồng"* ở đây là nhắc lại chữ *"đồng"* bên trên, tức là nói đến nhất thống của Đạo, dẫu đến với ta qua việc xuất hiện là *Hữu* hoặc *Vô* . Đối chiếu với sự phân biệt hữu-vô trong phán đoán con người, sự *nhất thống* lạ kỳ đó là *"huyền"*, là điều bí ẩn, siêu việt của Đạo.

Huyền chi hựu huyền

Đây có phải là một lối nói để chỉ mức độ tối đa, tuyệt đối hay không? Cũng có thể hiểu như thế, nhưng theo chỗ chúng tôi nghĩ còn có một ý nghĩa khác nữa .

Tác giả Liou Kia-hway đã dịch ra pháp ngữ là:

---

[76] *Sđd*, tr 6

Obscurcir cette obscurité
Voilà la porte de toutes les subtilités [77]

Chữ *"huyền"* ở đầu được chuyển thành *một động từ* và tạm dịch việt ngữ là :

Làm tối cái tối đó,
Đó là cửa của tất cả những tinh tế (vi diệu) .

Theo Nguyễn Duy Cần diễn giải trong chú thích:

Huyền nghĩa đen là đen tối, sâu kín, hòa lẫn một màu; nghĩa bóng là không thể phân biệt được giữa cái Vô và cái Hữu, vì nó đã đồng với nhau về phẩm cũng như về sự hiện hữu, "đồng xuất" không có cái nào trước cái nào, cả hai điều kiện lẫn nhau, hễ có cái này là vì có cái kia [78].

Phần lớn các nhà tân-lão-học Trung Hoa đã hiểu Đạo của Lão như thế. Và ngày nay các tác phẩm tây phương nghiên cứu Đạo học cũng noi theo khuynh hướng này, và gọi tên nó là một *"chủ nghĩa tối mờ về hữu thể* = obscurantisme ontologique". Nhưng thắc mắc đáng nêu lên là tại sao từ Đạo học, một vấn đề tương quan giữa con người - Đạo, vốn bên kia bờ của Trời Đất và Mẹ của muôn loài, nay lại bị chuyển thành một nhất khối vô hồn của các thay đổi có tính cách vật lý nơi thiên nhiên?

Trong sách *Liệt Tử*, Đạo đã biến thành một mớ của các thay đổi bất chấp con người, một bộ máy phi lý đối kháng với tính toán, hiểu biết của lý trí, nên gọi là *hư vô tuyệt đối* (le vide parfait). Đây hẳn là cái Vô Lý, đối ứng với cái Hữu Lý được đồng hóa với toàn vũ trụ của trường phái khắc kỷ Tây phương. Nhưng đó là hai cực hữu-vô mà Đạo học của Lão đã muốn vượt qua ngay từ lúc đầu! Cũng vì vô lý, vô nghĩa nên trường phái phong lưu của các văn gia tân-lãohọc đã chuyển Đạo học thành một lối sống bất cần đời, say sưa, ngạo mạn.

Căn nguyên của sự hiểu lầm Đạo rồi xử dụng lầm Đạo nằm nơi bước trật chân khi đọc câu này.

Đấu trường của *Đạo và đời* là nơi con người không phải nơi thiên nhiên. Đạo học không bao giờ muốn nhắm mục tiêu trả lời câu hỏi "*cái gì* = quid", tiền kiến rằng Đạo là một đối vật để trí năng con người phán đoán, xác nhận hay từ khước. Chữ *"Hữu"* không muốn nói đến tất cả sự vật có một cách khách quan, giả thiết có người hay không có người. Cũng như chữ *"Vô"* cũng không phải nói đến một cái gì không phải là tất cả các sự vật khách quan đó. Ngay cả chữ *khách quan* cũng chỉ là một lối nói giả thiết, tiêu cực đối kháng với một tiền kiến của sự hiện hữu mặc nhiên của con người, gọi là chủ quan. Khi nói tư tưởng Trung hoa bám sát cuộc sống chứ không phải là một tri thức luận, thì ta hiểu nhận xét đó còn trừu tượng đi ngoài dự tính của tác giả Đạo Đức Kinh. Nhưng nếu ta lấy một điển hình của cuộc sống hằng ngày, thì sự việc lại rõ hơn: chẳng hạn nói đến Đạo như sự đối xử, thân cận giữa cha mẹ và con cái, giữa hai người tình với nhau. Như thế, bám sát đời sống tức là những gặp gỡ, chung đụng mỗi ngày của cuộc đời con người. Khi đưa sự sống đó vào tri thức luận, thì không khác gì đặt vấn đề ba tôi, người tình của tôi là gì, có hay không, ai có trước, ai có sau. Qua thí dụ thông thường đó, ta thấy khi đặt vấn đề như Jean-Paul Sartre triết lý về tương giao cha mẹ và mình trong khung cảnh tri thức luận để phê phán, để đánh giá, thì bấy giờ sợ rằng ta đã che lấp cuộc sống rồi. Và không bao giờ câu trả lời của câu hỏi luận lý đó có thể với đến Đạo cha-con, tình nghĩa cả. *"Hữu"* và *"Vô"* trong Đạo Đức Kinh không nằm trong vòng vi của câu hỏi luận lý như trong ví dụ nêu trên, và cũng không chỉ nằm ở vòng nhân bản mà thôi. Vì thế, khi tân nho gia đưa Đạo vào nhân nghĩa trong khuôn khổ thuần xã hội thì Đạo Đức Kinh mới xác quyết :*"Trời Đất không nhân,* c*oi vạn vật như loài chó rơm" (chương V)*.

Không ai mổ xẻ tim xem tình yêu là gì ở trong đó, thì cũng khó mà truy tìm Tâm của Đạo trong các mối tương quan thuần nhân bản hay thuộc lãnh vực kiến thức về sự vật.

---

[77] LIOU Kia hway *sđd* tr 3
[78] NGUYỄN Duy Cần, *sd*. tr. 37 .

Như thế, ý nghĩa chữ *Huyền Đồng* không phải là tuyên dương sự đồng đẳng hóa giữa Đạo với con người và thiên nhiên; trái lại là lời cảnh giác con người về nguy cơ đồng hóa đó: Đạo *đồng* với chính mình (*=Đạo)* khi khai mở ra với người, cũng như khi từ chối khai mở. Như thế *"đồng"* cũng nói lên sự siêu việt của Đạo ở chỗ thật gần và cũng thật xa con người, chứ không phải Đạo với người là một. Và hẳn nhiên là không đồng với cây cỏ thiên nhiên theo nghĩa *"natura naturans*". Nhưng đối chiếu với thân phận người để nói đến Đạo để thấy được siêu việt (= huyền) của Đạo, thì việc đó cũng còn là tương đối. Đạo cao hơn thế nữa: *"Huyền chi vị huyền"* là đẩy con người đến bờ vực, là cửa của mọi sự vi diệu. Bên kia bờ, Đạo Đức Kinh rất lạc quan, chỉ nói đến chữ *"diệu".*

Và ở đây ta thấy cái khác giữa bi kịch Hy Lạp, Do Thái và tư tưởng Trung Hoa.

Do Thái không nhìn tới, nhưng quay lại cái bế tắc của con người và kêu lên: *"Từ vực sâu"* (de profundis) *tôi kêu lên... xin thương xót*. Vực sâu khi nhìn về tối tăm nơi cuộc đời.

Hy Lạp, khi truy tìm chân lý, thì thấy *khoảng trống ngăn cách* giữa "lời người" và "Lời bao trùm". Khoảng trống ngăn cách là nghiệp lầm lạc buộc người với thời gian; sáng mắt hay mù lòa (Oedipe đã tự đâm mắt mình) cũng không xóa được nghiệp. Ngay cả kẻ mù, kẻ ngược đời là Térésias cũng chỉ thấy được sự ngăn cách như chuyện đã rồi, không thể cứu vãn (xem kịch bản *Oedipe –Vua* của Sophocle). Chân lý luôn là thảm kịch và đó là nghĩa thật của cuộc đời. Và "Lời khai mở ra" mà sức con người tiếp nhận được chẳng qua cũng chỉ là *bóng, là tiếng vọng của chân lý,* hoặc là vết thương đau nhắc nhở con người về thân thế lưu lạc của mình…

Nơi tư tưởng của Lão, cũng như trong tâm thức của người Trung Hoa, điều không thể giải thích là tại sao bi kịch lại vắng bóng. Dẫu dân tộc này cũng chứng kiến những cảnh tang thương không kém các dân tộc khác, nhưng cảm thức Tâm của Đạo vẫn gần và luôn che chở, cũng như cảm thức Tâm của Đạo thật siêu việt nhưng không tạo run sợ hoặc phản kháng.

Đó là điểm chung rất "Trung hoa" nơi Lão và Khổng mà ta sẽ thấy ở phần sau.

*

* *

VỀ MUC LUC

HỌC LÀM NGƯỜI QUÂN TỬ

Loạt 120 bài "Học làm người và làm con cái Chúa"

của Lm Đan Vinh, HHTM

BÀI 05

GIÁO DỤC NHÂN BẢN – HỌC LÀM NGƯỜI QUÂN TỬ

1. LỜI CHÚA : " Vậy anh em hãy nên hoàn thiện, như Cha anh em trên trời là Đấng hoàn thiện" (Mt 5,48).

2. CÂU CHUYỆN : QUAN VŨ TRỌNG NGHĨA KHINH LỢI :

Trong "Tam Quốc Diễn Nghĩa", **QUAN VŨ** hay còn gọi là Quan Công, có tên tự là Vân Trường, là một trong ba huynh đệ kết nghĩa Vườn Đào cùng với Lưu Bị và Trương Phi. Cũng như Trương Phi, Quan Vũ đi theo phò tá huynh trưởng Lưu Bị, là cánh tay đắc lực của Lưu Bị và là người đứng đầu ngũ hổ tướng nước Thục.

Quan Vũ được mọi người yêu thích bởi tính cách trung nghĩa hào kiệt, cũng như tài năng chiến trận của mình. Là người đứng đầu ngũ hổ tướng, Quan Vũ có võ công phi thường : Một mình

địch trăm người, lập nên nhiều chiến tích oanh liệt. Có thể kể ra là : Trảm Nhan Lương; Chém Văn Xú; Một mình qua ải chém sáu tướng; Góp công giúp Lưu Bị chiếm Xuyên Thục và giữ Kinh Châu. Quan Vũ chính là mãnh tướng mà Tào Tháo muốn có, nhưng vì tính trung dũng mà Quan Vũ nhất quyết không chịu, chỉ một lòng một dạ với huynh trưởng mà thôi. Là người trọng nghĩa khinh lợi. Tuy ông bị vây hãm, lại được Tào Tháo đối đãi hơn người, dùng tiền tài để dụ dỗ, nhưng ông không động tâm, trái lại vẫn thủy chung không quên nghĩa với Lưu Bị. Việc trọng nghĩa của Quan Vũ trở thành mẫu gương trong cách đối nhân xử thế của người quân tử, được người đời ca tụng.

3. SUY NIỆM : PHÂN BIỆT QUÂN TỬ VÀ TIỂU NHÂN :

Quân tử trong văn hóa truyền thống là tấm gương đạo đức có đủ những phẩm chất cao thượng là : Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín...

Quân tử là trọng điểm mà Khổng Tử muốn truyền đạt cho hậu thế. Để phân biệt rõ thế nào là người quân tử, Khổng Tử thường so sánh quân tử với tiểu nhân về các phương diện : ĐẠO ĐỨC, NHÂN CÁCH, ĐẠO NGHĨA, LỢI ÍCH VÀ HÀNH VI… như sau :

1) QUÂN TỬ TRỌNG NGHĨA KHINH LỢI, TIỂU NHÂN TRỌNG LỢI KHINH NGHĨA :

- Thứ mà người quân tử đề cao là **đạo nghĩa cao đẹp**, đang khi tiểu nhân lại đề cao **lợi lộc vật chất**. Người quân tử hành động dựa theo **tiêu chuẩn đúng sai**, đang khi tiểu nhân dựa theo **tiêu chuẩn lợi hại**.

Khổng Tử đề cao lối **sống đạm bạc** của học trò Nhan Hồi như sau : "***Ăn cơm thô, uống nước trắng, gối lên cánh tay ngủ, niềm vui** đã có trong đó rồi*".

Tu dưỡng của người quân tử là lấy **Đạo** làm chuẩn mực : "***Thấy lợi thì nghĩ đến nghĩa***", vì phú quý có được bằng bất nghĩa thì chỉ là thứ của cải **phù vân** chóng qua.

- Khi người quân tử rơi vào hoàn cảnh hoạn nạn khốn cùng, thì vẫn **luôn giữ được chí hướng,** kiên trì với **chính nghĩa**, *giống như cây tùng cây bách, dù gặp thời tiết khắc nghiệt giá lạnh sương tuyết ra sao, vẫn luôn xanh tươi mà không bị tàn úa*. Còn kẻ tiểu nhân khi gặp hoàn cảnh khốn cùng sẽ **suy nghĩ và hành động vô nguyên tắc,** miễn sao **tránh hoạ cho mình, dù có gây hại cho người khác**.

2) QUÂN TỬ HÒA MÀ KHÔNG ĐỒNG, TIỂU NHÂN ĐỒNG MÀ KHÔNG HÒA :

- Người quân tử tìm kiếm sự **hài hòa thống nhất trong lòng**, chứ không ở hình thức bên ngoài. Trong cách giao tiếp đối nhân xử thế, người quân tử luôn **độ lượng bao dung** trong mọi hoàn cảnh. Họ kiên trì giữ vững **tiết tháo và đạo nghĩa,** không hùa theo kẻ quyền thế, không vào phe với thế lực gian ác.

Còn kẻ tiểu nhân khi kết giao chỉ nhằm **mưu lợi**, dựa vào **thế lực cường quyền**, **hại người lợi mình**. Để đạt được tư lợi thì bề ngoài ra vẻ nhất trí, nhưng trong lòng lại ngầm làm hại những kẻ không cùng phe phái với mình.

- Người quân tử **không mong cầu Đồng**, không yêu cầu người khác phải giống mình, nhưng để họ tự do có **điểm riêng**. Khi đối đãi với bằng hữu thì người quân tử luôn **tôn trọng, lắng nghe** để cảm thông nên dễ hoà hợp với mọi người.

Còn kẻ tiểu nhân lại chỉ **cầu Đồng** bên ngoài nhưng thiếu **hòa hợp** bên trong.

Quân tử chung **sống hòa thuận** với mọi người, không kéo bè kết đảng nhằm mưu lợi cá nhân. Còn tiểu nhân thì ngược lại : Việc gì cũng **phụ họa** theo số đông, mà không theo chuẩn mực đạo đức, nên cùng lắm cũng được coi là hạng **ngụy quân tử**.

- Theo Khổng Tử, phán đoán về đức hạnh của một người "*không được dựa theo sự yêu ghét của số đông, mà phải **dựa theo tiêu chuẩn đạo đức**, cần **phân biệt rõ thiện ác trắng đen** chứ **không dựa theo sự thỏa hiệp** ”*.

3) QUÂN TỬ YÊU CẦU BẢN THÂN, TIỂU NHÂN YÊU CẦU THA NHÂN :

Khi xảy ra sự cố thua lỗ thất bại, người quân tử sẽ kiểm điểm để tìm nguyên nhân xem trách nhiệm của mình đến đâu để kịp thời khắc phục. Còn kẻ tiểu nhân lại chỉ biết đổ lỗi cho người khác.

4) QUÂN TỬ CÓ TÂM HỒN BÌNH THẢN, CÒN KẺ TIỂU NHÂN LUÔN LO ÂU :

- Người quân tử quang minh lỗi lạc, không lo âu sợ hãi, trong lòng trong sạch, luôn dùng thiện lương mà đối đãi với kẻ khác, nên "***lòng rộng mở bình thản*".**
Còn kẻ tiểu nhân luôn so đo tính toán, do bị dục vọng và lợi ích tác động, nên trong **lòng luôn lo lắng, sợ hãi.**
- Q**uân tử** luôn coi **trọng thành tín** : Thành thực là Đạo của Trời. Cần phải làm mà ***không tư dục***, thản nhiên mà ***không lừa dối***, bền bỉ mà ***không mệt mỏi***. Người quân tử **trung tín trước sau như một, lời nói luôn đi đôi với việc làm,** biểu hiện qua ***thái độ chân thành***, trái với **thái độ giả dối của kẻ tiểu nhân.**
- Người quân tử trong lòng có **lễ nghĩa**, hành vi **quang minh chính đại**, lập trường kiên định đi theo **chính đạo chứ không có thái độ ba phải**.

TÓM LẠI : **Lòng dạ và tầm nhìn** của người quân tử và kẻ tiểu nhân hoàn toàn đối nghịch nhau.
Khổng Tử nói: "*Đạo người quân tử có ba phương diện:*
NHÂN nên *không lo buồn,*
TRÍ nên *không bị mê hoặc,*
DŨNG nên *không sợ hãi*".
Ông khen các học trò của mình đã sở hữu được các đức tính của quân tử như sau :
NHAN HỒI **an bần lạc đạo**,
TỬ CỐNG **thông minh chân thành**,
TỬ LỘ **chính trực dũng cảm**,
TĂNG SÂM **trung thực quang minh.**

4. SINH HOẠT : Bạn giải thích thế nào về những đức tính của người quân tử mà các học trò của Khổng Tử đã đạt được : An bần lạc đạo, thông minh chân thành, chính trực dũng cảm, trung thực quang minh.

5. LỜI CẦU :
Lạy Chúa Giê-su. Con thấy những đức tính : **Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín của người quân tử** do Khổng Tử dạy rất gần với **các nhân đức tự nhiên** mà các môn đệ của Chúa là chúng con hôm nay cũng cần học tập để nên người **trưởng thành về nhân cách** và nhờ đó sẽ **gây được thiện cảm với tha nhân** khi đối nhân xử thế.
Xin cho chúng con biết học sống : Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín là **các đức tính nhân bản tự nhiên**, đồng thời sống **theo gương mẫu và lời dạy của Chúa** trong Tin Mừng. Nhờ đó, chúng con sẽ vừa nên **trưởng thành về nhân cách**, lại vừa nên **con thảo của Cha trên trời** như Chúa xưa đã được Chúa Cha xác nhận là “Con yêu dấu luôn làm đẹp lòng Cha” (x. Mc 1.11).- AMEN.

LM ĐAN VINH – HHTM

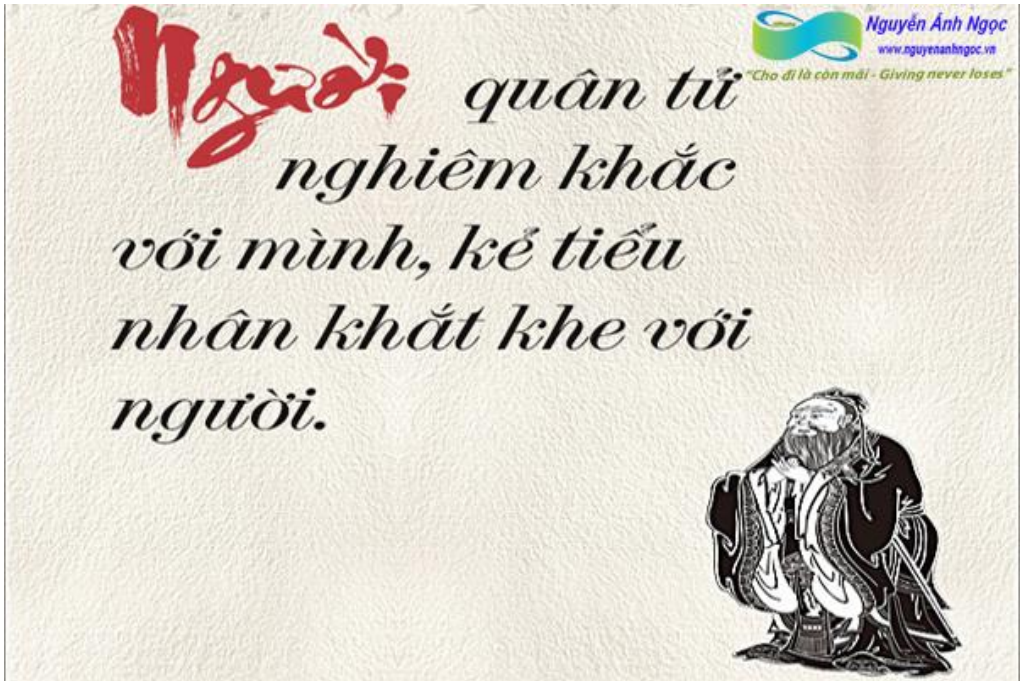

VỀ MỤC LỤC

THAM NHŨNG VÀ HỐI LỘ

LỜI TẠM BIỆT:

Kính xin mọi người hiệp thông
cầu nguyện cho Cha Cố
PX. Hoàng Đình Mai
1947- 01.09.2018

Xin chân thành cám ơn

Quán trọ đời chân trần nay đã mỏi,

Chào mọi người tôi tạm biệt ra đi,

Đột ngột chia tay chẳng kịp nói gì.

Xin nhắn gửi đôi lời ai ở lại:

"Quà Tặng Tin Mừng" đang đợi tiếp theo...

"Cơm Yêu Thương" giúp ung thư ngặt nghèo.

Đa tạ tấm lòng chung tình bác ái.

Làm đẹp lòng Thiên Chúa: giáng Hồng Ân.

Kính báo: Mọi sự giúp đỡ cho chương trình Quà Tặng Tin Mừng và Cơm Yêu Thương, xin vui lòng liên lạc BBT CGVN conggiaovietnam@gmail.com

Để tưởng nhớ và tri ân Lm Gã Siêu Hoàng Đình Mai, Đặc San GSVN sẽ cho đăng mỗi kỳ một Chuyện Phiếm của Gã Siêu.

THAM NHŨNG VÀ HỐI LỘ

Trong những năm tháng gần đây, việc gian lận, xơi tiền của dân của nước mỗi ngày một phát triển, cả về số lượng lẫn về phẩm chất. Mặc dù không nhớ rõ lắm, nhưng gã cũng xin "kê đơn hoàn tán" những vụ điển hình.

Ngày xưa, Nguyễn văn Mười Hai, chủ tiệm nước hoa Thanh Hương, đã dùng thủ đoạn vay vay mượn mượn để ẵm của những người dân tội nghiệp hơn 104 tỷ đống.

Theo vết xe đổ, Phạm công Tước cũng đã dùng mánh mung trên để nuốt trửng 130 tỷ đồng của ngân hàng Nhà nước.

Người đẹp Trần xuân Hoa, với độc chiêu ấy cộng thêm tí nhan sắc trời ban cho, đã xơi tái 250 tỷ đồng của ngân hàng.

Noi gương các vị tiền bối, Phạm huy Phước cũng đã vay vay mượn mượn và rồi đã ăn trọn hơn 300 tỷ đồng.

Có một thời, phong trào giật hụi, bể nợ như một trận cuồng phong thổi vào đất nước, ở mọi nơi và trong mọi lúc, người ta dở khóc dở cười, dở mếu dở máo vì đồng tiền chắt chiu bằng mồ hôi nước mắt của mình bỗng dưng bị bốc hơi, còn thủ phạm thì cao chạy xa bay, hay ngồi tù ít ngày để tồn tâm dưỡng tánh vì không còn khả năng chi trả.

Và gần đây hơn, hai vụ nổi cộm đã làm cho người dân phải xót xa, đó là vụ Tân trường sanh và Tăng minh Phụng.

Với vụ Tân trường sanh thì số hàng nhập lậu lên tới hơn 900 tỷ đồng. Riêng số tiền chè nước lo lót khoảng 9 tỉ rưỡi. Còn vụ Tăng minh Phụng, thì Nhà nước mất toi 4.000 tỷ đồng, bằng số tiền của toàn dân thắt lưng buộc bụng mua công trái trong hai tháng đầu tiên được phát động của năm 1999.

Từ những sự kiện trên, gã bỗng nhớ tới câu chuyện cổ tích "ăn khế trả vàng".

Ngày xửa ngày xưa, tại một làng nọ có một nhà kia, ông bố chết đi để lại hai người con trai với một gia tài kếch xù. Ông anh, ỉ mình là trưởng nam quyền huynh thế phụ, đã nuốt vội nuốt vàng toàn bộ sản nghiệp to lớn ấy, chỉ để lại cho chú em một túp lều tranh xiêu vẹo và một cây khế.

Hằng ngày, chú em hái khế đem ra chợ bán lấy tí tiền còm đong gạo và mua sắm những thứ cần thiết cho sinh hoạt gia đình bởi vì đó là nguồn thu nhập duy nhất.

Cũng như mọi ngày, sáng sớm hôm đó chú em ra hái khế, thì một con quạ to ơi là to đã xơi hết những trái chín. Thấy vậy, chú em bèn than thở cả tiếng :

- Quạ ơi quạ, quạ biết tôi nghèo túng mà còn nỡ lòng nào xơi hết những trái khế chín của tôi.

Quạ trả lời :

- Anh đừng lo, ta sẽ đền ơn đáp nghĩa cho anh. Anh hãy về may một cái túi rồi sáng mai chờ ta tại đây.

Nghe quạ nói, chú em về nhà may một cái túi, rồi sáng hôm sau ra gốc cây khế chờ quạ. Chờ chưa được bao lâu thì quạ đến và công chú em tới một hải đảo xa xôi, nhưng lại đầy vàng.

Khi chú em lượm chặt túi, quạ liền công chú về. Với túi vàng này, chú em làm lại nhà cửa và trở nên một người giàu có trong làng.

Sững sờ trước sự phất lên mau chóng của chú em, ông anh bèn gạ gẫm hỏi cho biết bí quyết mánh mung. Chú em đơn sơ thật thà kể lại đầu đuôi sự việc là như thế cho ông ta.

Sáng hôm sau, ông ta ra hái khế, thấy quạ đã xơi hết trái chín, liền than thở đúng bài bổn và được quạ căn dặn về nhà may túi.

Khấp khởi mừng thầm vì phen này ắt hẳn vớ to. Ông ta quát tháo bà vợ may cho mình một chiếc bao thật lớn, loại bao hai dạ “được mùa” của các bác nông dân vùng đồng bằng sông Cửu long.

Sáng hôm sau, ông ta cũng ra chờ ở gốc khế và được qua công ra đảo vàng. Ông ta lèn cho đầy một bao, rồi lại còn nhét vào trong túi quần, túi áo và ngậm cả ở trong miệng.

Quạ công ông ta về, nhưng vì không kham nổi trọng lượng của bao vàng, nên cuối cùng đã phải thả ông ta xuống biển khiến ông ta bị chết trôi chết nổi giữa sóng nước.

Từ câu chuyện trên gã nghiệm ra một sự thật :

- Phàm đã là người thì dường như không nhiều thì ít, ai cũng có tí máu tham trong mình. Đã cầm cuốc thì ai cũng cuốc vào chứ nào ai có cuốc ra bao giờ. Hễ có dịp, thì dường như ai cũng chịu khó vơ vét cho đầy túi tham. Chỉ phiền một nỗi là đối với lắm kẻ thì túi tham ấy lại thủng đáy, cho nên vơ vét vào mà chẳng bao giờ đầy.

Sự việc xảy ra ở bên Đức :

Khi trận đấu bóng kết thúc, mọi người ra khỏi sân vận động, không hiểu tiền ở đâu mà rơi vãi lắm thế trên hè phố. Thế là tất cả, từ những người đạo mạo và mô phạm cho đến những tay

cà chớn, ai nấy đều mắt trước mắt sau, lấm lét cúi giả bộ như sửa giây giày, nhưng thực chất là xuống lượm và lượm cho bằng hết những đồng tiền rơi vãi.

Tuy nhiên, khi về tới nhà, dưới ánh đèn sáng choang thì mới bật ngửa, té ra đó chỉ là những đồng tiền giả của một kẻ chơi khăm, muốn trắc nghiệm xem có quí vị nào không tham.

Nếu gian tham là một chứng bệnh, thì nơi những người có quyền có chức, chứng bệnh này thường được bộc phát qua hai dạng đặc biệt, đó là tham nhũng và hối lộ.

Đúng thế, phải có quyền có chức, phải là các quan thì mới có điều kiện và cơ may để đớp tiền chùa của nhà nước cũng như xơi tiền mồ hôi nước mắt của dân, như cha ông chúng ta ngày xưa đã từng lên tiếng báo động :

- Con ơi, nhớ lấy câu này,

Cướp đêm là giặc, cướp ngày là…quan.

Người ta thường dùng lẫn lộn tham nhũng và hối lộ, nhưng theo thiển ý của gã, mặc dầu có chung một mẫu số là xơi tiền của dân của nước, nhưng mỗi bên đều có những lãnh vực riêng biệt.

Vậy thế nào là tham nhũng và thế nào là hối lộ ?

Trước hết, chúng ta sẽ cùng nhau bàn về tham nhũng.

Impact, một tạp chí chuyên ngành về tài chính có uy tín đã đưa ra một định nghĩa khá mỹ miều như sau :

- Tham nhũng là sự coi thường tính minh bạch và liêm khiết trong các vấn đề có liên quan đến lợi ích công cộng.

Định nghĩa này xem ra có vẻ hoa hòe hoa sói, nhiêu khê và rắc rối.

Còn theo “Việt nam tự điển” của Lê văn Đức thì :

- Tham nhũng xuất phát bởi bốn chữ “tham lam nhũng lạm”. Bốn chữ này có nghĩa là ăn bớt của chung.

Còn nếu nói huỵch toẹt như gã, thì :

- Tham nhũng chính là ăn cắp của công.

Nghệ thuật ăn bớt, ăn xén, ăn cắp…của các quan thì thiên biến vạn hóa đến quỉ thần cũng không lường nổi.

Chẳng hạn như Nhà nước trao cho quan xây dựng một công trình. Quan liền ký hợp đồng với một công ty nào đó, thỏa thuận nâng giá thành lên để rồi chia nhau phần sai biệt. Làm như vậy, cả hai đều có lời, nhưng lại là một thứ cấu kết liên doanh với ma quỉ.

Rồi khi mua sắm vật tư, quan có thể làm hóa đơn khống, nghĩa là không mua mà vẫn có hóa đơn, hay mua một nhưng ghi thành hai, hay mua rẻ nhưng ghi thành mắc…Vì thế, quan càng làm, càng có tiếng với dân, lại càng có nhiều miếng để mà đớp.

Quan đánh hơi thấy chỗ nào có mùi tiền là liền vươn vòi bạch tuộc tới đó, hay chịu khó nhúng cả bàn tay lông lá vào ngay. Thậm chí có những quan vui vẻ xơi ở cả những chỗ không đáng xơi.

Chẳng hạn đồng tiền của những cơ quan viện trợ giúp cho những người phong cùi hay mồ côi, chạy vòng vo tam quốc, thế nào cũng rò rỉ vào túi các quan một mớ, quan lớn xơi nhiều, quan bé xơi ít, để rồi khi tới tay trại phong cùi hay viện cô nhi thì chẳng còn bao nhiêu. Chỉ là như mấy giọt nước tong teo được nhỏ xuống mà thôi.

Gã còn nhớ, năm 1978 vùng gã ở bị lụt lớn. Nhà nước kêu gọi toàn dân nhường cơm sẻ áo, lá lành đùm lá rách. Thậm chí ngay cả những thày cô giáo vùng gã, vốn mang danh là những người "húp cháo", lại đang gặp thiên tai cũng phải hưởng ứng lời kêu gọi cứu trợ. Mà không hưởng ứng cũng không được vì thiên hạ trừ tật vào tiền lương của mình. Thôi thì lá rách ít đùm lá rách nhiều, lá rách vừa vừa đùm lá rách te tua, cứu trợ bất dắc dĩ cũng chẳng sao, đổi khóc thành cười mà miệng thì cứ méo xệch.

Theo số liệu trên báo chí thì khoản tiền cứu trợ này thật đáng khích lệ, nhưng cuối cùng trong cả ấp của gã thì chỉ có mấy gia đình thuộc hạng "khố rách áo ôm", nghèo rớt mùng tơi là được chiếu cố, đi lãnh mấy ký gạo hẩm và một lít nước mắm thối của cái được gọi là cứu trợ đồng bào bị thiên tai. Quả là đầu voi đuôi chuột.

Những vị quan có máu tham nhũng được sánh ví như là những con chuột nhắt đục khoét bồ lúa, hay như một loại mối mọt ăn rỗng cây cột và làm cho cây cột bị gẫy đổ lúc nào không hay. Quĩ của Nhà nước mỗi ngày một tóp lại và trở nên rỗng tuếch, còn quĩ của các quan mỗi ngày một phình ra, nào nhà lầu, nào xe hơi và trăm thứ lỉnh kỉnh khác nữa.

Hồi gã còn bé ở ngoài Bắc không có nhiều kẹo như bây giờ. Cả nhà có mỗi một khạp mật được bố cất kỹ để dùng mỗi khi cần đến chất ngọt. Thế là những lúc bố đi vắng, gã bèn chui vô ăn vụng bằng cách chấm ngón tay vào khạp mật, ngoáy một vòng rồi đưa lên miệng mút lấy mút để, mút hết cả ghét khiến ngón tay cứ…trắng tươi.

Với các quan cũng vậy, hành động tham nhũng chính là hành động chấm mút. Các quan chấm ngón tay vào công quĩ rồi vô tư, mặc sức mà…mút cho thoải mái.

Bây giờ gã xin bàn tới phạm trù thứ hai, đó là ăn hối lộ.

Ngày xưa có những bọn cướp thường chặn và bắt dân chúng phải đóng một khoản tiền được gọi là "mãi lộ", để "mua đường đi", thì mới được qua lại trên đoạn đường ấy. Chẳng hiểu có phải vì vậy mà phát sinh ra hai chữ hối lộ, tức là đút lót tiền cho các quan để nhờ cậy một công việc, để được che chở hay được một ơn huệ nào đó.

Nói cách khác, hối lộ là việc người dân dùng tiền bạc hay quà cáp… có khi vui lòng, có khi bị ép buộc mà dâng cho các quan một cách kín đáo trong một dịch vụ nào đó.

Thuở ban đầu, khi nhân chi sơ tính bản thiện, thì hành vi biếu xén rất có thể chỉ là một hành vi đền ơn đáp nghĩa.

Chẳng hạn gia đình bị mất trộm, tôi đến công an trình báo và công an không những đã tìm ra thủ phạm mà còn bắt thủ phạm phải hoàn trả những món đồ đã chôm được của gia đình tôi. Khi nhận lại những của đã mất, tôi thầm nghĩ mình cũng phải biết điều, ít nữa là đối với những anh em công an. Mặc dầu họ không đòi, nhưng mình vẫn phải làm, như có một sự thúc ép từ bên trong :

- Đã nhận ơn thì phải biết ơn và đền ơn.

Thế nhưng chuyện đời không đơn sơ và phẳng phiu như thế. Kinh nghiệm cho thấy : đồng tiền đi trước, đồng tiền khôn. Đằng nào cũng đút thì nên đút trước, bởi lẽ sẽ làm cho quan vui vẻ hơn. Và một khi quan đã vui vẻ thì công việc của mình hẳn sẽ đầu xuôi đuôi lọt, đỡ phải những mắc míu khó khăn, như một nhà thơ đã phát biểu :

- Có tiền việc ấy mà xong nhỉ.

Trong báo"Tuổi trẻ chủ nhật" có ghi lại một mẩu chuyện hài hước của Zadorop. Mẩu chuyện ấy đại khái như thế này.

Vừa qua, người ta đưa tôi vào bệnh viện để mổ ruột thừa gấp. Thế nhưng bác sĩ nói :

- Hôm nay chúng tôi phải giải phẫu cho mấy người nước ngoài.

- Xin bác sĩ cứ tính gấp đôi.

Bác sĩ vui vẻ nói :

-Đây lại là chuyện khác, đáng lẽ anh nên nói ngay từ lúc đầu.

Thế là bác sĩ mổ cho tôi ngay lập tức, không kịp tiêm thuốc tê vì cô y tá gây tê xin nghỉ bù sáng nay.

Khi ruột thừa đã cắt xong thì đúng mười hai giờ. Bác sĩ buông dụng cụ, lột bao tay và nói :

- Hết giờ làm việc.

- Thế ông không khâu lại cho tôi sao ?

- Tự nó sẽ lành thôi.

Tôi lại thử một lần nữa :

- Chỗ quen biết, ông cứ tính cả tiền xăng dầu, lẫn tiền cà phê luôn nhé.

- Thế thì được, theo nguyên tắc chúng tôi không khâu cho ai ngoài giờ cả. Nhưng chỗ quen biết với nhau, tôi linh động cho anh đấy.

Cuối cùng, bác sĩ đã khâu bụng lại cho tôi. Nhưng chẳng có ai đưa tôi về phòng. Tôi cố gọi mấy cô y tá, nhưng ai cũng đi qua vội vã. Mãi nửa đêm tôi mới nhờ được một người tàn tật cho bám vào xe lăn.

Chính vì thế, dân cảm thấy đó là như một bổn phận vì muốn được việc thì cần phải biết điều, cần phải hối lộ. Còn các quan, được đút mãi, được xơi hoài thành tật theo kiểu "quen mui thấy mùi ăn mãi", và nghiễm nhiên coi đó là một thái độ phải có, một bổn phận phải làm của dân.

Đây quả là cái vòng luẩn quẩn của một mê hồn trận, của một thế cài răng lược, tựa lưng vào nhau mà sống : Có đớp thì mới đút và có đút thì mới đớp.

Thậm chí trong vụ Tân trường sanh, bị cáo Phùng long Thất, một cán bộ Hải quan cao cấp đã phải thốt lên ai oán :

- Thân mình không thể không nhận “bồi dưỡng”, vì ngày nào cũng bị khách hàng o bế cung phụng.

Và như thế, tệ trạng hối lộ đã trở thành chuyện đời thường, như một tục lệ đương nhiên. Mà đã là lệ thì khó mà xóa bỏ, bởi vì phép vua còn thua cả lệ làng.

Tệ trạng hối lộ vẫn đang liên tục phát triển, trăm hoa đua nở với những danh xưng thật mỹ miều, nào là tiền bồi dưỡng, tiền chè nước, nào là phong bì, quà cáp…Tệ trạng này có mặt trong mọi lãnh vực, gã xin ghi lại nơi đây một số ý kiến của bạn đọc về vấn đề này đã được đăng tải trên báo Công giáo và Dân tộc.

“Khi xin giấy tờ về nhà đất, về kinh doanh hay mua bán xe…tất cả đếu phải “trà nước” nếu muốn nhanh việc. Cho dù đây không phải là luật, nhưng đã là lệ. Nếu phải chạy đi chạy lại nhiều lần cho một công việc nào đó, gia đình sẽ bảo tôi là khờ, là không bén “nhạy”.

“Bây giờ muốn làm gì thì khó mà đi tay không. Việc tặng quà đã trở thành cái nếp, gần như là một cố tật của xã hội. Người ta cho rằng những món quà chỉ mang ý nghĩa “tình cảm”. Thật ra chẳng tình cảm chút nào cả, chỉ có người tặng quà và người nhận quà mới biết rõ nó mang ý nghĩa gì. Theo tôi, hối lộ có nhiều mức độ khác nhau, nhưng mức độ khởi đầu của nó là quà biếu.

“Tôi xin làm bản sao khai sinh cho con để nộp đơn đi học. Nhân viên hộ tịch bảo phải một tuần sau. Tôi đành đưa một phong bì bồi dưỡng. Thế là mọi chuyện ổn thỏa nhanh chóng.

“Mấy lần trước về tới Tân sơn nhất, nhiều Việt kiều nhét 5 USD vào giấy thông hành. Lần này về thăm gia đình, lại chẳng tốn đồng nào. Tôi nghĩ đã có sự thay đổi trong đội ngũ hải quan. Nhưng gia đình tôi lại nói chắc là họ quên.

“Ba tôi mất ở bệnh viện bị đưa xuống nhà xác. Gia đình phải chi tiền bồi dưỡng cho nhân viên quản lý, xác ba tôi mới được nhanh chóng về nhà. Mẹ tôi cũng nằm viện, do rút kinh nghiệm, nên khi mẹ hấp hối, gia đình xin đưa mẹ về trước. Nhưng cũng phải bồi dưỡng cho các bác sĩ, y tá…

“Có người đã gọi ngày nhà giáo là “ngày cho đồ thày cô”. Tôi buồn quá. Một ngày kỷ niệm bị biến thành ngày nặng về vật chất, bôi nhọ luôn những món quà đầy ắp tình cảm.

Lời phát biểu trên chưa đau cho bằng lời phát biểu của một vị phụ huynh mà gã đã được nghe thấy :

- Chúng tôi đã đóng tiền cho các thày các cô nhậu rồi còn đòi hỏi gì nữa!!!

Từ những cảm nghĩ trên, có người đã cho rằng : tiền hối lộ chính là một “chất mỡ” bôi trơn bánh xe vận hành thương mại và đầu tư ở các nước đang phát triển.

Họ nêu ra trường hợp một địa phương miền nam Trung quốc, nhà đầu tư phải lo lót tiền cho chính quyền xã để mở một con đường giao thông huyết mạch đi ngang qua xã này mà không có trong qui hoạch. Mấy năm sau, con đường ấy phát huy tác dụng, nhà đầu tư lẫn địa phương đó đều giàu lên.

Tuy nhiên, một vài trường hợp như trên không đủ để thuyết phục bất cứ ai thấm thía với tệ nạn tham nhũng hối lộ bởi vì nó chính là yếu tố quan trọng hơn cả làm suy thoái kinh tế và mất ổn định xã hội.

Luật sư Nguyễn văn Phương cũng viết :

“Một nguyên nhân nổi bật và gây nhức nhối là vấn đề “tiền bồi dưỡng”. Với “tiền bồi dưỡng”, người ta đã có thể mua được cả một ngành mà nhiệm vụ là gác cổng không để hàng lậu lọt vào phá hoại kinh tế quốc gia. Nhưng đâu chỉ có ngành Hải quan nhận tiền bồi dưỡng, mà vấn đề tiền bồi dưỡng có mặt ở khắp nơi, trong mọi hoạt động, trong mọi ngành nghề. Thiếu nó thì công việc không chạy, hoặc chạy không trơn tru, nên thật khéo khi người ta gọi nó là “tiền bôi trơn”. Vấn đề này xảy ra thường xuyên quá đến nỗi người ta coi nó là chuyện đương nhiên và không hề có mặc cảm tội lỗi khi thực hiện nó.

Theo con số thống kê quốc tế, trong thời gian từ 1988-1992, kim ngạch xuất khẩu bình quân hằng năm của mười tập đoàn xuất khẩu vũ khí đạn dược lớn trên thế giới là 30 tỷ mỹ kim, trong đó có khoảng 4 tỷ mỹ kim được dùng vào việc hối lộ trực tiếp hoặc gián tiếp các chính khách và các quan chức cao cấp.

Nếu gã không lầm thì hình như chính phủ của thủ tướng Tanaka bên nước Nhật cũng đã bị gục ngã vì số tiền hối lộ của một công ti chế tạo máy bay tại nước Mỹ!

Tuy nhiên đút được và được đút cũng như đớp được và được được đớp quả là một nghệ thuật. Ở đây gã chỉ bàn thêm chút xíu về hai thứ nghệ thuật này.

Hồi trước ngày Giải phóng, tất cả các xe đò muốn qua trạm kiểm soát một cách mau chóng thì anh lơ phải mau mắn nhảy xuống xe đút một tờ báo cho viên cảnh sát. Dĩ nhiên là trong tờ báo ấy có kẹp thêm “Đức thánh Trần”, tức là tiền năm trăm thời đó.

Bây giờ, các Việt kiều muốn thủ tục nhập cảnh được êm xuôi, thì khi tới sân bay, cứ việc kẹp sẵn vài đồng đô la trong hộ chiếu là qua cửa ải cái vù. Đó cũng là một cách đút.

Nếu đút cửa trước xem chừng có vẻ…căng, thì hãy chịu khó luồn cửa hậu, cửa sau, nghĩa là hãy chịu khó liên hệ với quan bà, vì một lời của quan bà đối với quan ông thì bằng ngàn lời của người dưng nước lã.

Thấy tiền và nhất là thấy vàng, chắc chắn quan bà sẽ rất lấy làm xúc động mà bàu cử cho.

Đây cũng là điều dễ hiểu, bởi vì lấy vàng để nhử đờn bà và lấy đờn bà để nhử đờn ông, vốn là một qui luật của ngàn đời.

Riêng các quan, muốn đớp một cách khéo léo ít kẻ biết được, thì mỗi khi có tí chuyện vui hay tí chuyện buồn như : đám giỗ cho các cụ thân sinh, đám cưới cho con, đám thôi nôi cho cháu, hay đám kỷ niệm quan ông lấy quan bà…thì cứ việc mở tiệc cho linh đình.

Đối với dân đen, thì đông vui hao, chứ đối với các quan, đông vui…thì chỉ có lời. Các thân chủ khi nhận được thiệp báo tin thì hãy lo chuẩn bị một phong bì thật chất lượng, hay quà cáp thật hậu hĩnh.

Có một vở kịch mang tựa đề là “phong bì” được báo Công An thành phố tóm lược như sau :

Có ông bác sĩ “lương y như từ mẫu” nên rất nghèo, quanh năm cứ được bà vợ cho ăn cơm với rau muống. Hết luộc tới xào, hết xào tới nộm, khiến ông thấy rau muống là phát ngán.

Cuối cùng hai vợ chồng mới tìm ra nguyên nhân khi soi rọi lại các đồng nghiệp của mình cứ giàu lên, đó là do ông bác sĩ chân chính này không chịu nhận phong bì. Hai vợ chồng ông bác sĩ sau khi “ngộ” ra cái nguyên nhân nghèo của mình, nên quyết định…nhận phong bì.

Bất ngờ có một đứa bé gái đến gõ cửa nhờ cứu mẹ đang nằm trong bệnh viện chờ mổ và đưa cho ông bác sĩ cái phong bì. Quyết tâm thì có, nhưng lương tâm thì chống lại, nên ông bác sĩ rất khổ sở, giằng xé trước cái phong bì. Nhận hay không nhận ? Bà vợ càng thúc giục, ông bác sĩ càng đau khổ.

Hỏi thăm hoàn cảnh của "khổ chủ" mới vỡ lẽ ra rằng trước đây đứa bé gái cũng có một người cha đau nặng phải vào nhà thương để mổ, nhưng vì nghèo quá không có phong bì nên người cha ấy đã chết. Bây giờ cô bé không muốn mất thêm người mẹ, nên cương quyết phải đưa phong bì cho ông bác sĩ.

Cuối cùng, cái gút của vấn đề đã được mở cũng từ cái phong bì khi có sự giằng co của bà vợ ông bác sĩ khiến tiền trong bì bị rơi : thì ra chỉ là mấy đồng bạc lẻ.

Để kết luận gã xin kể lại một mẩu chuyện nho nhỏ trong sách "Cổ học tinh hoa".

Có một ông quan vừa mới nhận chức tại một huyện xa xôi. Ban đêm, một người bạn đến thăm và đút cho ông ta một số tiền lớn. Ông quan thanh liêm nhất định không nhận, nhưng người bạn liền nói :

- Trời thì tối, chẳng có ai biết được đâu mà sợ.

Ông quan trả lời :

- Trời biết, đất biết, anh biết và tôi biết, sao lại nói chẳng có ai biết được đâu ?

Thế nhưng, các vị quan thời nay cứ phớt tỉnh ăng lê, ung dung xơi một cách tận tình, miễn sao đừng để cho sao quả tạ chiếu tướng. Chỉ khi nào lỡ chùi mép không kịp, bị sờ vào gáy và bị lôi ra tòa xét xử thì mới giật mình và vội vã kêu lên rằng :

- Mình bị oan…mình bị lừa…hay mình dốt và thiếu khả năng nhưng bị đặt ngồi vào ghế cao một cách bất đắc dĩ…

Giữa lúc ba tòa quan lớn xét xử những vụ tham nhũng hối lộ nổi cộm như Tân trường sanh, Minh phụng… thì báo chí cho biết :

- Các nhân viên hải quan đang thi hành nhiệm vụ vẫn tiếp tục nhận tiền bồi dưỡng và những người làm thủ tục hải quan vẫn tiếp tục đưa tiền bồi dưỡng như thường lệ.

Nếu vậy, cứ diệt tham nhũng, nhưng diệt rồi thì biết lấy ai mà lo việc dân việc nước.

Và thế là tòa xử, tòa cứ xử. Ta đớp, ta cứ đớp.

Chuyện Phiếm của Gã Siêu

VỀ MUC LUC

Giáo sĩ: xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân

Tri Ân
Cha Luca PHẠM QUỐC SỬ

Chủ Nhiệm Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

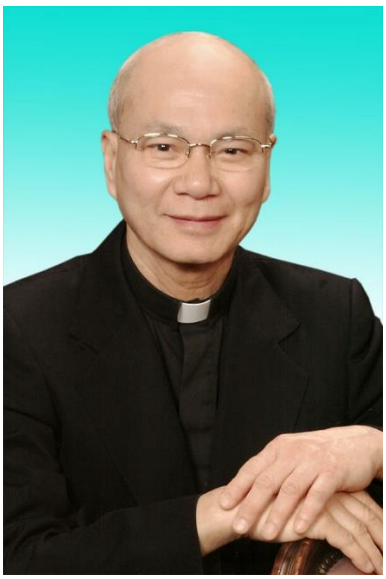

30.12.1946 – 01.12.2020

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gởi về địa chỉ giaosivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ võ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc "Trợ lực Giáo sĩ" bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những "Linh mục" không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ… (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quy vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại www.conggiaovietnam.net

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quí vị

Xin chân thành cám ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thế khác nhau.

TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam
Thư Ký: Giuse Phạm Hoàng Quỳnh.
TGP Baltimore USA